

NĂM THỨ 6 - NGÀY 15-2-1964

BÁCH KHOA

Số tân niên

HOÀNG MINH TUYNH tại sao ăn độ dùng võ
lực chiếm lại goa ? • NGUYỄN HIỂN LỄ một
vụ sôi nổi khắp thế giới : vụ exodus • THIÊN SINH
thái phiến và cuộc duy tân khởi nghĩa • TRẦN
HƯƠNG TỬ jaspers, hiện sinh và siêu việt •
VŨ THỤY HOÀNG, nhiên liệu đặc với cuộc thám
hiểm không gian • CÔ LIÊU mây trôi (giới thiệu les
merveilleux nuages của F. Sagan) • THẠCH HÃ
một chuyến xuất hành • NGUYỄN MINH HOÀNG
con dao cắt bánh mì (dịch Erskine Caldwell) •
HOÀI HƯƠNG xa cách • ĐOÀN THÈM hòa
âm số 1 • BÙI GIẢNG thăm anh chị • PHAN DUY
NHÂN đường bay của thơ • ĐÔNG HỒ thơ •
SAO TRÊN RỪNG cô đơn • VŨ PHIẾN thư
nhà • NGUYỄN NGU Í tìm hiểu nỗi lòng bạn biên
tập Bách Khoa • TRĂNG THIÊN đọc « dưới bóng
vạn lý » • NGUYỄN NGU Í
hội mùa xuân với đời
sống tình cảm Việt Nam •

123



Nhân dịp Lễ Lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "D.C."**

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lưu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quý vị thường thức luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**

Patience Saigon . ĐT. 23.916

và có bán tại đó :

. ALCOOL RECTIFIÉ

. ALCOOL DENATURÉ

. RƯỢU THUỐC "Ich. Thỏ. Tửu"

. DẦU ĂN HỎ HẠNG CHẾ ĐĂNG CAO 6°



BÁCH

KHOA Số Tân Niên

Số 123 ngày 15-2-62

HOÀNG-MINH-TUYNH	tại sao Ấn Độ dùng võ lực chiếm lại Goa.	3
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	một vụ sôi nổi khắp thế giới: vụ Exodus	9
THIỆN-SINH	Thái Phiên và cuộc Duy-Tân khởi nghĩa	23
TRẦN-HƯƠNG-TỬ	Jaspers hiện sinh và siêu việt	31
VŨ-THỤY-HOÀNG	nhiên liệu đặc với cuộc thám hiểm không gian	41
CÔ-LIÊU	mây trôi (giới thiệu cuốn <i>Les merveilleux nuages</i> của F. Sagan).	49
THẠCH-HÀ	một chuyến xuất hành (truyện ngắn).	57
NGUYỄN MINH-HOÀNG	con dao cắt bánh mì (dịch Erskine Caldwell)	65
HOÀI-HƯƠNG	xa cách (thơ)	72
ĐOÀN-THÊM	hòa âm số 1 (thơ)	74
BÙI-GIÁNG	thăm anh chị (thơ)	75
PHAN-DUY-NHÂN	đường bay của thơ (thơ)	76
ĐÔNG-HỒ	thơ	77
SAO-TRÊN-RỪNG	cổ đơn (thơ)	77
VÕ-PHIẾN	thư nhà (truyện dài)	79
MỘNG-TRUNG	giấc mộng xuân (thơ)	88
NGUYỄN-NGU-Í	tìm hiểu nỗi lòng bạn biên tập Bách Khoa.	91
TRÀNG-THIÊN	đọc « Dưới bóng vạn lý » (Pearl Buck, Lê-Bá-Kông và Vũ-Phượng-Minh dịch)	111
NGUYỄN-NGU-Í	hội mùa xuân với đời sống tình cảm Việt-Nam.	114

BÁCH KHOA

trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH có chuyện lạ xảy ra tại Kremlin ?

NGUYỄN-HIẾN-LÊ quốc gia Israel

CÔ-LIÊU uyên nguyên đời sống.

ĐOÀN-THÊM tìm đẹp

ĐỖ-HỒNG-VŨ góp ý về cú pháp.

NGUYỄN-VĂN-HẦU một lãnh tụ trọng yếu trong Phong-trào
Đông Du miền Nam : Nguyễn-Thần-Hiến.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ triết gia và hiện sinh.

TRỊNH-THIÊN-TỬ nguồn lợi của Đại dương.

NGUYỄN-ANH-LINH bước tiến đến nhân-bản vô-thần : Nietz-
sche, con người sát thiên (Déicide)

PHONG-GIAO kinh nghiệm đời văn (dịch Erskine Caldwell).

NGUYỄN trò chơi giết người (truyện dịch).

VÕ-HỒNG ngày xuân êm đêm

LƯƠNG-TRỌNG-MINH món nợ năm xưa.

ĐẶNG-TRẦN-HUÂN ma giữa đại dương (truyện dịch).

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật nên số báo Tân Niên ra
trễ mất 2 ngày.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc thân mến.

B. K.

TẠI SAO ẤN-ĐỘ

DỪNG VÔ LỰC CHIẾM LẠI GOA ?

HOÀNG-MINH-TUYNH

NGÀY 17 tháng 12 năm 1961, Ấn-Độ tiến quân chiếm lại lãnh thổ Goa vốn đã trở thành thuộc địa của Bồ-Đào-Nha từ trên bốn Thế kỷ. Cuộc tiến quân này không hẳn chỉ bôi bỏ một tàn tích của chế độ thực dân trên đất Ấn, nó còn đánh dấu một giai đoạn mới trong sách lược đối nội và đối ngoại của Ấn trước tình hình thế giới biến chuyển quá đột ngột, dẫn đưa Ấn tới chỗ phải đổi thay tự căn để lập trường quốc tế của mình.

Ấn không hề giấu giếm việc chuẩn bị võ trang để chiếm lại Goa ; người ta đã nhiều lần khuyến dụ Ấn nên bỏ ý định bất tiện ấy đi như đã có lần, theo chỉ thị của tòa Bạch-Ốc, vị đại sứ Hiệp Chúng Quốc tại Ấn đã tới đề nghị với ông Nehru hoãn tiến quân trong sáu tháng để Hoa-Thịnh-Đốn có thì giờ dùng áp lực khiến Bồ-đào-nha phải chấp nhận một giải pháp thương nghị. Theo các nguồn tin đáng dẫn thì ông thủ tướng Ấn đã nghiêm chỉnh nghiên cứu dự án của người Mỹ và đã hoãn cuộc tiến quân lại. Nhưng rồi sau, ông Nehru lại cương quyết thi hành ý định của ông như mọi người đều biết. Do đấy, người ta cho rằng dự tính của Ấn đã được cân nhắc kỹ càng và không phải Ấn đã khinh xuất khi xưa quân chiếm lại lãnh thổ Goa.

Những động cơ nào đã thúc đẩy Ấn tiến hành việc đó ? Những động cơ các báo chí thông thường đưa ra không làm cho chúng ta thỏa mãn lắm. Giả thuyết cho rằng Ấn tấn công Goa để làm tăng gia hy vọng đặc cử cho ông Krishna Menon, tổng trưởng quốc phòng Ấn, thực không đáng cho ai lưu tâm, vì không có tính chất đứng đắn chút nào. Một giải thích khác cho rằng Ấn tấn công Goa nhằm bảo đảm cho đảng Quốc-hội được thắng thế trong các cuộc tuyển cử sắp mở ra gần đây, cũng không có căn cứ vững chắc : các nhà quan sát chính tình quốc tế cho là, mặc dù có thể bị mất một số thẩm quan trọng, đảng Quốc-hội Ấn vẫn còn đủ uy tín để chiếm được một đa số khá lớn lao.

Nguyên do kinh tế cũng không có giá trị hơn : đã hẳn là khi chiếm cứ được các địa điểm của Bồ-đào-nha, Ấn thu lại được cho mình một hải cảng thiên nhiên tuyệt mỹ và một lớp quặng sắt có thể xuất cảng và đem về một số ngoại tệ trên ba mươi triệu mỹ kim mỗi năm ; tuy nhiên việc trùng tu, kết nhập khoảng đất mới sáp nhập cũng như việc mua chuộc nhân tâm còn quá mền tiều nếp sống quen thuộc cũ, chắc chắn sẽ mắc mớ hơn thập phần.

Dù sao, phàm người không thạo tình hình chính trị Ấn, đều nhận ra cuộc tiến quân của Ấn vào Goa chính thực phát xuất từ ông Nehru. Và nếu quả đúng như vậy thì người ta ngờ rằng ý chí của ông

thủ tướng Ấn đã bị chi phối bởi nhiều ảnh hưởng sâu xa khác hơn là những ảnh hưởng gây ra bởi các thúc bách về mặt kinh tế hay vận động tuyển cử.

Ba yếu tố trong quyết định của ông Nehru

Theo nhà bình bút trứ danh Tibor Mende viết trong tờ *Le Monde diplomatique* thì ba yếu tố sau đây đã gắn liền vào với nhau và đã đóng vai trò quyết định trong ý chí cương liệt của ông thủ tướng Ấn : trước hết đó là mối phần vạt của một tinh thần quốc gia nồng nhiệt đã được nung nấu trong một thời gian quá lâu dài, thứ là sự cần thiết phải định đoạt một vai trò mới cho Ấn tại các nước trung lập và sau nữa là việc cấp bách phải thi hành đề đòi phó với hậu quả phát sinh ra bởi hiểm họa Cộng-Sản đang đe nặng trên đất Ấn. Đó là ba yếu tố chính yếu đã khiến Ấn phải duyệt lại vị trí quốc tế của mình.

Ở đây, chúng ta cần phải nhớ lại Jawaharlal Nehru nguyên là người đã từng đem trọn cả đời mà cống hiến cho một chính nghĩa quốc gia. Cuộc tranh đấu chống chủ nghĩa đế quốc Anh đã huy động toàn vẹn nghị lực của ông trong buổi thiếu thời. Chúng ta chẳng nên lăm tưởng nhiệt tình của ông, sau mười bốn năm nắm giữ chính quyền, đã tới lúc vơi cạn, nhất là nước Bồ-Đào-Nha hằng nêu ra trước con mắt ông những sự gai mắt, khiến ông không thể không coi chủ nghĩa đế quốc của Bồ về

một mặt nào đó, còn nghiêm trọng hơn chủ nghĩa đế quốc của Anh đang lúc về chiều.

Ấn thường viện chứng, nói Bồ nhiều phen đã tỏ ra với mình một thái độ gây gổ, hỗn hào hoặc bảo Bồ không đủ sức duy trì an ninh trong nội bộ, khiến cho quyền lợi của nhân dân không được bảo đảm. Phải công nhận đó chỉ là những luận điệu tuyên truyền. Tuy nhiên, có điều chắc chắn là, hơn hết mọi thuộc địa khác trong hoàn cầu, cả về phương diện địa lý, nhân chủng lẫn văn hóa (và tôn giáo đối với hai phần ba dân số) lãnh thổ Goa quả là thành phần của toàn thể quốc gia Ấn, không ai có thể viện lẽ gì mà chia cắt, phân ly mãi mãi và không cho nó sáp nhập vào toàn thể quốc gia ấy được. Bốn năm sau khi nước Anh hoàn lại những nhượng địa bao la của họ cho Ấn, Bồ tuyên bố các thuộc địa của mình tại Ấn, không còn là thuộc địa nữa, mà trở nên thành phần của chính quốc Bồ. Rõ ràng mười bốn năm trời, New-Delhi tìm mọi phương thế thương nghị với Bồ về vụ Goa, song mỗi lần đề cập, Bồ đều thoái thác, bảo mình không còn có thuộc địa nào ở Ấn nữa mà thương nghị. Nếu mười bốn năm kiên nhẫn không đem lại kết quả gì, làm sao người Ấn lại có thể tin rằng sang năm thứ mười lăm Bồ sẽ biết tỏ ra hiếu lễ hơn thiệt hơn? Chế độ của Bác sĩ Salazar hiện ngày càng bị lôi cuốn vào trong những trận du kích chiến rất hao tổn tại các thuộc địa và người ta có

lý để tin rằng cơ sở tài chánh của Bồ ngày càng bị tàn tạ trông thấy, để rồi đi tới chỗ suy bại hẳn trong mọi tương lai rất gần. Do đây người ta tự hỏi, trong viễn tượng ấy, tại sao Ấn không thể đợi thêm một thời gian nữa, chờ cho buổi chiều tà của Bồ hạ xuống ăn nhịp với áp lực của các đồng minh, để thu lại Goa mà không tốn một tên quân, một viên đạn!

Lý lẽ trên không phải là không có giá trị và nó dẫn chúng ta tới yếu tố thứ hai, có thể coi là quyết định trong ý chí của ông Nehru: bài học Bồ-đào-nha trong bao nhiêu bài học khác, chứng minh chủ nghĩa đế quốc càng về chiều mau lẹ bao nhiêu, càng khó thỏa hiệp với nó bấy nhiêu. Và các đồng minh của Bồ bên Tây phương lâm thời vẫn còn có thể đóng những vai trò rất quan trọng trên địa hạt này. Vấn đề trên đưa chúng ta đến vấn đề tìm hiểu quan hệ bang giao giữa Ấn-độ (và nói chung là giữa các nước mới thu hồi độc lập) với các nước Tây Minh từ sau cuộc thế chiến thứ hai.

Từ chủ trương trung lập tới nguy cơ Trung quốc

Ông Nehru là người khởi xướng ra chủ trương trung lập, lại là người đầu tiên tưởng tượng ra một khối các nước không tham gia và tìm thế cho các nước này dùng lực lượng tinh thần và địa vị trung gian mà giữ phần chủ động trong cái thế giới hiện đang bị chia ra làm nhiều

khởi quân sự đòi lập và hiềm khích với nhau đến cực độ. Những cao vọng tốt đẹp như trên có thể phù hợp thích ứng với những truyền thống, cổ phong bất bạo động mơ hồ của người dân Ấn, nhưng đó chỉ là một lý tưởng có thể coi là hữu ích, bao lâu nó còn được dùng để thỏa mãn các nhu cầu triển dương thế lực và uy tín quốc-gia của người dân Ấn. Chủ trương bất bạo động của ông Nehru không phải hoàn toàn bất vụ lợi; ông vẫn luôn luôn tỏ vẻ tự hào về quân lực Ấn và nhiều lúc (như trong vụ xung đột với Cachemire và Haiderabad) ông đã chấp thuận việc dùng võ lực, nhất, là khi ông thấy giải pháp hòa bình không đem lại kết quả như ông mong đợi.

Những tham vọng đặt cơ sở trên những nguyên tắc cao thượng nọ của người dân Ấn, gần đây, đã gặp phải nhiều nỗi thất vọng thực chua cay. Hình ảnh một nước Ấn khôn ngoan, hiện đại và đầy năng lực mà ông Nehru hằng mơ ước không thể gì thực hiện được. Hủ tục cũng như dục vọng và tính tình cương ngạnh của con người — dù là con người Ấn đi nữa — đã làm biến dạng hình ảnh ấy đi rất nhiều. Cả đến chính sách ngoại giao cũng vậy: chính sách trung-lập và thái độ đề cao đạo đức của Ấn có thực tế đem lại ít nhiều lợi lộc cho Ấn về mặt kinh-tê, nhưng trên bình diện quốc-tê, chính sách và thái độ ấy chẳng làm tăng tiến uy tín của Ấn lên được bao nhiêu,

tham vọng của các nước mới độc lập nhiều khi rất phức tạp khiến khó lòng đi tới chỗ cò kết để tạo thành một lực lượng đáng kể và trong cái mớ bông bong đầy mâu thuẫn, xung đột ấy, vai trò điều giải của Ấn có khuynh hướng làm giảm thế lực chính trị của Ấn ở ngay giữa các nước mới đây chính Ấn đã gây ra tinh thần trung lập cho họ.

Hơn nữa, trong không khí thất vọng ngày càng gia tăng tại Ấn, ông Nehru ngày càng nhận thấy áp lực của Tây Minh trong việc thủ tiêu tàn tích cuối cùng của chủ nghĩa thực dân không tránh khỏi bị quan hệ liên đới giữa các cường quốc Tây phương làm tê liệt đến trở thành vô hiệu. Vì có quân đội và tướng tá lâm trận trong các cuộc hành quân ở Katanga, vị thủ tướng Ấn là người được ở vào một vị trí thuận tiện nhất để nhìn thấy rõ Tây Minh tỏ ra sốt sắng đến mức độ nào trong việc giúp ông thanh toán chủ nghĩa thực dân. Thái độ ôn hòa và thí nghiệm kinh tế của Ấn, trước mắt Hiệp-Chúng-Quốc và Liên-Hiệp-Anh, có một tầm quá quan trọng, khiến hai nước này khó lòng để cho mỗi bang giao giữa họ và Ấn chịu cảnh tàn phai trong một thời gian quá lâu dài; mặt khác, việc tiến quân vào Goa có nhiều hy vọng làm nổi dậy cảm tình của các nước Á-Phi đối với một Ấn-độ biết tỏ ra trung thành với truyền thống chống đế quốc của mình. Sau hết, và đây hẳn là điều quyết định trước nguy cơ gây ra bởi hiềm họa

Trung-quốc khiến Ấn phải lệ thuộc hơn đối với Tây-Minh, ông Nehru muốn tiêu trừ cái ung nhọt Goa trước khi để cho quan hệ bang giao giữa Ấn và Tây-Minh bắt buộc ông phải hoãn việc thanh toán tới một ngày vô định. Như vậy là chúng ta đã khơi ra đề hiệu thâu được lý do bất bình chính yếu của người Ấn nằm ở chỗ nào rồi.

Ông Nehru trước đây vẫn yên trí rằng Á-Châu một khi đã giải thoát được ách thực dân, đã nếm trải được kinh nghiệm của cảnh lệ thuộc, đấu tranh và giải phóng, tất sẽ tự gây được ý thức để tổ chức một cuộc chung sống giữa các quốc gia đã từng chịu chung số phận làm tôi tớ ngoại bang. Thái độ của người cộng-sản Trung-Hoa chứng minh hoài bão của ông thủ-tướng Ấn chứa đựng một phần ngây thơ không nhỏ. Song có điều nghiêm trọng hơn là hình như tình trạng khẩn trương giữa Trung Hoa và Ấn-Độ có chiều kéo dài chưa biết bao giờ mới chấm dứt; do đây, chính sách đối nội và đối ngoại của Ấn cần phải duyệt lại cho thích ứng với hoàn cảnh mới này.

Biên cương Ấn-Độ

Trong tháng vừa qua, hai bên Trung-Hoa và Ấn-Độ cùng đã khởi sự hăm dọa lẫn nhau rằng sẽ dùng tới chiến tranh để đòi phó với nhau. Tuyên truyền của Bắc-Kinh chồng ông thủ tướng Ấn kịch liệt đến nỗi người nghe cảm thấy rõ rệt ý định

của Trung-Hoa là muốn làm nhục Ấn trước mắt các nước Á-châu. Trung-Hoa càng gặp bước khó khăn về kinh tế thì càng cần vu khống Ấn, coi những thực hiện kinh tế ít ỏi của Ấn là hậu quả một sự đầu hàng nhục nhã trước các nước tư bản. Ấn, trở thành «lợi khí của chánh sách Mỹ», bỗng hóa ra *leitmotiv* cho tuyên truyền Trung-Hoa tại Châu Á. Trước thái độ «ngang ngạnh, đại đột, phi lý của Ấn», Bắc Kinh vận dụng hết nỗ lực hướng các đảng chính trị Ấn khuynh về hữu phái để cho quốc dân Ấn tự coi là muốn cứu vãn tình thế, không còn có giải pháp nào khác hơn là làm nổ ra một cuộc cách mệnh theo đường lối cộng-sản; đồng thời với sách lược ấy, Bắc Kinh xuất toàn lực cô lập Ấn với các nước láng giềng Á châu. Trung Hoa kết thúc hiệp ước hữu nghị với Miến Điện và Népal; tại Ceylan, xâm nhập thương mại Trung Hoa ngày một gia tăng; rồi tại Hồi quốc, Bắc Kinh mưu toan đánh Ấn độ vào một trong những nhược điểm nguy hại nhất là chấp nhận yêu sách của Karachi tại Cache-mire (bằng cách định phân ranh giới Trung-Hồi). Cùng trong lúc đó, tại Ấn, công luận có nhiều hướng đi tới chỗ đòi tiêu trừ các cuộc xâm nhập của người Trung Hoa tại phần đất được coi như thuộc của người Ấn. Chắc chắn trong các vùng này, người Trung Hoa có quân lực mạnh hơn và nếu người Ấn mở cuộc chinh chiến tại đây, kế hoạch mở mang kinh tế của họ sẽ bị lâm nguy liên.

TẠI SAO ẤN-ĐỘ DỪNG VỖ LỰC CHIÊM LẠI GOA ?

Người Trung Hoa có những kế-hoạch lâu dài, mục tiêu họ nhằm là thôn tính toàn bộ đại lục ; để đạt mục tiêu ấy, họ muốn hoặc phá vỡ kế hoạch kinh tế của Ấn hoặc chứng minh cho công luận Ấn thấy rằng kết quả Ấn thu lượm được hoàn toàn nhờ ở sự đầu hàng nhục nhã của giới cầm quyền Ấn trước Tây-Minh. Do đây, Ấn bị đặt ở trong thế phải lựa chọn lấy một trong ba điều này : hoặc chịu để cho người Trung Hoa tiếp tục xâm lăng mãi mãi không cùng, hoặc mở các cuộc hành quân hao tổn gây nguy hại cho các kế hoạch mở mang kinh tế, hoặc lao mình vào một cuộc xung đột quốc tế để cho dân Ấn được dùng làm bàn đạp cho một cuộc tấn công bất thần vào đất Trung Hoa do từ nẻo biên cương Tây Tạng.

Bao lâu ông Nehru còn ngồi trên ghế thủ tướng Ấn, ông còn tìm cách hoãn cái ngày giờ phải quyết định lại ; vì vậy ông phải buộc lòng tiêu trừ cái mụn nhọt Goa đi, mặc dù đó cũng đã là một cách sửa soạn chấp nhận một trong những điều khổ tâm mà Trung-Hoa đã dồn ông vào thế không thể từ được.

*
* *

Vị thủ tướng Ấn năm nay đã bảy mươi ba tuổi, ông thừa biết rằng

khi những kẻ kẻ vì ông lên nắm chính quyền, thì chính sách nước ông sẽ có đổi thay. Hiện giờ, các giai cấp có thế lực nhất tại Ấn đã chuẩn bị sẵn sàng để duyệt lại chính sách trung lập hầu xếp Ấn đứng vào hàng ngũ các nước Tây-Minh. Tương quan lực lượng tại Á Châu, cũng như tình thần quốc gia và những vấn đề đón đáp, phức tạp phát sinh ra bởi nạn nhân mãn tại Ấn, đều đưa Ấn đi về chiều hướng trên. Có điều quan trọng hơn nữa là dưới một vỏ mong manh thông nhất bề ngoài, Ấn đang bị những lực lượng phân ly chi phối và đang chờ ngày nhìn cảnh nội bộ nổi lên chia xé lẫn nhau.

Trước cái quá trình dẫn đến một chiều đó, cuộc xâm chiếm Goa của Ấn có thể giải thích bằng hai lý do này : vì bị những thúc bách tâm lý và quân sự lôi kéo, Ấn phải tìm phương thế cũng cò mỗi đồng tâm nhất trí trong quốc dân và Ấn phải rào đón trước những lời người ngoài có thể buộc tội Ấn là đã bỏ chủ trương trung lập mà không hề có hành động gì tỏ ra vẫn trung thành với lập trường chống đế quốc mình đã theo đuổi từ xưa.

HOÀNG - MINH - TUYNH

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Hiệu NGUYỄN - VĂN - TẬP

Bán bông, kiếng và đủ các thứ cây ăn trái

241, đường Nguyễn-Trãi — Chợ-lớn (Bàu-Sen)

Chủ nhơn : Bà Nguyễn Văn-Đồn

một bi kịch trên ngàn năm chưa dứt

(xem tiếp B. K. số 121)

III. — CHIẾN ĐẤU CHO NÒI GIỐNG

11. — Thế chiến thứ nhì.

Anh càng phong tỏa Palestine thì Do-
Thái càng xung phong.

Mấy năm đầu thế chiến thứ nhì, tình trạng của Anh còn nguy kịch hơn là tình trạng ở đầu thế chiến thứ nhất. Tại mẫu quốc họ, bom Đức ngày đêm trút xuống, cơ hồ họ ngóc đầu lên không nổi; tại thuộc địa thì phải đề phòng các cuộc nổi loạn. Lúc đó họ mới thấy thuộc địa càng rộng lớn bao nhiêu thì họ càng bị ngột thở bấy nhiêu. Syrie là đất bảo hộ của Pháp, mà Pháp đã đầu hàng Đức, thì thế nào Syrie cũng bị Đức chiếm; nguy cho cả bán đảo Ả Rập, nguy cho Ai-Cập, nguy lây cho

Ấn-Độ. Anh phải ra tay trước, chiếm ngay Syrie; vừa chiếm xong, thở được một cách nhẹ nhàng thì lại lo đối phó ngay với hổ tướng Rommel. Ai bảo làm chủ nhân ông là sướng!

Ngay từ đầu chiến tranh, cơ quan trung ương Do-Thái ở Jérusalem đã họp ngay một kỳ đặc biệt, và chỉ trong có mười phút họ quyết định thái độ: hết thấy đàn ông tình nguyện vào quân đội Anh để diệt kẻ thù chung. Họ muốn trả thù Đức-Quốc-xã đã đánh, mà họ cũng muốn nhân cơ hội đó được bộ Quốc phòng Anh luyện tập cho cách sử dụng các khí giới tối tân nữa; rồi một khi hết chiến tranh mà Đồng-Minh thắng thì Đồng-Minh phải xét lại *Bách-thư* cho họ.

Tướng Haven Hurst của Anh hiểu thâm ý đó, khuyên bộ Chiến tranh là không nên chấp thuận thỉnh nguyện của Do-Thái vì « sau này sẽ có hại ; sớm muộn gì Anh cũng phải chiến đấu với tụi Do-Thái đó ».

Chỉ trong có một tuần lễ, một trăm ba chục ngàn Do-Thái — cả đàn ông lẫn đàn bà — tức một phần tư dân số Do Thái ở Palestine, tình nguyện đầu quân để chiến đấu bên cạnh người Anh. Bộ chiến-tranh Anh do dự. Từ chối thì nhất định là thiệt, vả lại lấy lý gì để từ chối ? mà nhận thì e hậu họa. Sau cùng họ tìm ra được một giải-pháp lương chừng : nhận nhưng không cho sĩ tốt Do - thái ra trận mà chỉ nhờ họ tiếp tay trong các công việc đắp đường, xây cầu, sửa hải-cảng, đặt đường rầy... thôi. Do-Thái phản-kháng, Anh làm thinh.

Nhưng còn một số đông Do-Thái nhập-tịch Anh, Mỹ, Pháp..., thì tất nhiên được phép chiến - đấu cực kỳ anh-dũng, lập được nhiều quân - công.

Khi chiến-tranh kết-liệu, họ thất vọng, *Bách-thư* vẫn còn được áp-dụng, người ta vẫn cấm ngặt Do-Thái hồi - hương để khỏi làm phật lòng Ả-Rập, chỉ vì dầu lửa thời bình cũng quan - trọng không kém thời chiến. Người Anh phong-tỏa gát gao, không cho tàu chở Do-Thái nào vào hải phận Palestine ; nhưng càng phong - tỏa thì người Do-Thái càng tìm mọi cách để lên vào, xông bừa vào. Vụ *Strouma* và *Patria* thất-bại không làm cho họ nản-chí ; sau khi mấy trăm người chết đuối ở Hắc-Hải và Địa Trung-Hải, họ càng

hăng lên, coi nhẹ tính mạng mà hy-sinh cho những thế-hệ sau, vì dù sao chết như vậy cũng còn hơn là chết trong cái trại giam của Đức hoặc phiêu-bạt lang thang ở Nga, ở Ba - Lan, không có công ăn việc làm.

Vì năm 1945, sau khi đồng - minh giải thoát Auschwitz, mấy vạn Do-Thái may mà sống sót, trở về nhà thì nhà đã tan tành, đi xin việc thì không ai muốn, đành chua xót trở lại trại giam, sống chui rúc, nhận cơm thí của đồng-minh để mà chờ chết. Đức đã đi, nhưng dân-tộc Ba-Lan vẫn thù Do-Thái, bao nhiêu tội lỗi trút cả lên đầu họ. Tội lỗi gì đây ? Họ không hiểu nổi, chỉ biết rằng dân Ba-Lan không muốn dung họ ở trong nước, mà cũng không muốn cho họ ra khỏi xứ, sợ họ tổ cáo với thế giới, chỉ muốn họ chết lần chết mòn trong các trại giam thôi.

Rồi một hôm số đồng bào của họ từ Palestine qua, hỏi lộ các công chức Ba-Lan nửa đêm dắt họ trốn qua Tchecoslovaquie. Anh biết rằng tụi đó mà thoát ra thì thế nào cũng về Palestine, tìm cách ngăn cản, sai sứ thần lại yêu cầu Bộ Trưởng Ngoại Giao Tchecoslovaquie là Jan Masaryk cấm Do-Thái đi qua cõi.

Masaryk mỉm cười, đáp :

— Thưa ngài Đại Sứ, tôi thú thực là không hiểu gì về các ống dẫn dầu ở Ả-Rập ; nhưng tôi rất tường tận về loại ống dẫn tình cảm. Lời so sánh của tôi tầm-thường quá, xin ngài thứ lỗi cho.

Đại sứ Anh dọa dẫm. Masaryk lại mỉm cười :

— Đừng dọa tôi, vô ích. Tôi còn giữ cái ghế Bộ-trưởng ngoại giao này ngày

nào thì tôi còn cho người Do-Thái tha hồ vô cớ ngày ấy.

Anh đành theo sát bọn Do-Thái đó tới Milan (Ý) nhìn họ xuống tàu *Portes de Sion* và ngạc nhiên nhận rằng họ không tiến về Palestine mà tiến vào hải cảng Toulon của Pháp. Tới khi hay tin sáu ngàn rưởi Do-Thái đó không biết dùng thuật nào mà qua hết chiếc tàu *Terre promise*, thượng cờ có ngôi sao David lên, sửa soạn ra khơi, Anh đâm hoảng, yêu cầu chính phủ Pháp giữ tàu đó lại, chính phủ Pháp không thêm đáp, mà cho phép *Terre promise* nhổ neo. Hai chiếc tàu Anh được lệnh theo sát chiếc *Terre promise*, đêm cũng như ngày. Khi gần tới hải phận Palestine, quân sĩ Anh dùng vũ khí, uy hiếp, leo lên được chiếc *Terre promise* (mỗi bên có mười người thiệt mạng), lái về Haifa, neo ở ngoài khơi, rồi xua Do-Thái xuống ba chiếc tàu khác, đi quay trở về Toulon. Chính sách của họ là hễ bắt được thì trả về chỗ cũ. Tới Toulon, mấy ngàn người Do Thái không chịu lên bờ. Anh định dùng võ lực, đuổi họ lên bờ, nhưng Toulon là một quân cảng của Pháp, Anh phải hỏi ý Pháp, hỏi không được thì dọa nạt. Pháp sợ gì Anh, một mực bảo người Do Thái nào muốn lên bờ thì dân tộc Pháp sẽ tiếp đón niềm nở, nhưng Pháp không cho phép bất kỳ ai dùng võ lực xua người Do Thái lên đất Pháp được.

Và mấy ngàn Do Thái cứ nằm ăn vạ ở tàu hai tuần, ba tuần. Phóng viên báo mọi nước tới coi, làm bài tường thuật mật sát Anh. Qua tuần lễ thứ tư, có một người Do Thái chết, phải đưa xác lên bờ. Rồi tới người thứ nhì. Báo chí lại tha hồ mà la ó. Qua tuần lễ thứ sáu, họ

vẫn cương quyết, không hề nao-núng, Anh bức mình quá phải cho hai chiếc về Hambourg và một chiếc lại đảo Chypre ở Địa Trung Hải: Tới nơi họ dùng võ lực bắt nốt Do Thái vào trại Dachau (Đức) và trại Carades (Chypre).

*
* *

12. — Một vụ sôi nổi khắp thế giới, vụ Exodus: Chính phủ Anh thua 302 trẻ em Do Thái.

Lần này Do Thái thắng được một chút, hăng hái thêm, sắp đặt một vụ khác. Họ tính toán tỉ mỉ, dự bị cả năm rồi mới thực hành để làm cho khắp thế giới thấy lòng cương quyết của họ, óc thông minh, tinh thần hy sinh của họ và cái dã tâm, tàn nhẫn của Anh. Họ làm cho các nhà cầm quyền Anh mất ăn mất ngủ nửa tháng trời. Vụ đó là vụ Exodus, một vụ mạo hiểm mà từ xưa tới nay chưa có một tiểu thuyết gia nào có thể tưởng-tượng nổi, một vụ làm cho khắp thế giới hồi hộp từng ngày, rồi từng giờ, một vụ mà Leon Uris đã tả kỹ lưỡng từng chi tiết trong năm chục trang giấy ở phần đầu cuốn Exodus, cuốn sách bán chạy nhất thế giới trong mấy năm nay: 400.000 bản bán hết nội trong năm 1958, năm sau in thêm 3.500.000 bản trong loại sách bỏ túi (Pocket book) và được dịch ra nhiều thứ tiếng. Tôi biết nhiều bạn ở Sài-gòn đã được đọc bản tiếng Pháp của nhà Robert Laffont, rồi đi kiếm mua để giữ trong tủ sách mà không còn; có người đã mua bản tiếng Pháp rồi còn mua thêm bản tiếng Anh nữa. Leon Uris làm thông tin viên cho một tờ báo Mỹ, bỏ ra mấy năm đi khắp châu Âu,

lại đảo Chypre, lại Tiểu Á, sống chung với các người Do Thái ở Israel để viết cuốn đó, kể lại bi kịch Do Thái cho chúng ta nghe.

Dưới đây tôi tóm tắt vụ Exodus và trích dẫn ít đoạn trong tác-phẩm của ông.

Vụ xảy ra năm 1946 ở đảo Chypre. Trại Carolos ở đảo đó giam mấy ngàn người Do Thái, trong số đó có mấy trăm trẻ em từ 10 tới 17 tuổi.

Một nhóm người Do Thái ở Palestine do Ben Canaan chỉ huy, dùng những mưu-mô xuất quỷ nhập thần, lừa gạt được bọn lính canh gác, lừa gạt được viên chủ trại, dùng ngay những xe cam nhông trong quân đội Anh chở 302 trẻ em Do Thái ra khỏi trại giữa ban ngày, chạy xuyên qua đảo tới Cyrénia, cho các em đó xuống một chiếc tàu, tàu *Exodus*. Các nhà chức trách Anh trong đảo hay tin, đuổi theo, tới Cyrénia thì các em đã xuống hết chiếc tàu đậu ở gần bờ. Viên thống đốc đảo, tướng Sutherland đứng trên bờ ra lệnh :

— Tôi cho các anh mười phút để lên bờ. Không tuân lệnh thì quân đội Anh sẽ dùng sức mạnh để đưa các anh lên.

Dưới tàu, bác loa lên đáp :

— A-lô, Sutherland ! Đây tàu *Exodus* đây, Dưới tàu có 302 trẻ con mà phòng máy đầy chất nổ. Nếu ông phái một người nào xuống tàu hoặc bắn một phát súng vào tàu là chúng tôi cho tàu nổ tung lên.

Vừa nói xong là thượng ngay một lá cờ Anh ở giữa có một chữ vạn to tướng của tụi Đức Quốc Xã.

Sutherland đâu dám lãnh một trách nhiệm ghê-gớm như vậy, đành một mặt đánh điện về Luân Đôn xin chỉ thị, một mặt đem dân ở bờ biển ngàn lính đầy đủ khí giới, có cả xe tăng, đại bác, và hai chiếc thủy lôi đình nũa. Để làm gì ? Để ngó ba trăm trẻ em ở một chiếc tàu tuyệt nhiên không có khí giới ! Thực là làm trò cười cho thiên hạ !

Tại Luân Đôn một vài ông bự muốn nout hoàn thuộc đảng mà cho chiếc *Exodus* đi Palestine cho rồi, nhưng Bradshaw coi về vấn đề Ả Rập ở bộ Ngoại giao không chịu, cho như vậy là nhục. Thế là *Exodus* với Luân Đôn găng nhau. Trong khi đó, các thông tín viên khắp nơi bay tới Chypre nườm nượp, báo chí khắp thế-giới đăng tin *Exodus* lên trang đầu, tit rất lớn nằm trên bốn năm cột. Chửi mạnh nhất là báo Mỹ và Pháp ; Pháp vì có rất ít dầu lửa ở Ả Rập, Mỹ vì đương muốn hất chân Anh ở Ả Rập. Tại Anh dân chúng cũng bất bình vì sự bất lực của nhà cầm quyền tương với tá gì, coi một trại giam trên một đảo ở giữa biển mà để cho 300 đứa con nít trốn thoát được ? Ngủ gục hết cả sao ! Mà ngủ gục gì giữa ban ngày ? Một số chỉ trích chính phủ, bênh vực Do Thái. Nhiều người coi đó là một trò vui, cá nhau bốn đồng ăn một đồng rằng *Exodus* thế nào cũng phải hàng.

Trong lúc đó, tinh thần của ba trăm em trên tàu *Exodus* lên rất cao. Suốt tuần lễ đầu chúng ca hát, chế giễu lính anh ở trên bờ. Không hiểu tụi họ huấn luyện trẻ ra sao mà tài thế !

Hết tuần lễ thứ nhì, hai bên vẫn găng nhau. Luân Đôn phái người tới điều tra ngầm, nhưng cũng chẳng quyết định được gì cả.

Báo chí Mỹ, Pháp dù hăng tới mấy cũng không thể đăng hoài tin *Exodus* lên trang đầu được; sau nửa tháng, biết còn gì nữa mà nói? Nếu có một tin khác, chẳng hạn tin một ngôi sao Hoa-Lệ U'xc nào ly-dị lần này là lần thứ 13 hoặc tin một bà đại tá tat át-xít vào mặt một vũ nữ thì tin *Exodus* tất nhiên phải in chữ nhỏ, và lần lần dư luận không chú ý tới nữa mà phe *Exodus* núng thế mất. Cho nên có người khuyên Ben Canaan thương-thuyết với Anh.

Ben Canaan cương quyết từ chối:

— Không khi nào chúng tôi lên bờ. Có hai trăm rưỡi ngàn đồng bào của chúng tôi theo dõi hành động của chúng tôi. Từ ngày mai chúng tôi bắt đầu tuyệt thực. Kẻ nào yêu quý mà xiu thì chúng tôi khiêng lên đặt nằm trên boong tàu cho người Anh trông thấy. Tôi có muốn dùng tới chiến thuật đó đâu! Các em đó là con cháu tôi, tôi đâu có muốn cho chúng chết đói.

Người ta thử cho tôi khí giới để chiến đấu xem nào, cho tôi bom đạn đi, xem chúng tôi có diệt được tụi Anh kia không? Nhưng chúng tôi không có khí giới, chỉ có lòng can đảm và đức tin tự trọng. Trong hai ngàn năm nay người ta hành hạ chúng tôi, giết chúng tôi một cách vô tội vạ. Bây giờ đây, chúng tôi phải chống cự lại, và chúng tôi sẽ thắng cho mà coi.

Qua ngày thứ 16 một chiếc băng rộng lớn căng ở trên tàu, viết bằng ba thứ tiếng — Anh, Pháp, Hébreu.

Tuyệt thực: giờ thứ nhất.

Các báo chí khắp thế giới lại có tin giạt gân để đăng lên trang đầu.

Ngày hôm sau, tới giờ tuyệt thực thứ hai mươi, mười trẻ em được khiêng lên boong tàu. Chúng không nhúc-nhích. Chúng đã mê-man.

Tuyệt thực: giờ thứ 35

Tại Ba-Lê, tại La-Mã dân chúng từng lớp từng lớp biểu tình ở trước tòa Đại sứ Anh, đòi cho chiếc *Exodus* nhỏ neo ngay. Tại Ba-Lê, cảnh-sát phải dùng đoản côn và hơi cay mắt để giải tán người biểu tình cho đường phố khỏi bị nghẹt. Ở Copenhagen, Stockholm, Bruxelles, La Haye cũng biểu tình nhưng trong trật tự.

Tuyệt thực: giờ thứ 38

Không ai bảo ai, tất cả dân trên đảo Chypre đều ngừng việc: xe không chạy, các cửa hàng, rạp hát, khách sạn đều đóng cửa, phu khuân vác ở bến tàu cũng khoanh tay. Các châu thành trong đảo như chết hẳn.

Tuyệt thực: giờ thứ 40

Ở dưới tàu, Ben Canaan ngồi đối diện với các đồng chí. Một người bảo:

— Tôi là quân nhân, nhìn những trẻ em đó chết đói, tôi chịu không nổi.

Ben Canaan gất gổng đáp lại:

— Ở Palestine, tuổi đó, chúng đã cầm khí giới chiến đấu rồi.

— Thà là cầm súng chiến đấu đi.

— Đây cũng là một cách chiến đấu. Gần sáu triệu Do-Thái chết trong các phòng hơi độc mà không hiểu tại sao. Nếu ba trăm trẻ Do-Thái trên tàu này phải chết thì ít nhất chúng cũng biết được chết cho ai, cho cái gì.

Trên boong đã có sáu chục trẻ em mê man, nằm thành ba hàng, má hóp, mắt đục, tóc bết lại.

Tuyệt thực : giờ thứ 81

« Thêm mười trẻ bất tỉnh nữa, cộng là bảy chục. Trên bờ, một số lính Anh, trông thấy cảnh đó, chịu không nổi, đòi được thay, dù có bị đưa ra tòa án quân-sự cũng chịu.

Tuyệt thực, giờ thứ 83.

«Phỏng mười hai đứa trẻ sắp tắt thở.

Tại Chypne, tướng Sutherland nhận được miếng giấy này :

Khẩn.

«Ari Ben Canaan, phát ngôn viên của tàu *Exodus*, báo trước rằng từ ngày mai trở đi, cứ mỗi ngày đúng mười hai giờ trưa sẽ có mười em tình nguyện tự tử trên boong tàu, ngay trước mắt quân đội Anh. Sẽ tiếp tục dùng lối đó để phản kháng cho tới khi nào tàu *Exodus* được phép rời bến để qua Palestine, nếu không thì những người dưới tàu sẽ lần lượt tự tử hết».

Khi Luân-Đôn được tin đó thì Bradshaw chỉ còn có đúng 14 giờ để quyết-định, nếu muốn tránh lớp tự tử thứ nhất. Ông ta vội vàng kêu điện thoại, hoặc đánh điện tín cho mười nhà chỉ huy Do-Thái

ở Anh, Palestine, Mỹ... nhờ họ can thiệp giúp, cho chính phủ Anh một thời gian để tìm giải pháp. Ông ta hy vọng rằng có thể thuyết phục Ben Canaan và có thể thuyết phục Ben Canaan như đã thuyết phục được nhiều người khác. Nhưng sáu giờ sau, mọi nơi đều trả lời : «Chúng tôi không chịu can thiệp.»

Riêng Ben Canaan đáp rằng :

«Bàn cãi gì cũng vô ích. Vấn đề giản-dị lắm : «Chiếc *Exodus* rời bến hay không rời bến. Chỉ có thế thôi ». Ông ta lại dẫn lời mà Moïse hồi xưa đã nói với vua Ai-cập :

Để cho dân tộc tôi đi.

«Ben Canaan thực là một thằng quỷ ! Tàn nhẫn ghê gớm».

Vừa lẩm-bẩm như vậy, Bradshaw vừa lật lật những điện, tín và hồ sơ. Ông ta đọc đi đọc lại hai bức, một bức của Ben Canaan, :

« Ari Ben Canaan, phát-ngôn-viên của tàu *Exodus*, báo trước rằng từ mai trở đi, cứ mỗi ngày đúng mười hai giờ trưa, sẽ có mười em tình - nguyện tự-tử... » Một bức của các quốc-gia Á-Rập, tuyên-bố rằng : « Nếu Anh cho phép chiếc *Exodus* nhổ neo lại Palestine, là Anh xúc phạm toàn-thể các dân-tộc theo Hồi-giáo ».

Chỉ còn có ba giờ nữa thôi. Ông ta hoang mang, chưa bao giờ gặp một vụ rắc rối như vậy. Sau cùng, ông gọi người phụ-tá vô :

— Đánh điện ngay lại đảo Chypre. Cho chiếc *Exodus* đi Palestine !

Thế là ba trăm lẻ hai trẻ em Do-Thái đã thắng Chính-phủ Anh. Tin

chiếc *Exodus* sẽ nhỏ neo bay đi khắp thế-giới, in lên trang đầu mọi tờ báo. Ở Chypre, người ta thả ra khoan-khoái, và nhà cầm-quyền Anh trên đảo yêu-cầu Ben Canaan cho họ săn-sóc các trẻ em tới khi nào chúng mạnh rồi hãy nhỏ neo Tạng vật — quần áo, thức ăn, mền mùng... — gởi tới, không có chỗ chứa.

*
* *

13. — Một miếng đất mà hứa cho hai dân-tộc. Thấy bồng tay, Anh rút lui.

Sau thế chiến thế nhì, sức của Anh đã suy, ảnh hưởng của Anh ở bán-đảo A-Rập tất nhiên phải giảm. Mỹ đã bắt chân được Anh ở xứ A-Rập thuộc dòng Séoud, lại buộc Anh phải đem vấn-đề Palestine cho Mỹ xét chung. Một ủy-ban hỗn hợp được thành-lập để điều tra tại Châu-Âu và tại Palestine và người ta phải nhận rằng chỉ có mỗi một giải-pháp là phải cho ngay một trăm ngàn người Do-Thái vô Palestine. Anh không chịu. Ngay từ tháng sáu năm 1946 đội quân Haganah của Do-Thái đã mạnh rồi, đã du kích quân Anh ở Palestine, có lần đặt chất nổ làm sập một phần khách sạn *King David*, nơi mà tổng tham mưu quân đội Anh đương đóng; bây giờ cho thêm 100 ngàn Do-Thái nữa vô thì Anh chịu sao nổi, nhất là A-Rập sẽ bất bình, lại tấn công luôn cả Anh nữa mà Anh sẽ phải đương đầu với hai kẻ thù.

Ông Bevin, Bộ trưởng ngoại giao của Anh nghĩ ra một giải pháp: hợp một

hội nghị bàn tròn gồm Anh, A-Rập, Do-Thái để tìm hiểu quan điểm của nhau. Nhưng đại biểu A-Rập không thèm ngồi chung với đại biểu Do-Thái; không ai thỏa thuận với ai cả. Anh và A-Rập bác bỏ đề nghị của Do-Thái; Do-Thái và Anh bác bỏ đề nghị của A-Rập; mà Do-Thái và A-Rập cũng bác bỏ đề nghị của Anh. Ai cũng có lý hết.

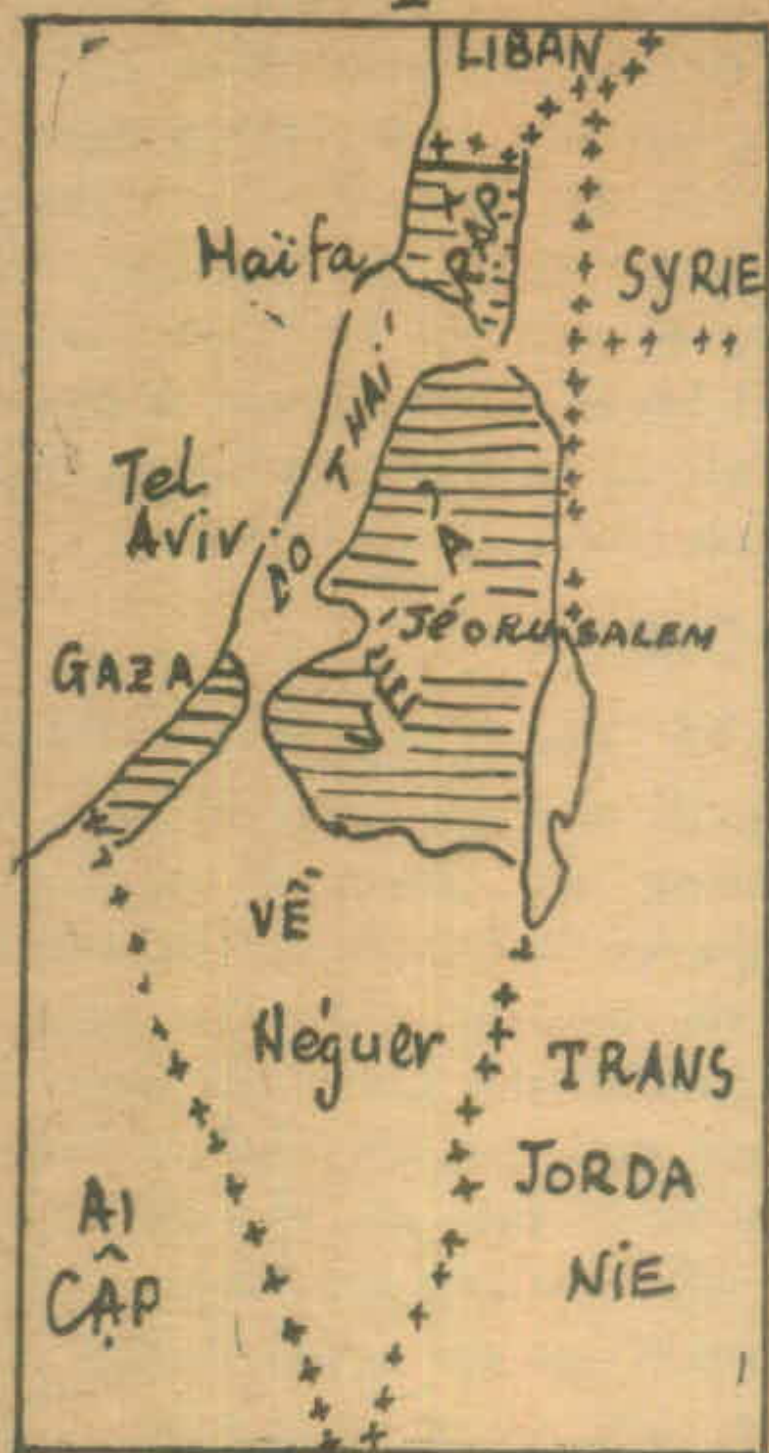
Do-Thái bảo :

— Tổ tiên chúng tôi ở Palestine. Chúng tôi có quyền được về quê hương của chúng tôi. Quyền đó đã được 50 quốc gia ký bản tuyên bố Balfour thừa nhận rồi sau thế chiến thứ nhất, hội Vạn quốc đã cho chúng tôi được thành lập một quốc gia Do-Thái ở Palestine. Chúng tôi đã gắng sức khai phá Palestine trong mấy chục năm nay, chúng tôi không làm gì thiệt hại cho người A-Rập, chúng tôi tôn trọng quyền lợi của họ. Thế thì tại sao lại cấm chúng tôi? Huống hồ hiện nay có 250.000 người Do-Thái sống sót tại các trại giam của Đức, bảo họ đi đâu bây giờ?

A-Rập bảo :

— Đất Palestine, tổ tiên chúng tôi đã chiếm được từ năm 637, thì đâu còn phải là của Do Thái nữa. Từ trước tới nay chúng tôi vẫn là nhóm đa số ở đó: hai phần ba dân số là A-Rập. Khi đế quốc Thổ sụp, Anh đã hứa cho chúng tôi độc lập. Hội Vạn quốc có quyền gì mà cấm chúng tôi được tự chủ? Vậy Palestine phải là một quốc gia A-Rập độc lập. Chúng tôi sẽ hứa tôn trọng quyền lợi của những người Do Thái, phần thiểu số trong quốc gia đó.

II



*Chia đôi xứ PALESTINE
Đề nghị của Liên Hiệp Quốc*

Thế là có mỗi một miếng đất mà Anh hứa cả cho Do Thái lẫn Ả Rập.

Giải quyết không xong, Anh đưa vấn đề ra Liên-Hiệp-Quốc. Liên-Hiệp-Quốc bằng lòng chia đôi Palestine làm hai quốc gia: một Do Thái, một Ả Rập. Nhìn bản đồ II, độc giả sẽ thấy ranh giới họ vẽ, chỗ ra chỗ vô, chia thành nhiều miếng ôm nhau, chen lẫn nhau, thật kỳ dị. Mặc dầu vậy, Do Thái cũng vẫn chịu, vì nghĩ rằng thà được ít còn hơn không; bây giờ có một khu đất để lập quốc đã. Nhưng Ả Rập không chịu, nằng nặc đòi đuổi người Do Thái đi.

Anh thấy ôm miếng đất đó chỉ thêm bồng tay, tuyên bố rút hết quân đội về, để cho « hai bên lãnh trách nhiệm với nhau ». Nghĩa là Anh muốn bảo Do Thái và Ả Rập rằng: « Cứ tha hồ mà chém giết nhau đi, ta bỏ mặc đấy ».

*
* *

14. — Israel tuyên bố độc lập.

Anh tuyên bố đến ngày mùng một tháng tám năm 1948 thì rút lui, và sau nhiều lần bàn cãi sôi nổi, Hội đồng Liên-Hiệp-Quốc thỏa thuận ngày 29 tháng 9 năm 1947 rằng sẽ có một ủy ban lo sửa-soạn sự độc-lập cho hai quốc gia trước khi mãn nhiệm kỳ bảo hộ của Anh, nhưng rồi họ chẳng sửa soạn được gì cả.

Được tin đó, Liên-bang Ả Rập họp nhau lại phản-khang quyết định của Liên-Hiệp-Quốc. Từ Damas tới Amman, từ Bagdad tới Caire, đâu đâu người ta cũng hô hào dự bị cuộc Thánh chiến. Người ta hét lớn trong đại phát thanh: « Mabomet bảo: Hễ tội dị-giáo tấn công các con thì các con sẽ tắm trong máu của chúng ». Người ta phát những truyền đơn giọng thật găng và hăng: « A ! Tội Do Thái bảo Jahvé của họ là thần chiến tranh ư ? Thì chúng ta cũng sẽ cho họ thấy rằng Islam là một tôn giáo biết dùng lưỡi kiếm... » Tại khắp các châu thành ở Tây Á, người ta thu nhận những lính tình nguyện dự vào cuộc Thánh chiến.

Lính Ả Rập bắt đầu tấn công các làng ở phía Bắc Palestine, đốt phá, chém giết, mà quân đội Anh làm ngơ không can

thiếp, hoặc không dám can thiệp. Ít tháng nữa thì rút lui rồi, gây thù gây oán làm gì chứ ?

Lính Ả Rập đột nhập khắp nơi mỗi ngày một nhiều, được các người Ả Rập ở Palestine tiếp đón, giúp đỡ mọi phương tiện. Họ rải rác đóng mỗi nơi một chút chỉ đợi ngày nào quân đội Anh rút lui là sẽ thay thế liền, rồi tận diệt Tội Do-Thái để buộc Liên-Hiệp-Quốc phải bỏ quyết định ngày 29-11-1947 đi.

Bên phía Do Thái, người ta hoạt động còn gắt hơn. Họ biết rằng không thể trông cậy gì ở Anh được, Anh đã hoàn toàn tỏ ra bất lực, không giữ được trật tự mà lại còn ngầm giúp Ả Rập nữa ; cũng không thể trông cậy ở Liên-Hiệp-Quốc. Vì sự can-thiệp của Liên-Hiệp-Quốc bao giờ cũng rất chậm mà lại yếu ớt ; nên một mặt họ tái khí giới vô, phân phát cho dân chúng — trai gái, già trẻ lúc này đều phải chiến đấu để bảo vệ nòi giống — một mặt họ dự bị để tuyên bố với thế giới sự độc lập của quốc gia Israel đúng ngày mà Anh rút lui và muốn cho được thế giới thừa nhận, họ phải lo ngoại giao với các cường quốc.

Đầu tháng tư 1948, họ họp một ủy-ban lâm thời bầu David Ben Gourion làm chủ tịch, rồi ngày 12 tháng đó, họ kêu gọi thế giới :

« Xin thế giới nhìn nhận cho Israel có quyền được tự cứu mình. Xin thế giới cho Israel được có tiếng nói riêng của mình, được sống một đời độc lập. »

Trước kia Anh tính đến ngày 1-8-1948 mới rút lui, nhưng bây giờ thấy tình thế Israel rối rắm quá, cả Do-Thái và Ai-Cập đều ghét mình, tấn công mình,

khắp xứ chỗ nào cũng chém giết nhau ; nên tuyên bố chấm dứt nhiệm kỳ sớm hơn hai tháng trước ngày đã định nghĩa là vào 0 giờ ngày 15-5-1948, Anh không còn nhiệm vụ gì ở Palestine nữa. Mà Anh để mãi tới ngày 13-5 mới tuyên bố như vậy giữa lúc ủy ban của Liên-Hiệp-Quốc không có mặt ở Palestine. Các quốc gia Ả-Rập sôi nổi lên. Khắp thế giới nhìn cả về phía Israel xem dân tộc Do-Thái có dám liều không.

Ngày 14 tháng năm, hồi 16 giờ, Ben Gourion họp Quốc-hội Do-Thái ở Tel Aviv. Phòng chật cứng. Ai nấy hồi hộp nín thở khi Ben Gourion lên diễn đàn lớn tiếng tuyên bố :

« Tôi tuyên bố sự thành lập một quốc gia Do-Thái ở Palestine. Kể từ hôm nay quốc gia đó lấy tên là Israel... Hỡi các đồng bào Do-Thái ở khắp thế giới, xin các bạn nghe tôi đây ! Các bạn đứng hết cả về phía Israel đi ! Giúp cho quốc gia phát triển ! Giúp dân tộc chiến đấu để thực hiện cái mộng hàng ngàn năm của chúng ta, tức cái mộng cứu quốc mà phục hưng lại Israel ».

Người ta vỗ tay hoan hô đến rung-rinh cả phòng nhóm, người ta la lớn, ôm nhau, khóc với nhau rồi ca hát với nhau :

*Hỡi Đức Thượng - Đế, xin ngài
cương quyết che chở chúng tôi,
Nhờ Ngài mà chúng tôi thắng trận,
Chúng tôi sẽ cất lại ở đây ngôi
Đền*

Đế sớm tối ca tụng Ngài.

Nhưng khi cười hát xong, mặt người nào người nấy bỗng hóa ra đăm chiêu :

không biết các nước khác nhận cái tin đó ra sao? Chỉ còn có vài giờ nữa là Anh phải tay để mặc họ với nhau. Nửa đêm hôm nay đây, không biết sẽ xảy ra việc gì? Họ chờ đợi, hy-vọng mà lo lắng.

Cả đêm hôm đó, chắc không có người Do-Thái nào ngủ được. Đúng nửa đêm, Anh hết quyền ở Palestine; thì nửa giờ sau, Tổng thống Truman báo tin rằng Mỹ đã thừa nhận tân quốc-gia Israel. Vài giờ sau Nga cũng đánh điện thừa nhận, rồi tới nhiều quốc-gia khác. Các nhà ngoại giao Do-Thái hoạt động ngấm trong mấy tháng nay đã thành công. Nhưng bây giờ mới bắt đầu tới lúc phải hy-sinh ghê-gớm, hy-sinh gấp mười, gấp trăm trước. Bi kịch đã khai diễn. Khai diễn ngay từ cái lúc mà bản văn thành lập quốc-gia Israel còn chưa khô mực.

*
* *

5. — Họ chiến đấu hăng như sư-tử.

Bom đạn nổ ở khắp nơi, ở phía Bắc, phía Đông, phía Nam. Quân-đội Ả-Rập tấn công trên mọi biên giới.

Vua Abdallah của xứ Transjordanie tuyên bố với Liên - Hiệp - Quốc rằng quân-đội của ông bắt buộc phải tiến vào Palestine để che chở những người Ả Rập sinh trưởng tại đó cho khỏi bị Do Thái tiêu diệt. Đồng thời hai đạo quân Ai-Cập tiến lên Gaza và Hébron trong sa mạc Néguev. Hai đạo quân khác của Transjordanie bao Hắc Hải, tiến vào Jérusalem và phía dưới

Sodome. Một đạo quân Irak chặn phía nam Galilée. Một đạo quân của Syrie tấn công Tibériade, Safed. Một đạo quân nữa của Liban tấn công phía Bắc Galilée, đổ về Haifa. Tel Aviv bị tấn công cả ba mặt (Coi bản đồ III)

Liên quân Ả-Rập tính « thanh toán » Israel nội trong mười ngày. Và vua Abdallah định ngày 25-5 sẽ vô Jérusalem.

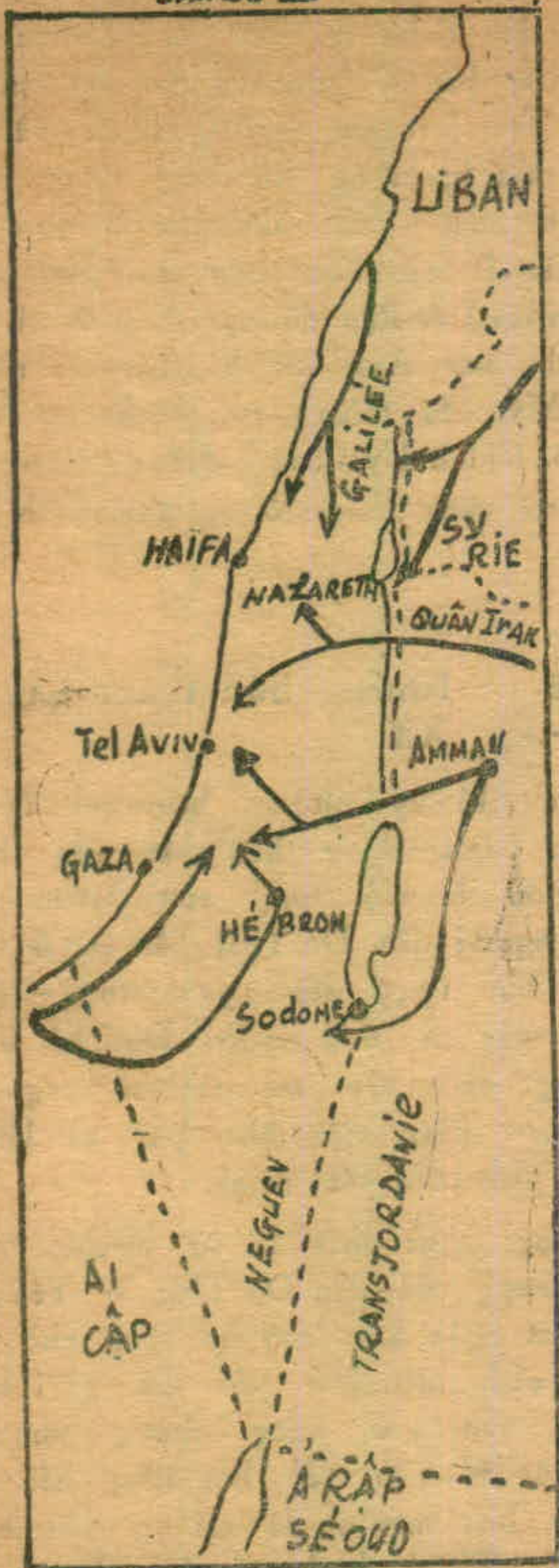
Xét bề ngoài thì thế của Ả Rập mạnh gấp mười, gấp trăm Israel. Năm quốc-gia: Ai-Cập, Transjordanie, Syrie, Liban và Irak (1) và ta nên nhớ tại Palestine có một số đông thổ dân Ả Rập, chưa kể một số Ả Rập khoảng 8.000 người mới độn nhập trong mấy tháng trước — năm quốc gia gồm 35 triệu dân tấn công 700.000 người Do Thái; lực lượng hai bên khác nhau xa quá. Nhưng xét kỹ bề trong, Do-Thái mạnh hơn Ả Rập: bên Ả Rập chỉ có 21.000 quân, bên Do Thái có tới 60.000. Tinh thần Do Thái cũng cao hơn. Do Thái phải chiến đấu để sống (ba mặt là kẻ thù, một mặt là biển, biết chạy đi đâu?) nên họ đoàn kết với nhau, lại có nhiều khí giới tối tối tân vì họ đã chuẩn bị từ lâu. Ả Rập tuy có tinh thần tôn giáo, chiến đấu vì Chúa, nhưng sự chỉ huy rời rạc, mà khí giới thì cổ lỗ.

Ngay từ hồi mới giao chiến, 500.000 người Ả Rập ở Palestine hoảng hốt, bỏ hết tất cả của cải, trốn qua biên giới Transjordanie (2). Nửa tháng sau tình

(1) Ả Rập Séoud không dự chiến.

(2) Sau tổng số người di cư tăng lên tới non một triệu.

BẢN ĐỒ III



Ả RẬP tấn công Do Thái

thế thực hỗn độn. Gần như không thành mặt trận nữa mà chỉ có vô số cuộc sắp lá cà rời rạc ở khắp nơi. Mọi đầu Do

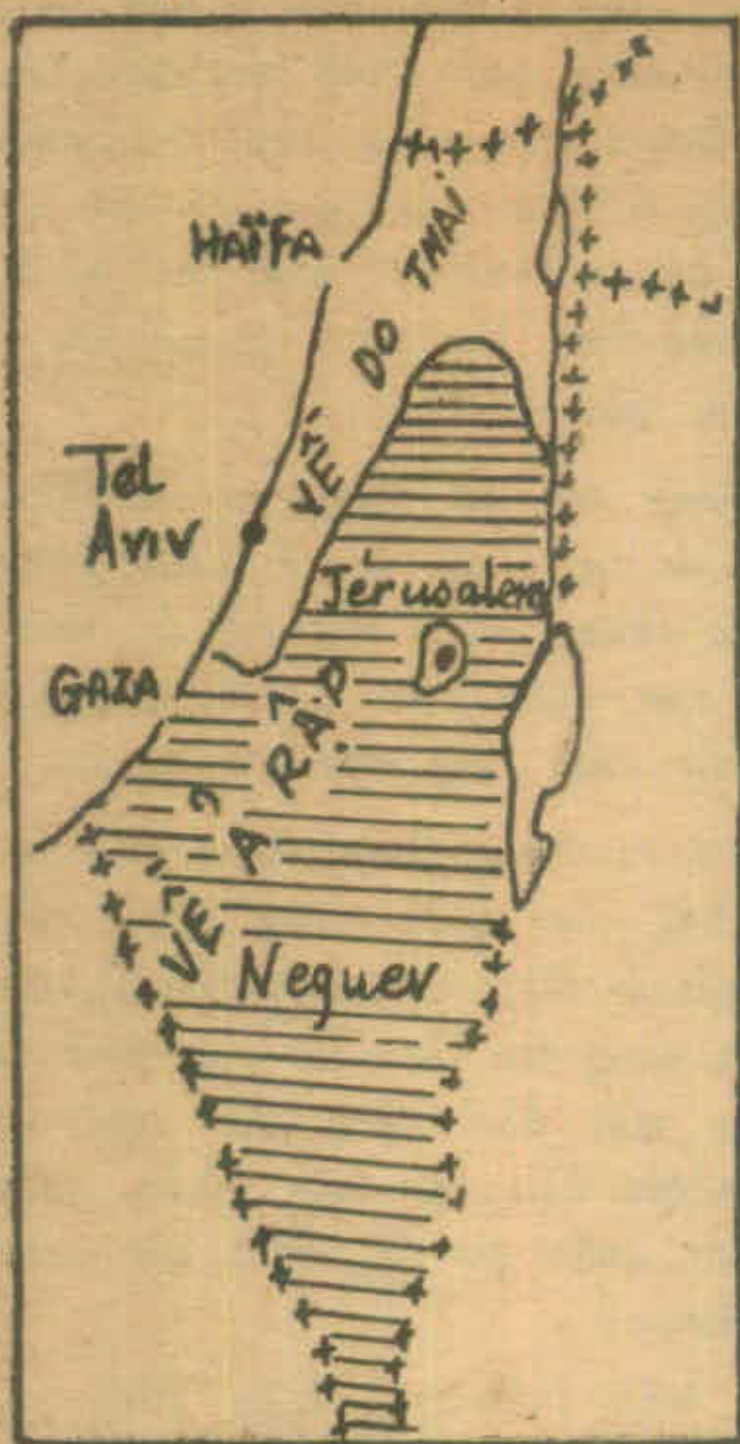
Thái hơi núng thẽ. Lần lần họ vững lại được, thắng đội quân Liban và Irak. Sau đội quân tinh nhuệ Haganah của họ thắng được một trận lớn ở Fallouga, quân đội Ai-Cập của vua Farouk (trong đó có đại tá Nasser) phải rút lui trong cảnh hỗn độn. Sau này, người Do Thái nhắc lại trận đó bảo :

« Chúng tôi đã thắng vì hai lý do : một lý do tự nhiên là có Chúa giúp sức dân tộc chúng tôi ; một lý do thần kỳ là sự can - đảm của sĩ tốt chúng tôi ; họ chiến đấu hăng như sư tử ».

Thực ra thắng được những trận đó, Do Thái hao quân cũng bộn ; nếu các quốc gia Ả Rập biết đoàn kết để trường kỳ tấn công thì Do Thái tất phải thua. Nhưng mặc dầu cùng thờ một Chúa, cùng chiến đấu cho một Chúa, mấy khi mà năm quốc gia đã đoàn kết với nhau hoài được !

Sau trận Fallouga, Liên Hiệp Quốc mới can thiệp, ngày 22-5-1948 yêu cầu hai bên ngưng chiến. Do Thái lợi dụng thời đó để gom góp lại lực lượng ; Ả Rập thấy vậy, không chịu ngưng chiến nữa, tấn công lại. Liên Hiệp Quốc lại bắt ngưng chiến rồi phái bá tước Bernadotte, chủ tịch hội Hồng thập tự Thụy-Điển lại điều tra và tìm cách hòa giải. Bá tước đưa một đề nghị chia lại Palestine một cách hợp lý hơn, mà có lợi cho Ả Rập (coi bản đồ IV). Một số Do-Thái quá khích ám sát ông ; đó là một lỗi lớn của Israel vì khắp thế giới ai cũng phục ông là người cao thượng. Tình hình lại hóa ra gay go hơn trước, hai bên lại choảng nhau. Rồi lại ngưng chiến. Rồi lại choảng nhau. Tới lần ngưng chiến

BẢN ĐỒ IV



CHIA ĐÔI XỨ PALESTINE
ĐỂ NẠI CỦA BERNADOTTE

thứ tư mới thật là đình chiến. Đầu năm 1949, lần lượt Israel ký 4 hiệp - định đình-chiến với bốn quốc-gia Ả - Rập : Ai-Cập, Syrie, Liban, Transjordanie.(1) Biên giới định lại (coi bản đồ I) gần đúng theo đường mà quân-đội Israel chiếm đóng. Biên giới đó cũng kỳ-dị lắm vì hai lẽ : lẽ thứ nhất thành Jérusalem chia đôi : khu cổ về Transjordanie, khu mới về Israel ; lẽ thứ nhì : Ai-cập chiếm một thẻo nhỏ theo bờ biển từ Rafa tới Gaza, mà biên giới

Transjordanie ăn sâu vào địa-phận Palestine, làm thành một miếng mỡ trên lưỡi dao Palestine. Thế là Palestine mất tên trên bản đồ, nhường chỗ cho Israel ; mà Transjordanie (nghĩa là xứ nằm ở bên kia bờ sông Jourdain) rộng thêm được một chút, đổi tên là Jordanie (nghĩa là xứ nằm trên hai bờ sông Jourdain.) Ả-Rập đã chịu thua và rất ức vì chỉ trừ Anh còn hầu hết các nước Âu-Mỹ đều thiên - lệch, bênh-vực Do-Thái. Chính Ủy - ban Hồng - thập - tự quốc-tế cũng thấy rõ sự thiên-lệch đó.

*
* *

16. - Những bức thăm bay ở thế - kỷ XX.

Sau khi ký những hiệp-định đình-chiến, hành - động thứ nhất của Ben Gourion là mở tung cửa Israel cho mọi người dân Do-Thái bất cứ ở đâu vào. Từ 1949 đến 1951, trung - bình mỗi ngày có 600 người Do-Thái hồi-hương, nhờ vậy mà dân số tăng lên rất mau, công việc khai phá và kiến-thiết phát-triển rất mạnh.

Đáng phục nhất là sự tổ-chức việc hồi-hương của dân Do-Thái ở Yémen. Từ ba ngàn năm nay họ sống nhờ Ả-Rập, cách biệt hẳn với thế - giới bên ngoài, vẫn giữ đúng những phong-tục của tổ-tiên, vẫn học tiếng hébreu, không biết máy in là cái gì, phải chép tay lấy Thánh - kinh để dạy lẫn nhau. Khi nhà cầm quyền Yémen ra lệnh bắt trẻ Do-Thái mồ côi về nuôi để bắt chúng theo

(1) Irak không chịu ký vì không có biên giới chung với Israel.

đạo Hồi-hồi, thì người Do-Thái nào biết mình sắp chết là gả cưới con, dù chúng mới được vài ba tháng, để cho chúng thành những « người » có gia đình, không còn là mồ côi cha mẹ nữa mà khỏi bị nhà cầm quyền bắt.

Suốt ba ngàn năm, không ngày nào họ không hướng về Jérusalem mà cầu nguyện, mong được hồi hương. Họ lạc hậu đến nỗi thấy chiếc xe hơi là hoảng, không biết là cái của quỷ gì; thấy nữ y tá chích thuốc, là la hét, khóc lóc. Vậy mà nhà cầm quyền Israël cũng phải tìm cách chích thuốc ngừa bệnh cho họ, trước khi đưa họ lên máy bay về Israël. Người ta phải đọc lại Thánh-kinh, tìm một đoạn nào đem đổi nghĩa đi, giảng cho họ rằng trong Thánh-kinh đã có dạy phải chích thuốc, họ mới chịu tin. Máy bay đã sẵn sàng cất cánh, mời họ lên, họ khẳng khẳng từ chối, bảo rằng hôm đó là ngày sabbat, ngày nghỉ cuối tuần mà theo lời Thánh-kinh dạy thì ngày đó không được làm một việc gì cả. Thế

là máy bay phải đợi họ. Có một phụ nữ để trong khi phi cơ đang bay. Họ nhón nháo cả lên; đốt lửa sưởi nữa mới khổ cho chứ. Làm sao mà giảng cho họ để họ giữ trật tự được?

Xuống sân bay ở Israël, mỗi người trong bọn họ chỉ có một bọc quần áo và một ve nước. Phải đưa họ tới những trại định cư, tập lãn cho họ sống theo đời sống hiện đại. Biết bao nỗi khó khăn cho nhà cầm quyền!

Vụ hồi hương bằng phi cơ đó, người Do-Thái đã gọi là công tác « bức thảm bay » (tapis magique) ở thế kỷ XX.

Số người xin hồi hương nhiều quá, chính phủ Israël phải lập chương trình, cho những Do-Thái ở Á-Rập, ở Đức, Nga, Ba-Lan... về trước, còn những Do-Thái ở châu Mỹ hiện được sống yên ổn thì sẽ về sau cùng.

(còn nữa)

NGUYỄN - HIỀN - LÊ

Con gà gaulois bới cát

Joseph Peyré có thuật lại câu nói sau đây của Robert Gascoyne-Cecil, trong tập *De sable et d'or*:

« Chúng ta hãy đề cho con gà gaulois bới đồng cát này ».

Đó là lời người Anh nói với nhau khi phân chia đất Phi Châu với người Pháp nhân cuộc thương nghị năm 1899, và dành cho người Pháp bãi sa mạc Sahara. Không ngờ con gà gaulois đã kiên nhẫn bới mãi, và rút cuộc, sáu mươi năm sau, đã bới ra được một mỏ dầu khá vĩ đại.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

THÁI-PHIÊN

VÀ CUỘC

DUY-TÂN KHỞI-NGHĨA

THIỆN-SINH

SAU cuộc cự sưu dân biên năm Mậu-thân (1908), nhân chính-phủ bảo-hộ có bắt được một bức mật thư trong có hai chữ « Tiểu-La », cụ Tiểu-La Nguyễn-Thành liền bị khép án 9 năm đày ra Côn-đảo. Được tin này, cụ Phan-Bội-Châu rất lầy lăm lo ngại. Điều lo ngại ở đây không phải là mất cụ Nguyễn, mà là mất người đang nắm giữ vận-mệnh của ngót mấy trăm du-học-sinh trên đất Nhật. Ai sẽ là người thừa kế cụ Tiểu-La, lo việc kinh-tài cho phong-trào Đông-du một cách đắc lực như trước ?

Trong mây đồng tiểu sử cụ Tiểu-La, cụ Phan có bày tỏ mối lo đó như sau : « Than ôi, núi Hải-vân còn đó, biển Đà-Nẵng còn đó, ai là người Tiểu-La tiên-sinh thứ hai ? ».

Ai là người Tiểu-La tiên-sinh thứ hai ?

Dở trang sử cách-mạng, hôm nay chúng tôi muốn nhắc tới người đó. Không khoa bảng cũng chẳng thên-thang đường hoạn lộ, chỉ là người viết mướn tính thuế độ khẩu, nhưng thừa chí cả, người đó đã kề ví cụ Tiểu-La, tiếp tục ám trợ phong-trào Đông-du và gieo rắc mầm giống cách-mạng vào đám sĩ-phu còn mê ngủ, nhất là trong làng « thấy Thông thấy Phán » các Tòa lúc bấy giờ.

Cái mầm giống vô hình ấy để đến năm 1916, cụ-thể-hóa bằng một cuộc tổng khởi nghĩa toan lật đổ quyền bảo-hộ của Pháp. Và, khi việc vỡ lở, người ta mới ngạc nhiên hay rằng

vai chủ động chính là người đó : Thái-Phiên.

Cát tiếng khóc chào đời vào năm Nhâm-ngọ (1882). Tự-Đức thứ 35, giữa lúc đất Quảng-Nam chấn động vì cái chết trung nghĩa của Hoàng-Diệu, Thái-Phiên đã là người dân bị trị. Nhưng âm vang thanh-thê đảng Văn thân và các cuộc quật khởi của nghĩa quân Cần-vương đã gián tiếp un đúc chí khí Thái-Phiên để sau này trở thành đại sự. Đời cách-mạng bị ảm đã khoác lên tên Thái-Phiên một lúc những bôn biệt hiệu : Nam-Xương, Nam-Thạnh, Cô-Đà, Hoàng-Anh.

Nội tổ vốn người Bình-Định, ra lập nghiệp tại làng Nghi-An, huyện Hòa-Vang, tỉnh Quảng-Nam. Thái-Phiên là con thứ của ông Thái-Duy-Tân và bà Lê-thị-Tý. Là con trai duy nhất nên từ tấm bé Phiên rất được thân phụ chăm chú cho về đường học vấn. Phiên theo thụ giáo với người bạn của cha là Phan-Chí-Học, một nhà nho trong làng. Tư-chất thông minh, Phiên học rất chóng giời đến nỗi sau đó, thân phụ phải gọi Phiên đến xin chữ thầy đồ Trần-Tông tại Thạch-Nham.

Với chức hương mục, với cảnh nhà khá giả, ông Tân được hưởng cái thú săn mang trong dãy núi sau nhà. Một ngày kia, thấy lội mãi núi cũ cũng chán, ông Tân bèn xua đàn chó qua Phong-Bắc (làng Ông-Ích-Khiêm) săn chồn. Trong cuộc rượt thú, ông Tân bị tên đồn trưởng Tây trắng hành hung. Bản tính cường ngạnh, ông

Tân toan cãi lại, nhưng vì ngôn ngữ bất đồng và yếu thế, ông hương mục làng Nghi-An đành nuốt hận lãnh mây tát tai trở về nhà. Lại thêm sau đó, có tên đội Phạn ở đồn Phước-Tường (giáp Nghi-An) cậy quyền phá-phách dân làng và người bồi của viên đồn trưởng theo ve vãn người con gái cả, lý Tân (đã lên làm lý-trưởng) thân hành vào đồn kiện cáo. Nhưng, cũng như lần trước, ông Tân lại ôm hận ra về.

Liền đây, một ý nghĩ khác thường nảy ra trong khối óc đang chứa đầy phẫn uất, ông Tân bèn cho gọi Thái-Phiên về đề rồi tức tốc gọi Phiên xuống Đà-Nẵng học chữ Pháp với thầy kiện Thông-Phong.

Theo thụ giáo được hai ba năm, Phiên được lệnh thân phụ gọi về cưới vợ. Người nâng khăn sửa túi cho Phiên là cô gái Trịnh-Thị-Nhuận, con ông Trịnh-Thiện-Giáo, một nhà tai mắt trong làng. Cũng trong khoảng thời gian này, nguồn máu hận tiềm phục bấy lâu trong huyết quản ông Tân được trao lại Thái-Phiên, qua những lời dạy bảo cần mật, tràn ngập nỗi khí.

Đồng chí đầu tiên của Thái-Phiên chính là người em vợ : Trịnh-Long. Một dịp tốt để Thái-Phiên thử vận dụng ba tấc lưỡi chiêu dụ của mình.

« Quốc sĩ ngô thân sĩ, Quốc nhục ngô thân nhục ! »

Thái-Phiên thường đem lời ấy nói với các bạn bè trong những lúc gặp mặt chuyện trò.

Gặp kỳ thi ký lục thương chánh, Thái-Phiên thi đỗ thiên đi làm tạn Hiệp-Hòa (Tam-Kỳ). Nơi đây, Phiên đã gặp rồi quen biết viên thầu khoán Le Roy, một người Pháp tứ-tề. Suốt bảy tám năm tòng sự, Thái-Phiên cảm thấy cuộc đời của một thầy ký lục thật là tẻ nhạt, lại không phù hợp ý chí của mình.

Thầu khoán Le Roy lấy tâm lòng thành thật khuyên Thái-Phiên theo làm với ông ta, hưởng sỗ lương khá hơn. Cảm tâm lòng chí thành ấy, Thái-Phiên định theo Le Roy, nhưng cái nhục của mây tát tai của thân phụ không cho phép Thái-Phiên tiếp tục hợp tác với một người Pháp, Thái-Phiên bèn xin thôi việc trở về.

Lúc bấy giờ, chủ kho bạc Đà-Nẵng là Gravelle đem phu lên chiếm ngọn đồi Nghi-An, khai đất trồng cà-phê. Thái-Phiên hướng dẫn dân làng đứng ra tranh chấp bằng cách mỗi người dân nhẩy xuống ngồi mỗi hồ vừa được đào xong. Mặt khác, Thái-Phiên vào đơn kiện tạn phủ Toàn quyền Đông-dương. Kết quả, chủ kho bạc phải nhượng bộ, trả đất rút lui.

Thắng một « nước cờ thực dân » Thái-Phiên lại đau buồn vì cái chết đột ngột của vợ. Thái-Phiên tìm sự quên lãng trong thú giao du cùng các tay cách-mạng.

Năm 1908, dân Đại-Lộc (Quảng-Nam) nổi lên kháng thuế. Cuộc biểu tình được dân các tỉnh

hưởng ứng nhiệt liệt, trong đền Phú-Yên, ngoài đền Hà-Tĩnh. Các cụ Châu-Thơ-Đồng, Tiểu-La bị Pháp kết tội xúi dục, hạ giam ngục Hội-An. Sau hai mươi ngày tuyệt thực, Cụ Châu chết trong lao Phú Thừa (Huế), còn cụ Tiểu-La phát vãng Côn-đảo.

Dù còn ít tuổi nhưng thừa uy tín, hơn nữa nhờ có Hán học lẫn Tây học, Thái-Phiên được cụ Tiểu-La chỉ định giữ chức vụ kinh-tài cho phong-trào Đông-du. Để việc quyền tiền chóng kết quả, Thái-Phiên nhận lời mai mối của Tú-tài Đỗ-Tự, tục huyền cùng con gái nhà phú hộ Học Bãng ở Quang-Châu. Cũng thế theo lời yêu cầu của các đồng chí, Thái-Phiên vào làm thông phán giấy thép Đà-Nẵng để che mắt người Pháp. Công việc bề bộn nên ba năm sau, Thái-Phiên lại từ giã sỗ trên và lần này quyết định qua làm với Le Roy (1), theo lời mời ân cần của ông nọ.

Cuộc đời âm thầm tĩnh mịch viết thuê của một thầy ký vô danh có mấy ai để ý. Nhưng chính phủ bảo-hộ đã phải trở mắt khi bắt được người Huê-kiểu, Lý-Bình-Quân, từ Đà-Nẵng ra Nghệ-An với một bó bạc và một bức thư ký tên Thái-Phiên gửi cụ Phan-Bội-Châu ở hải ngoại. Điện đánh về, Thái-Phiên liền bị

(1) Ông này là bạn thân của công sứ Charles ở Hội-An. Sau Charles được thăng khám-sứ Huế Thái-Phiên cố ý mượn Le Roy làm tấm bình phong đề hoạt động cách-mạng.



Di ảnh

Cụ Lê-Cảnh-Hàn

công - sứ Charles cho xe ra chở vào giam tại ngục Hội-An.

Lấy chỗ bạn thân, Le Roy can thiệp công sứ Charles, xin lãnh Thái-Phiên về.

Khoảng năm 1913, Thái-Phiên bí mật vận động đưa Phan-Hữu-Khánh vào nội lái xe cho vua Duy-Tân. Nhân một buổi ngự du tại cửa Tùng, Hữu-Khánh dâng kẻ sách cứu quốc và thỉnh nhà vua tham gia cách-mạng.

Mặt khác, Thái-Phiên cho lập « Liên-Thành thương quán » ở Bình Thuận và nhiều thương hội rải rác ở hai miền Nam-Ngãi, mục đích « dĩ thương hợp quán », chuẩn bị một cuộc khởi nghĩa sau này. Đồng thời Thái-Phiên phái Trịnh-Mai (2) qua Hương-Cảng gặp cụ Phan-Bội-Châu để cụ nhờ Trần-Hữu-Lực cầu ngoại

viện ở Xiêm. Tại Huế, Lê-Cảnh-Vân cũng được họ Thái biệt phái đứng bán hiệu sách « Trương-Cao-Động » ở cửa Thượng-Tứ, kết nạp các ông hoàng cùng dò la tin tức trong đám quan-lại.

Tháng giêng năm 1914, được tin Trần-Cao-Vân và các ông Tú Lê-Ngung, Trương-Bá-Huy, cử Lê-Bá-Trình, Nguyễn-Hồ-Khê... từ Côn-Đảo về, Thái-Phiên cùng Phan-Hiên vào gặp Trần-Cao-Vân ở Quảng-Nam.

Phương thế cứu quốc đã đồng, năm sau, Trần-Cao-Vân lãnh sứ mệnh mang tờ biểu của dân các tỉnh dâng lên vua Duy-Tân, tâu việc lật đổ chính quyền bảo hộ. Dưới dạng lột một người câu cá, Cao-Vân được thị vệ Tôn-Thất-Đế và Phan-Hữu-Khánh tiễn đưa vào gặp mặt vua tại hồ Tĩnh Tâm. Nhà vua ban ân chỉ làm « của tin » để kết nạp nhân sĩ.

Cuối năm 1915 đầu 1916, dịp may đưa đến, bên kia trời Âu quân Đức

(2) Người liên lạc Bắc Nam qua hai chiếc tàu thơ Manche và Lachard.



Từ trái sang phải : Các cụ Hồ-Cầm-Vinh — Trịnh-Mai và Lê-Cảnh-Vinh

đang rầm rộ phong tỏa Ba-Lê. Được tin đó, Thái-Phiên cùng các nhân vật trọng yếu «Việt-Nam Quân-chính phủ» tức khắc mở cuộc hội nghị tại «Chợ cầu cháy», làng Xuân-Yên, Quảng-Ngãi. Kiểm điểm tiềm-lực, hội nghị phân phối và đưa ra như sau :

A. — Quân lực quốc nội.

1) Tại Kinh thành :

a) Tôn-Thất-Đế và Nguyễn-Siêu đốc xuất các đội thân binh, thị vệ trấn giữ hoàng thành.

b) Trần-Quang-Trứ, Phạm-Thanh Chương, Lại Hà... công phá Trần-Bình-đài (Mang.cá). Viên Đại-tá lê dương người Đức sẽ làm nội ứng chỉ huy 3.000 lính mộ, lính khố vàng và khố xanh.

c) Trần-Đại-Trình, Đặng-Khánh-Khai, Lê-Cảnh-Hàn... điều động lính tập quay súng chiếm Tòa Khâm. Một đội cảm tử Nam-Ngãi hiệp cùng dân quân các miền phụ cận kinh thành công hãm cho bằng được Tòa Khâm sứ.

Thái-Phiên cùng Lê-Cảnh-Hàn lên ra Nghệ-An, tìm đèn yết kiền nhà cách-mạng Nguyễn-Thái-Bạt (1), yêu cầu nhà võ bị lão luyện này đứng ra chỉ huy đánh kinh thành. Việc này không thành nên Thái-Phiên giữ chức tổng-chỉ-huy kinh thành Huế cùng với Lê-Cơ và Lê-Cảnh-Vận (nỗ phát lệnh).

2) Quảng-Trị : Tú Cơ, Khóa Bảo, Khóa Ngộ, Đào-Duy-Chánh, Quán Thiệu...

3) Đà-Nẵng : Lâm-Nhi, Lê-Tường, Hồ-Cầm-Vinh, Trần-Ngọc-Đạm...

4) Hội-An : Lê-Đình-Dương (2), Quán Thái...

5) Quảng-Nam : Đỗ-Tự, Trương-Bà-Huy, Phan-Thành-Tài, Huỳnh-Khâm, cử Mai-Dị, Huỳnh-Phùng, Lê-Văn-Bính, Ông-Văn-Long...

6) Tam-Kỳ : Thăm-Tường-Vân (huê kiều), Ut-Pem.

7) Quảng-Ngãi : Cử Suy, Tú Phạm-Cao-Châm, Lê-Ngung v. v. ...

Những địa phương trên đây, nghĩa quân bắt buộc phải làm chủ tình hình trước hết. Ngoài lực lượng chính thức (các cấp lính bảo hộ, lính mộ) còn có các đội dân quân vũ trang dao phạng, trái phá, trợ giúp bên ngoài.

B. — Quân lực ngoại viện.

Chi-bộ Việt-Nam Quang-Phục-Hội ở Xiêm thông lĩnh Việt-kiểu Quang-Phục-quân và quân Đức do cửa bể Đà-Nẵng tràn vào. Hòa lực của Quảng-Nam do Đỗ-Tự và Ông-Văn-Long điều động trợ lực Đà-Nẵng, chiếm giữ cửa Hàn, mở đường viện binh. Dân quân hai làng Nghi-An, Phong-Lệ phụ trách lẫn sức ra đường ngăn ngừa sự tiếp viện của Pháp.

C. — Vũ-khí.

Ngoài số khí giới do Trần-Hữu-Lực gởi từ Xiêm về, tạm thời đóng

(1) Tức Nguyễn-Phong-Di, từng xuất dương du học tại các trường võ bị Chấn-Võ ở Nhật và Lục quân cán bộ học đường ở Tàu.

(2) Chính ông này đã chiêu dụ viên Đại-tá người Đức.

THÁI-PHIÊN VÀ CUỘC DUY-TÂN KHỞI NGHĨA

cửa vài thương hội, rút người vào núi rèn đúc thêm tạc đạn, mã tấu, dao phạng.

Để được danh chánh ngôn thuận, « Việt-Nam-Quân-chính-phủ » khởi sự :

a) Thảo hịch lan truyền khắp nơi.

b) Đúc bốn cái ấn kinh lược (Bình - Trị, Nam - Ngãi, Bình - Phú, Khánh - Thuận). Phan-Thành-Tài giữ ấn Nam - Ngãi kinh lược. Lê-Đình-Dương giữ chức Tổng trấn Quảng-Nam. Còn nhiều chức Nguyễn soái, Đề-đốc, Lan-thuộc khác v. v. . .

c) Cờ khởi nghĩa sẽ là lá cờ nền đỏ, năm sao trắng, lấy ý nghĩa « ngũ tinh tụ tinh » ở Dịch kinh.

Quyết nghị dâng lên, vua Duy-Tân đồng ý tất cả. Duy con số 3.000 lính mộ ở Mang-Cá, nhà vua lo ngại người Pháp sớm đưa xuống tàu sang Pháp, nên hạ chỉ hồi thúc hành sự. Ngày khởi nghĩa định vào một giờ sáng ngày 3 tháng 5 năm 1916 (tức 2 tháng 4 năm Bính-Thìn).

Trước đây một ngày, Thái-Phiên cùng vài đồng chí bí mật đáp xe ra Huế.

Tất cả đang nóng lòng chờ đợi khởi sự.

Đúng 10 giờ đêm, Tôn-Thất-Đế, Nguyễn-Siêu cùng hai tên thị vệ tin cẩn phò vua Duy-Tân xuất môn. Nhà vua phục sức một chiếc áo màu nâu sẫm, khăn đen, quần trắng, giày hạ, ngự chiếc xe kéo ra bến Thương Bạc.

Nơi đây, Trần-Cao-Vân đã buộc sẵn con thuyền để đưa nhà vua xuôi về Bến ngự, chỉ huy cuộc khởi nghĩa.

Nhưng đại sự đã bại lộ. Chính giờ đêm hôm ấy, Thái-Phiên Lê-Cánh-Vân và Lê-Cơ ngồi ở cửa nhà Đỗ chờ nổ phát lệnh. Bỗng nhiên được tin lính Pháp kéo đến, đồng thời tiếng kêu khóc trong cung nội dậy lên. Biết việc không xong, Thái-Phiên bèn bảo Cánh-Vân qua Bến ngự báo hung tin. Nhà vua nghe xong thở dài : « Thôi, việc như rứa thì hay rứa. Chừ Thấy đi tìm mời Thấy Phó (tức Thái-Phiên) đến đây ». Phụng lệnh, rồi thuyền ngự một lúc, Cánh-Vân bị bắt.

Bồn giờ sáng, đồn binh Pháp nổi kèn lập binh rồi thì lính kỵ mã và « sẵn đầm », Pháp nhôn-nhao khắp các ngã đường. Mật thám bủa vây bắt trọn các yếu nhân chỉ huy đánh Trần-bình-đài và tòa Khâm sứ.

Ngày 5 tháng 5, Thái-Phiên bị nhân viên liêm phóng gặp mặt ở Truối. Cũng trong ngày đó, Tôn-Thất-Đế lãnh ấn tín nhà vua đi biểu triệu các nơi, bị bắt tại nhà Tôn-Thất-Nhiếp.

Ngày 6, được tin thám tử cấp báo, chánh-văn-phòng tòa Khâm là Le Fol và Léon Sogny, chánh-mật-thám, lái xe lên Hà-trung « mời » Hoàng-đề Duy-Tân hồi cung. Ngồi giữa hai viên chức cao cấp Pháp, vua Duy-Tân bị họ đánh xe dạo quanh kinh thành để cho công chúng biết nhà vua đã lọt vào tay người

Pháp. Trần-Cao-Vân và Nguyễn-Siêu cũng bị bắt theo nhà vua.

Cuộc khởi nghĩa vì sao bại lộ ? Nguyên tại Quảng-Ngãi, viên thơ lại khỏ xanh Trần-Thêm, quán làng An-Điêm, phủ Bình-Sơn, được biệt phái làm việc tại tòa Khâm sứ. Trong cuộc biến động, Trần-Thêm là tay cổ động đồn lính khỏ xanh Quảng-Ngãi. Vì làm việc tại tòa Khâm sứ không ai nghi ngờ nên Trần-Thêm giữ nhiều giấy tờ bí mật. Trong sổ lính khỏ xanh chiêu dụ được có tên Võ-An, người làng Long-Phụng, phủ Tư-Nghĩa. Võ-An có người anh ruột tên Võ-Huệ làm lính giản tại Dinh án sát Quảng-Ngãi. Mấy hôm trước ngày khởi sự, Võ-An bảo Võ-Huệ nên liệu xin về nhà nghỉ kéo ở đây rồi có loạn.

Ngày 2 tháng 5, lúc 2 giờ chiều, công-sứ De Tastes và tuần-vũ Trần-Tiến-Hồi hành hạt ra phủ Bình-Sơn. Đến giờ làm việc, Võ-Huệ xin phép cùng quan án sát Phạm-Liệu về nhà cho được yên thân. Quan án sát Phạm-Liệu ngạc nhiên vì bình thường Võ-Huệ làm việc rất giỏi và thấy trò ở với nhau có tình quyến luyến, sao nay bỗng nhiên lại bỏ việc xin về nhà cho yên thân ? Hỏi đi hỏi lại, Võ-Huệ đem sự thật trình bày cho quan án sát nghe. Sợ bị liên hệ chịu trách nhiệm về cuộc trị an, Phạm-Liệu trông chờ công sứ và tuần vũ trở về, trình hết mọi việc. Chờ lâu nóng ruột, quan án sát Phạm-Liệu ra trước cửa thành ngóng chừng. Không ngờ cử chỉ của quan

án sát làm thơ lại Trần-Thêm sinh nghi, vội vàng đem đốt sạch giấy tờ bí mật. Công sứ De Tastes và tuần vũ Trần-Tiến-Hồi hành hạt về, gặp lúc viên thơ lại đang đốt giấy má, bèn hạ lệnh giam ngay Trần-Thêm. Lập tức De Tastes mật điện ra Huế, báo cho khâm sứ Charles hay tự sự. Bắt được điện tin chậm trễ, khâm sứ Charles liền xuống lệnh thu tất cả súng đạn và tập trung hết thủy binh lính trong Trại Đồng thời, tin điện cũng được đánh đi các tỉnh hay biết để ngăn ngừa.

Giờ phút chót, nghĩa quân lại bị một kẻ tâm phúc phản bội. Người đó chẳng ai khác hơn là Trần-Quang-Trứ (1), một người có công lớn trong việc chiêu dụ lính ở Mang Cá, Thủy động ở đồn Mang Cá, đoán chừng việc đã bị lộ, chờ trời tối, Trứ đi dò qua Tòa Khâm tiết lộ tất cả sự việc. Lúc lên bèn, Trứ gặp Lê-Cảnh-Hàn đang lang vãng ở đây. Hàn hỏi ; « Ngài đã ngự ra chưa ? » Trứ sợ bại lộ cơ mưu, trả lời qua chuyện, vòng quanh ngá sau, vào Tòa Khâm tò giác (2). Do đó, vua Duy-Tân và các yếu nhân không hay biết gì cả. Một vài nơi như Tam-Kỳ, Quảng-Ngãi đã nổi lên công hãm, chiếm phá phủ thành.

Cuộc khởi nghĩa thất bại, đưa đến một kết quả bi thảm nhất là vua Duy-Tân bị đưa vào Đà-Nẵng, xuống

(1) Trứ sau được người Pháp ưu đãi đem sang Pháp. Năm 1923, Trứ về Saigon làm kỹ sư công tác.

THÁI-PHIÊN VÀ CUỘC DUY-TÂN KHỞI NGHĨA

tàu đầy qua đảo Réunion vì tội «vọng thính sàm ngôn, khuynh nguy tác xã». Các chí sĩ, kẻ phát vãng Lao-bào, người bị đưa lên mạn ngược Ban-mê-thuộc, lần lượt chôn xương trong chồn ngục tù. Kinh lược Nam-Ngãi Phan-Thành-Tài trốn vào núi, được tên mọi Uthey che giấu. Sau phát giác, họ Phan cùng tên mọi bị điệu về chém tại Chợ Cũ (Quảng-Nam).

Riêng Thái-Phiên và ba đồng chí Trần-Cao-Vân, Tôn-Thất-Đế, Nguyễn-Siêu, được bộ hình Nam triều, qua lời dạy bảo của chính phủ bảo hộ, khép tội như sau: «Thủy nhi Hậu hồ thủy điều, thiện tả chiêu văn như Thương Bạc đình thuyền, yêu nghinh thánh giá. Hà-trung mạch phạn, ngũ linh kê thang, thừa dư chí thử phong-trần, mới nghiệt giai do thử bồi (Thoạt tiên Hậu hồ buông câu, tự chuyên thảo chiêu; Sau Thương Bạc neo thuyền, chờ rước thánh giá. Xuồng làng Hà-trung dùng cơm lặt, lên núi Ngũ linh ăn cháo gà, nhà vua rất đổi phong trần, oan nghiệt này cũng đều do tội giặc cỏ này mà ra).

Án tội đã xuống, tòa Khâm phái nhân viên sang lao Hộ-Thành chụp

bóng các tử tội để lưu hồ sơ. Ngày 17 tháng 5 năm 1916, Thái-Phiên cùng ba đồng chí bị áp giải ra pháp trường An-Hòa hành quyết. Bồn đầu rơi theo thanh gươm của đao phủ đánh đầu một trang sử đẫm máu, bất khuất của dân Việt.

Thái-Phiên !

Người đã chết, nhưng hùng khí và gương đấu tranh của người vẫn còn sáng mãi trong lòng người dân xứ Quảng và dân Việt nói chung vậy.

THIỆN-SINH

(2) Theo tài liệu của Hương-Bình đăng trong báo «Hương Quốc» số 25 ngày 23-8-1947, xuất bản tại Huế.

PHỤ LỤC

Bài thơ của cụ Sào-Nam khóc T. Phiên, làm năm Giáp-Tuất (1934) trong bài văn tế cụ Tiều-La :

*Bấy thước thân trai gánh nợ đời
Tinh thần khu xác một mà hai
Trong vòng lồng chậu không chìm cá
Trước mặt non sông có bể trời
Cây cỏ bết đem dây máu nhuộm
Ruột gan hồng cội tẩm trắng soi
Chúng ta cũng vẫn giòng Hồng-Lạc
Xin hỏi Nam-Xương có mấy ai !*

Một ý tưởng của G. — B. Shaw.

Trong cuốn «*Kinh nhật tụng của nhà cách mạng*», George — Bernard Shaw phát biểu một ý tưởng thật hóm hỉnh về sự vô ích của những thủ đoạn tàn ác :

«Người Trung-Hoa chặt cánh chim và bó chân phụ nữ để cầm giữ ở trong nhà. Một tấm xiêm rủ xuống tận mắt cá chân tưởng cũng đem lại được kết quả như vậy».

JASPERS,

Trần-Hương-Tử

Hiện-sinh và Siêu-việt



CHO đến đây, qua những bài nghiên-cứu về Kierkegaard, Nietzsche và Husserl, chúng ta mới chỉ thấy những chuẩn-bị

cho sự xuất-hiện của triết-lý hiện-sinh mà thôi: Kierkegaard và Nietzsche đã nói lên những sự thực thâm-thúy, nhưng tiếng nói của hai ông chắc sẽ bị quên lãng và mai-một, nếu không có những triết-gia như Heidegger và Jaspers khai-thác nó một cách hữu-hiệu; rồi phương pháp hiện-tượng-học của Husserl cũng rất có thể bị bỏ bễ, nếu nó không được những triết-gia hiện-sinh ngày nay dùng vào công việc mô-tả con người sinh-hoạt. Nói thế để chúng ta nhận thức rằng: triết Hiện-sinh chỉ mới phát-sinh từ hai triết-gia Heidegger và Jaspers. Cùng lắm có thể kể thêm Gabriel Marcel. Đó là những cha sinh của triết-lý hiện-sinh. Nói cha sinh, vì nếu nói cả những triết-gia có công xây-dựng và tài-bồi cho triết hiện-sinh, thì chúng ta phải kể thêm Sartre. Ông này đến sau và đã chịu ảnh-hưởng nhiều bởi Heidegger, cho nên tuy không để ông vào hàng sáng-lập, nhưng

khi nói đến những triết-gia đại-diện cho tư-tưởng Hiện-sinh, thì ông đáng được đặt ngang hàng với ba ông kia. Vì thế, hễ nói đến triết hiện-sinh, người ta nghĩ ngay đến 4 triết-gia vĩ-đại của ngày nay : Heidegger, Jaspers, Marcel và Sartre. Cả 4 ông hiện còn đang sống. Năm nay Jaspers 79 tuổi, Heidegger 73 tuổi, Marcel cũng 73 tuổi, và Sartre 57 tuổi.

Hôm nay, với bài này, chúng ta không còn ở trong giai-đoạn chuẩn-bị triết Hiện-sinh nữa, nhưng chúng ta đi thẳng vào lòng tư-tưởng hiện-sinh. Bạn đọc cũng biết Heidegger đi vào con đường hiện-sinh trước Jaspers : cả hai ông cùng bắt đầu bằng giai-đoạn tâm-lý-học, Heidegger với luận-án « Bài học của sự phán-quyết theo Tâm-lý chủ-nghĩa » (*Die Lehre vom Urteil im Psychologismus*) năm 1914, — Jaspers với luận-án « Nỗi nhớ nhà và tính-chất tội-ác » (*Heimweh und Verbrechen*) năm 1909. Nhưng rồi Jaspers còn theo nghiệp khoa-học của ông lâu năm, nghĩa là hơn 20 năm, cho đến năm 1932 thì ông mới bỏ ngành nghiên-cứu Tâm-bệnh-học để hoàn toàn chủ tâm vào triết Hiện-sinh : năm 1932 là năm ông cho xuất-bản cuốn « Philosophie », cuốn sách nòng cốt của ông và là nòng-cốt cho triết Hiện-sinh. Trái lại Heidegger đã sớm vượt tới Hiện-sinh : năm 1927 với cuốn *Sein und Zeit* (Hữu-thể và thời-gian), một cuốn sách căn-bản nữa của triết hiện-sinh, Heidegger đã khai-sinh cho tư-tưởng hiện-sinh. Cho nên, xét theo trật-tự thời-gian, đáng lẽ chúng ta phải bàn đến triết Heidegger trước tiên ; vậy tại sao chúng tôi lại bỏ qua Heidegger ? Vì hai lẽ : thứ nhất vì chúng tôi muốn đưa ra « bộ mặt thực của triết Hiện-sinh »,

nghĩa là bộ mặt có giá-trị của triết hiện-sinh, bộ mặt này thường bị nhiều người ngộ-nhận cho nên thường bị coi là thứ triết của bọn lập dị hoặc bọn thanh-niên « thác loạn » ; trong ý đó, chúng tôi cần đưa ra ngay một hình-ảnh đáng tôn quý của triết Jaspers ; — thứ hai, vì loạt bài này nhằm một số bạn đọc không chuyên-môn về triết-học, cho nên nếu nói ngay về Heidegger, tưởng không có lợi cho sự nhận ra thế nào là hiện-sinh đích-thực : triết Heidegger thâm-thúy, nhưng vì nằm trong *phổ-quát*, cho nên vừa khó hiểu cho người không chuyên-môn, vừa ít lợi cho sự hướng dẫn cuộc đời tinh-thần của mỗi người chúng ta. Cũng trong viễn-tượng trình-bày cho các bạn không chuyên-môn, chúng tôi nghĩ những dòng mà chúng tôi sẽ dành cho việc tìm hiểu Sartre sau này, cũng đủ cho chúng ta thấy hướng đi đặc sắc của Heidegger, vì hai triết Heidegger và Sartre có những nét căn-bản rất giống nhau.

*
* *

Trong triết-học Jaspers, Hiện-sinh và Siêu-việt không thể lìa nhau : một hiện-sinh không vươn tới siêu-việt là một hiện-sinh không chính-thực. Nhưng siêu-việt là gì ? Không cần chú ý lắm, người ta cũng dễ nhận thấy trong bộ danh-từ của Jaspers, chữ « siêu-việt » được dùng một cách quá linh-động. Khi tôi vươn tới mức hiện-sinh, bỏ được cách sống tầm-thường của một người chỉ sống để mà sống như cầm thú, để tự nay sống như một nhân-vị tự ý-thức và tự trách-nhiệm về

mình : Jaspers gọi đó là một siêu-việt, vì con người hiện-sinh đã vươn lên trên con người sinh-tồn. Rồi khi tôi đi tìm hiểu vũ-trụ, tôi thấy rằng càng thấy và biết nhiều về vũ-trụ, tôi càng thấy vũ-trụ bao la và huyền-nhiệm, vượt quá tất cả những gì tôi có thể nghĩ về vũ-trụ : Jaspers cũng gọi vũ-trụ là một siêu-việt đối với tri-thức của tôi. Tuy nhiên, nếu như các học-giả đã xác-nhận, « muốn hiểu triết-học Jaspers thì phải hiểu cho tường chữ siêu-việt », chúng ta cũng có thể nhận-định một cách tổng - quát rằng : chữ Siêu-việt của Jaspers thường chỉ có hai nghĩa căn-bản. Nghĩa thứ nhất là : *vuôn lên* ; theo nghĩa này, siêu-việt là hướng đi lên không ngừng của hiện-sinh ; cũng trong nghĩa này, Jaspers thường dùng động - từ « vuôn lên » (transcender). Nghĩa thứ hai của siêu-việt là : Siêu-việt-thể (la Transcendance) ; kỳ thực, như hai giáo-sư Dufrenne và Ricoeur đã ghi chú (DUFRENNE et RICOEUR, *Karl Jaspers et la philosophie de l'existence*, Seuil 1949, p. 237), chữ Siêu-Việt được dùng thay chữ Thượng-Đế của triết-học cổ-điển ; sở dĩ cần phải thay như thế, vì Jaspers nghĩ chữ Thượng-Đế để gọi lại những yếu-tố thần-thoại.

Chúng ta sẽ luôn luôn gặp hai nghĩa trên đây của chữ Siêu - việt. Vì thế có học-giả đã gọi triết-học của Jaspers là « triết-học về Siêu-việt ». Chúng tôi sẽ chia bài này làm hai phần, mỗi phần sẽ nhằm hiểu một ý-nghĩa của chữ Siêu-việt : phần đầu dành cho hướng đi lên của hiện-sinh, và chúng ta sẽ thấy hiện-sinh có nghĩa là luôn luôn vuôn lên và

tự vượt mình, — phần sau dành cho sự tìm hiểu siêu-việt theo nghĩa tuyệt-đối, trong phần này chúng ta sẽ thấy Jaspers hiểu siêu-việt-thể tức bao-dung-thể như thế nào.

*
*
*

I — Hiện - sinh của Jaspers hướng lên Siêu-việt.

Phần này sẽ mở cho chúng ta thấy toàn thể hệ-thống của triết hiện-sinh Jaspers, y như triết-gia đã trình bày trong 3 phần cuốn *Philosophie* của ông. Nhìn vào toàn thể vũ-trụ, Jaspers đã nhận ra một ý-nghĩa: ý-nghĩa đó là tất cả hiện hữu đều *hướng lên* một cách mạnh mẽ, tự lãnh-vực những sự vật vật-chất lâm-lì, qua hiện-sinh tinh thần của con người, đến miền siêu-việt của Thiên Chúa mà Jaspers thường gọi là Hữu-thể tự-tại (An-sich-Sein).

Để có một ý niệm tổng-quát và rõ ràng về hệ-thống triết-học Jaspers, nên nhớ cuốn *Philosophie* (triết-học) của ông chia làm 3 quyển và cũng là 3 phần của cái vũ-trụ hiện-sinh của ông : phần I, có đối-tượng là vũ-trụ vật-lý ; vũ-trụ này thường được gọi bằng một tên chung là *Hữu-thể vật-thể* (Objektsein, être-objet). Đây là lãnh-vực những sự vật vô-hồn như hòn đá, con ngựa, cây tre. Và đây cũng là phạm - vi khoa - học thực-nghiệm : vì những sự vật nọ thiếu hẳn ý thức và tự-do, cho nên muôn đời chúng vẫn chỉ là chúng ; chúng theo những định-luật nhất-định về biến-hóa, cho nên nhà khoa-học thực-nghiệm có thể dễ dàng nghiệm xét chúng, rồi nhận-thức ra những định-luật chi-phối tất cả những phản-ứng của chúng. Những định-luật này có thể được

đặt thành những công-thức chặt chẽ. — Phần II có đối-tượng là hiện sinh, nghĩa là những nhân-vị tự-do và tự-chủ. Jaspers gọi đối-tượng này là *Hữu-thể bản-nghĩa* (Ichsein, être-moi). Không phải bất cứ ai cũng vươn tới mức hiện-sinh nhân-vị này: tự cấp sự vật đến cấp hiện-sinh có một *cái nhảy*, một sự vượt bậc. Vì thế nhiều người, tuy được sinh làm người, nhưng thực sự vẫn chưa vươn tới mức hiện-sinh: họ vẫn sống vô ý thức như cây cỏ và cảm thú, họ sống như « người ta », những « người ta » vô ý-thức và vô trách-nhiệm; họ sống nô-lệ dư luận, nô-lệ những tập-truyền, nô-lệ đoàn thể, họ chỉ là những đơn-vị người, chưa phải là những nhân-vị tự-do. Nhân-vị tự do thì ý-thức về quyền tự-do của mình, đồng thời cũng ý-thức sâu xa về trách-nhiệm làm người của mình: người tự-do và tự-chủ phải biết hoàn toàn nắm lấy trong tay mình tất cả ý nghĩa cuộc nhân-sinh của mình, cho nên người đó phải tự quyết về mình. Đã thế, tính chất tự do của các nhân-vị hiện-sinh không cho phép ta áp dụng phương-pháp của khoa-học thực-nghiệm vào công việc tìm hiểu con người: phương-pháp phải thích-ứng với đối-tượng, cho nên chúng ta phải thay phương-pháp thực-nghiệm bằng một phương-pháp khác. Jaspers gọi phương-pháp này là « *soi vào hiện-sinh* », nghĩa là nhận-định dần dần và lâu dài — Phần III có đối-tượng là Siêu-việt: đây là cùng-đích của hiện-sinh. Triết hiện-sinh của Jaspers hướng lên Siêu-việt như hướng về cùng-đích của nó. Nhìn lại hai quãng đường vừa đi qua, chúng ta đã gặp hai cái nhảy: cái

thứ nhất giúp con người nhảy từ lãnh-vực vật-chất lên tới lãnh-vực tinh-thần của hiện-sinh. Rồi trong lãnh-vực hiện-sinh cũng có nhiều bước tiến; những bước tiến này tuy không được gọi là những cái nhảy thực-thụ, vì chúng không đưa chúng ta lên một lãnh-vực khác hẳn, nhưng chúng cũng đưa chúng ta tiến lên luôn. Luôn luôn vượt lên trên chính mình ta. Trong đà đi lên, và đi lên không ngừng này, sẽ có một lúc con người cảm thấy « bị chặn lại » bởi những tình-trạng giới-hạn (situations limites): khi đó con người phải nhảy cái nhảy cuối cùng. Nhảy vào trong lãnh-vực của Siêu-việt: cái nhảy này thường được Jaspers gọi là « *tín-ngưỡng triết-học* » (foi philosophique). Đây là phần đặc-sắc nhất và cũng là phần khó hiểu nhất của triết-học Jaspers, cho nên chúng tôi sẽ dành hẳn phần thứ hai bài này để học hỏi. Tuy nhiên, ngay từ bây giờ, chúng ta nên nhớ rằng, trong tư-tưởng Jaspers, hiện-sinh và Siêu-việt liên-hệ mật thiết với nhau đến nỗi nếu không giữ chặt mối tương-quan với Siêu-việt, thì Hiện-sinh không còn đáng gọi là Hiện-sinh chính-thực nữa. Đúng như J. Wahl đã tóm tắt trong câu: « Cho nên Hiện-sinh không phải chỉ là nhân-vị tự ý-thức về mình và có tương-quan với chính mình, nhưng nhân-vị đó còn phải giữ vững tương-quan với Siêu-việt là nguyên-ủy của mình. Hiện-sinh chính là mối tương-quan đó với Siêu-việt. Nếu không có tương-quan đó, thì không có Hiện-sinh chính-thực. » (Wahl, *La pensée de l'existence*. Flammarion 1951, p; 89).

Trên đây là cái nhìn đại-quan về cách kiến-trúc ngôi nhà triết Hiện-sinh của Jaspers. Bây giờ chúng ta cùng nhau đi sâu vào mấy chi-tiết. Chúng ta sẽ lần lượt xét về những đặc-tính của mỗi cấp *hữu-thể* (sự vật, nhân-vị, Siêu-việt) để nêu rõ tính-chất « bị xé » của con người hiện-sinh. Hai chỗ xé rộng nhất là hai cái nhảy mà ta đã nhắc đến trên đây. Nói bị xé, vì nhảy lên mà không phải là sang qua. Thực ra nhảy mà còn vướng lại cả một nửa con người : thí-dụ khi tôi vươn tới hiện sinh, tôi vẫn biết tôi còn mang những yếu-tố vật-chất nặng-nề trong người tôi, cho nên trong chính sự tự-do của tôi, tôi thấy tôi bị vướng bởi những điều-kiện ; tôi không hoàn toàn tự-do, nghĩa là tôi không phủ-nhận những điều-kiện vật-chất và sinh lý của tôi, thành thử tôi bị vướng, bị xé đôi. Công-nhận con người bị xé, Jaspers đã nhận-thức sự thực một cách can-đảm : vì thế triết-lý của ông có vẻ bí-đát, phản ảnh đúng bộ mặt thực của đời người.

A — Triết gia | Vũ-trụ hiện-sinh không
nhìn vũ trụ | phải là vũ-trụ của nhà
bác-học : vũ - trụ của triết gia là
vũ-trụ sống, không phải vũ-trụ chết của
nhà vật-lý-học. Nhà bác-học nhìn hòn núi
Non-Nước chẳng hạn chỉ là một đồng
khổng-lồ những nguyên-tố hóa học
CaOH, Si v.v... Cũng dưới con mắt nhà
bác-học, thì cây cỏ, thụ mộc cạnh chùa Non
Nước chỉ là một mớ những tế bào thảo-mộc.
Như thế, thái độ của khoa-học-gia
bao giờ cũng làm cho vạn vật mất hết ý-
nghĩa và trở thành những sự vật cứng
đờ : người ta gọi tính-chất cứng đờ đó
của sự vật là tính-chất khách-quan (objec-

tivité) của khoa học thực-nghiệm. Trái lại
vũ-trụ của triết-gia là vũ-trụ vây quanh
con người (Umwelt), tức vũ-trụ sinh-
hoạt của con người (Lebenswelt) : thực
ra con người không thể sống được, nếu
con người luôn luôn nhìn vũ-trụ bằng
con mắt khoa-học-gia ; nhìn bằng đôi mắt
của khoa-học-gia, tất cả vạn vật chung
quanh ta đều trở thành những sự vật để
ta nghiên-cứu và mổ xẻ ; cả những người
và những vật ta yêu nhất cũng bỏ mất
« ý nghĩa » của chúng để hoàn toàn trở
nên những vật thể lạnh lùng, có những
phản-ứng nhất thiết của những định-luật
khoa-học. Nhà khoa-học không thể có cảm
tình ; nếu ông còn mang cảm tình vào
trong việc nghiên-cứu của ông, thì ông
không còn là nhà khoa-học nữa.

Một điểm khác quan-trọng hơn : nhà
bác-học chỉ mài miệt vào sự nghiên-cứu
mấy sự vật lẻ tẻ (loại sắt này, loại than
kia, loại vi-trùng này, loại bệnh tim kia
v.v...), nghĩa là nhà khoa-học bao giờ
cũng có một phạm-vi nghiên cứu rất nhỏ
hẹp, và ông càng chuyên môn thì phạm-vi
đó càng nhỏ hẹp hơn, trái lại triết-gia là
người dám đưa mắt nhìn toàn thể vũ-trụ.
Và đó là cái người ta gọi là : *vũ-trụ-quan*.
Đến đây, một vấn-đề quan-trọng được đặt
ra : Ta có thể dùng khoa-học thực-nghiệm
để đạt tới một vũ-trụ-quan không ? Từ
Aristote cho đến Descartes, các triết-gia
thường nghĩ rằng có thể xây dựng một
khoa *Vũ-trụ-học* (Cosmologie, Weltlehre)
như người ta đã xây dựng những khoa
Vật-lý-học, Khí-tượng-học v.v... Kant là
người đầu tiên đã tố cáo sự vô lý của
tham vọng quá trớn đó : theo Kant,
— và điều này vẫn được các triết-gia và
khoa-học-gia ngày nay chia xẻ, — chỉ có

khoa-học thực - nghiệm khi ta đặt đối-tượng *trước mắt ta*, như kiểu ta đặt một cục than hoặc một cơ-thể nhiễm độc cần được nghiệm xét; đối với vũ trụ, ta không thể đặt nó ra trước mắt ta, vì nó bao quanh ta trên dưới, và mỗi cái nhìn chỉ cho ta thấy một cái gì của vũ-trụ mà thôi, không cho ta thấy vũ-trụ bao giờ hết. Thành thử chúng ta không thể xây-dựng một khoa-học về vũ-trụ, một vũ-trụ học, nhưng ta chỉ có thể có một cái nhìn về vũ-trụ tức một vũ-trụ-quan (Weltanschauung). Như vậy, ngay đối với cấp hiện-hữu dưới cùng của chiếc thang giá-trị, nghĩa là đối với hữu-thể vật-chất (être-objet), thái độ của triết-gia đã khác hẳn thái-độ của khoa-học-gia.

Mỗi khi đề cập đến vũ-trụ-quan, Jaspers thường nhắc đến hai ý nghĩa thâm-thúy nhất: vũ-trụ-quan cho ta thấy rõ ràng hai thất bại, thất bại của các khoa-học thực-nghiệm và thất-bại của chính vũ-trụ-quan. Mỗi cái thất-bại trong tư tưởng của Jaspers là một giới-hạn báo-hiệu một cái nhảy cần phải thực hiện để tiến lên.

Trước hết là thất bại của các khoa-học thực-nghiệm. Đã có thời khoa-học thực-nghiệm làm con người say-mê tin-tưởng đến nỗi họ nghĩ có thể dùng khoa học để giải - nghĩa tất cả những thắc mắc và lo âu của con người, kể cả những thắc mắc về ý nghĩa cuộc nhân-sinh. Đồ-đệ của A. Comte, những kẻ theo khoa-học chủ-nghĩa, đã long-trọng tuyên-bố rằng kỷ-nguyên mới đã bắt đầu, và trong kỷ-nguyên này con người sẽ chỉ dùng khoa-học thực-nghiệm để sinh-hoạt thôi. Theo họ, khoa-học thực-

nghiệm có khả năng giải-nghĩa toàn thể các hiện-tượng trong vũ-rụ, kể cả những hiện-tượng tâm-linh và nhân-bản. Chủ-trương này của Khoa-học chủ-nghĩa đã thống trị Tây phương hồi cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 này. Bây giờ tinh thần đó vẫn chi phối đầu óc nhiều dân tộc chậm tiến, vì những người này hiện còn bị lóa mắt bởi những phát minh kỳ-diệu của khoa-học. Và tinh-thần đó cũng vẫn ẩn nấp trong những triết-thuyết qua tin vào năng-lực con người, như thuyết Mác-Xít chẳng hạn; nói thế, vì các học thuyết này vẫn ngấm ngấm chủ-trương rằng chỉ có một loại sự kiện duy-nhất trong vũ-trụ là sự kiện vật-chất, ngoài ra chỉ là những hiện-tượng phù ảo. Trái lại Jaspers chứng minh có ít là bốn loại sự kiện thuộc 4 trật tự khác nhau. Bốn trật tự này là 4 bình diện chồng lên nhau, nhưng không thể nào đồng hóa được: vật-chất (la matière), sinh hoạt (vie), tâm linh (âme) và tinh-thần (esprit). Vật-chất thì im-lì, bất biến, bản tính của nó là có thể bị tán-mạt thành những nguyên-tử hóa-học. Đó là những tĩnh vật. Chúng có biến-dịch thì do những nguyên nhân ở ngoài chúng mà thôi. Đây là lãnh-vực của khoa Vật-lý và Hóa-học. Lên trên một bậc là sinh-hoạt: đây là những sự vật có sinh và có diệt, và chúng luôn luôn biến động suốt trong thời kỳ sinh-hoạt của chúng. Sự biến dịch này được thể hiện đúng với sức tự phát của những sinh vật đó, phù-hợp với những môi-trường mà chúng được đặt vào. Khoa sinh-vật-học đã tìm ra những định-luật sinh hoạt của những sự vật này. Bước lên một bậc nữa, chúng ta gặp tâm linh

(âm) và tự đây chúng ta bước vào trong phạm-vi của nhân-giới. Tuy nhiên đây mới chỉ là phần kiện-tính, tức căn-bản chung của con người mà thôi, chưa phải là lãnh-vực của nhân-vị và hiện-sinh. Đặc-tính của tâm-linh là có sinh hoạt nội-tâm, có ý-thức về những cảm-nghiệm của cơ-thể mình. Con chó biết đau và biết sợ đau, nhưng chưa ai dám bảo là loài chó có ý-thức về đau khổ. Chỉ con người có ý-thức, và vì thế cái đau của con người bao giờ cũng theo tỷ-lệ ý-thức mà lớn lên. Càng ý-thức nhiều, cái đau càng thấm thía và khó phai nhạt. Khoa tâm-lý-học có chủ-dịch nghiên-cứu về tâm-linh con người.

Lược qua 3 loại sự kiện trên đây với 3 khoa-học dành riêng để nghiên-cứu chúng, người ta đã thấy tự khoa nọ sang khoa kia có một quăng cách, một cái nhảy. Trong khi phương pháp của hai khoa Lý - Hóa hoàn toàn dựa trên những thí nghiệm và những phản-ứng của sự vật thường sui nên bởi những điều-kiện mà nhà bác-học chính tay xếp đặt nên, cho nên quan sát thường có nghĩa là quan-sát những hiện-tượng do chính khoa-học-gia tạo nên; còn khi bước sang lãnh-vực Sinh-vật-học, công-việc thí-nghiệm của nhà bác-học không được tự-do như thế nữa: thí-nghiệm ở đây thường chỉ có nghĩa là quan-sát một cách thụ-động quan-sát những hiện-tượng mà ông không thể tự tay gây nên; ông phải đợi thiên-nhiên cung-cấp những trường-hợp mà ông muốn nghiên-cứu; ông không làm nên được sự sống và cũng không tự tạo ra được những vi-khuẩn hoặc vi-trùng bệnh, để nghiên-cứu về bệnh-lý các sinh-vật

chẳng hạn. Tuy nhiên ông có thể thí-nghiệm với những dữ-kiện mà thiên-nhiên mang lại cho ông. Còn khi bước vào lãnh-vực tâm-linh, phương-pháp thí-nghiệm theo nghĩa chặt không còn nữa: nhà tâm-lý-học chỉ quan-sát mà thôi. Cả khoa-học có tên là Tâm-lý thực-nghiệm cũng đặt nền trên sự quan-sát, và những « thí-nghiệm » của khoa đó chẳng qua chỉ là những thí-nghiệm theo nghĩa rộng, và kết cục những thí-nghiệm đó vẫn phải được giải-thích theo quan-điểm của tâm-lý-gia đã điều-khiển những « thí-nghiệm » đó. Thành thử, nếu dùng đến thí-nghiệm, thì ở đây thí-nghiệm không có giá-trị khách - quan như nơi khoa Lý - Hóa trên kia nữa. Thực sự, với khoa Tâm-lý hiện-tượng-học do Husserl đề-xướng và được những tâm-lý-gia như Merleau Ponty, Sartre, Scheler v. v... khai-thác, thì những « thí-nghiệm » của Tâm-lý-học thực-nghiệm thường bị coi là giả-tạo và không phản-ảnh đúng sinh-hoạt tâm-linh của con người. Cũng vì thế, tâm-lý hiện-tượng-học đặt trọng-tâm nghiên-cứu vào sự quan-sát và mô-tả những thái-độ đầy ý-nghĩa của con người hiện-sinh.

Ở trên 3 loại sự-kiện mà chúng ta vừa nói tới trên đây, còn một loại khác nữa: đó là lãnh-vực sinh-hoạt của *tinh-thần*. Giữa 3 loại kia và loại này, quăng cách mới thực là sâu xa và lớn lao. Theo tư-tưởng Jaspers, thì tâm-linh còn là cái chi khả-nghiệm (empirique), cho nên tâm-lý-học gần khoa sinh-vật-học hơn là gần khoa triết-học. Ông còn dùng một danh-từ thông-loại để gọi hai đại loại này: loại *khoa-học về thiên-nhiên* (sciences de la nature) dựa trên thực-nghiệm, và có thể đạt được một tri-thức

khách-quan ; loại *khoa-học về tinh-thần* (sciences de l'esprit) như xã-hội-học, sử-học và nhất là triết-học không nhằm nghiên-cứu một tĩnh-vật hoặc phương-diện tĩnh của một sinh-vật, nhưng là nghiên-cứu về tĩnh-thần của người xéc như tĩnh-thần đó mang trong mình nó tất cả lịch-sử của nhân-loại và những ưu-tư của thời-đại. Chính tĩnh-chất tĩnh-thần làm cho con người là những nhân-vị, vì tĩnh-thần là sinh-hoạt trong lịch-sử và có khả-năng để ý-thức về lịch-sử-tĩnh đó của mình. Nhờ lịch-sử-tĩnh, tôi không phải chỉ là những cảm-giác của mỗi lúc hoặc những lo-nghĩ của mỗi tuổi của đời tôi : lịch-sử-tĩnh là căn-bản nhờ đó mà mỗi người cảm thấy mình là chủ-thể duy nhất của bao cảnh-hướng và biến-cổ tâm-linh. Tóm lại, tĩnh-thần là *đồng-nhất-tĩnh* (identité) nhân-bản của con người sinh-hoạt. Chính tĩnh-chất tĩnh-thần làm cho con người vượt quá bình-diện khả-nghiệm (empirique) để vươn tới bình-diện hiện-sinh tự-do.

Như vậy phương-pháp của khoa-học thực-nghiệm không thể mang áp-dụng vào các khoa-học về tĩnh-thần được. Tĩnh-thần là chỗ thất-bại của khoa-học thực-nghiệm. Nhưng tĩnh-thần cũng là chỗ thất-bại của hai nền triết-học cổ-điển Duy-nghiệm và Duy-trí, vì « hai triết-thuyết này cùng chủ-trương một nguyên-tắc là : tri-thức con người có thể thấu triệt được hữu-thể, cho nên triết-lý chỉ là sự suy-niệm cái tri-thức đó mà thôi » (Dufrenne et Ricoeur, *Jaspers et la philosophie de l'existence*, p. 96-97). Duy-nghiệm giảm-trừ hữu-thể thành một vật-thể cứng đờ, và còn coi chủ-thể như một vật-thể nữa :

Aristote đã gọi tâm-trí ta là « cái kho chứa những hình-ảnh về sự vật » và Hume thì gọi « tâm-trí ta là một tấm gương phản-chiếu đúng hình-ảnh sự vật » như vậy họ coi tâm-trí ta thụ-động hoàn toàn, và thụ-động như một sự vật, như một tấm gương và như một cái bảng vẽ. Trái lại Duy-trí chủ-trương rằng sự vật hoàn toàn giống hình-ảnh mà tâm-trí ta có sẵn về sự vật : thành thử không cần gặp sự vật nhưng chỉ cần nhìn vào những ý-tưởng tôi có sẵn trong tâm-linh con người cũng thừa biết sự vật. Cái tột chung của hai thuyết này, Duy-trí và Duy-nghiệm, là : coi tâm và vật cũng là một, Duy-trí thì bảo Tâm là tất cả, cho nên Vật cũng chỉ là là Tâm ; Duy-nghiệm thì bảo vật là tất cả, cho nên Tâm cũng chỉ là Vật mà thôi. Như vậy Duy-trí và Duy-nghiệm đều không thể biết tới tĩnh-chất lưỡng-diện của con người, cho nên họ không thể nào đạt được tĩnh-chất *tĩnh-thần* của con người, vì tĩnh-thần là cái bị xé đôi giữa tâm và vật. Jaspers chủ-trương : nhờ *tâm-linh*, tôi sống hòa mình vào vũ-trụ, tôi tri-giác, tôi cảm-động, tôi suy-tưởng ; nhưng nếu không là *tĩnh-thần*, thì tôi sẽ chỉ là tôi của mỗi lúc mà thôi. Chính nhờ tĩnh-thần, nhờ lịch-sử-tĩnh của nhân-vị tôi, tôi nhận thấy mình là một chủ-thể đã trải qua tất cả những cảm-xúc và tâm-tĩnh kia. Tuy nhiên cần phải có con người khả-nghiệm thì mới có con người tĩnh-thần ; cần phải có sinh-hoạt tâm-linh diễn ra trong thời-gian và không gian, thì mới có lịch-sử tĩnh là thực-tại vượt lên không-gian và thời-gian.

Nhưng nói đến vũ - trụ - quan còn là nói đến một thất-bại quan-trọng thứ hai nữa : đó là chính thất-bại của vũ-trụ-quan. Nếu các khoa - học thực-nghiệm không thể cho ta một khoa-học về vũ-trụ, tức một vũ-trụ-học, thì chính vũ-trụ-quan không thể là một khoa - học. Trên kia chúng ta đã thấy nguyên-do làm cho các khoa-học thực-nghiệm bất-lực không thể mang lại cho ta một khoa vũ-trụ-học vì mỗi khoa-học chỉ nhằm một đối - tượng rất hẹp hòi. Các đối-tượng đó, không đối-tượng nào là vũ-trụ hết, nhưng chỉ là những thành-phần rất nhỏ bé của vũ-trụ. Thì đây cũng thế, mỗi vũ-trụ-quan chỉ là vũ-trụ-quan của tôi hay của anh, vì « vũ-trụ-quan là cái nhìn về vũ-trụ từ chỗ tôi đứng ». Mà tôi đây không phải là ý-thức phổ-quát như người ta thường gặp trong triết - học cổ-điển, một ý-thức tự coi mình như ý - thức của Thượng - đế ; Jaspers chỉ nhận mỗi người chúng ta có một cái « tôi » cụ-thể và hữu-hạn. Tôi là tôi với thân-xác của tôi, với tính-khí tôi, với nền giáo-dục mà tôi đã hấp - thụ và với những điều-kiện sinh-hoạt mà tôi đang có ; tóm lại, tôi là một hữu-thể độc-đáo, cho nên cái nhìn của tôi có về vũ-trụ cũng độc-đáo. Tuy nhiên, vì tôi là cái chi hữu-hạn, và chỗ đứng của tôi thì tôi không nhường cho anh và tôi cũng không thể nhảy sang đứng vào chỗ của anh trong sinh-hoạt nhân-vị của chúng ta, cho nên vũ - trụ - quan của chúng ta bao giờ cũng phiếm-diện, bất-toàn. Và bất-toàn một cách bất-thiết : tự chỗ đứng của tôi, tôi chỉ có thể thấy một ít cái gì về vũ - trụ mà thôi, không thể thấy toàn-thể vũ-

trụ. Cho nên tôi phải nhờ vào những vũ-trụ-quan của người khác để bổ-khuyết cho vũ-trụ-quan của tôi : đó là ý-nghĩa sâu-xa của sự *thông-giao* (communication) giữa các chủ-thể.

Đến đây, sau khi đã thám-hiểm vũ-trụ và nhờ các khoa-học thực-nghiệm để nghiên-cứu về những sự-vật trong vũ-trụ, chúng ta phải kết-luận với Jaspers rằng : « Tấn bi-kịch của khoa-học thực-nghiệm ở tại chỗ khoa-học đi tìm hữu-thể ở nơi mà nó chỉ có thể nhận được một cái nhìn bất toàn về hữu-thể : khoa-học đã chỉ tìm hữu-thể trong tính chất khách-thể ». (Dufrenne et Ricoeur, op. cit, p. 107). Câu này có nghĩa là khoa-học chỉ mới biết được có một phía tầm - thường của hữu-thể (trong danh-từ triết-học, những *hữu-thể*, *l'être*, có nghĩa bao-quát nhất : nó chỉ tất cả những gì đang thực sự hiện-hữu, cho nên gồm cả vũ-trụ vạn-vật và Thượng-Đế) ; tóm lại khoa-học thực-nghiệm chỉ đạt được có bình-diện vật chất, tức bình-diện của khách thể tính mà thôi. Khi nói *khách-thể-tính*, triết-học có ý nói những sự vật trong lãnh-vực Vật-lý và Hóa-Học.

Như vậy, Jaspers đã dùng khoa - học để phá tan những cuồng-vọng của khoa-học chủ-nghĩa. Đọc đến cuối cuốn *Philosophie* của Jaspers, người ta phải chứng-nhận rằng khoa-học thực nghiệm đã hoàn-toàn thất-bại trong việc muốn giải-nghĩa những thực-tại không thuộc quyền-hạn của nó : nó không có quyền nói đến vũ-trụ, vì vũ-trụ không phải là đối-tượng của nó ; đối-tượng của nó là những sự vật lẻ tẻ của vũ-trụ, còn

chính vũ-trụ xét như là một toàn-thể thì là đối-tượng suy-nghĩ của triết-gia. Một lãnh-vực khác nữa cũng không thuộc quyền khoa-học thực-nghiệm: lãnh-vực sinh-hoạt tinh-thần con người, tức lãnh-vực hiện-sinh. Xưa kia, nhiều triết-gia đã lẫn lộn hai bình diện đó, cho nên các ngài đã nhiều lần mang phương-pháp của khoa-học thực-nghiệm vào trong triết-học: sự đồng hóa này đã làm cho khoa-học thực-nghiệm trở nên kiêu-căng và đã sinh ra cái quái-tượng của cuối thế-kỷ 19 là: Khoa-học chủ-nghĩa. Nói Khoa-học chủ-nghĩa là nói: con người *chỉ* là một sự vật như trăm ngàn sự vật khác của vũ-trụ vật-lý.

Khoa-học thực-nghiệm, với tất cả những phát-minh kỳ-diệu của nó và với tất cả viễn-tượng tiến-triển xa xăm của nó, vẫn

chỉ nhằm một thứ đối-tượng có khách-thể-tính. Cho nên chủ-thể-tính của con người, nhất là tự do của con người hiện-sinh, không thể nào trở thành đối tượng cho khoa-học thực nghiệm được. Cần phải có một khoa-học khác: khoa này có tên là *triết-lý hiện-sinh*. Trong ý ấy, Jaspers đã chủ trương: « Cuộc khám phá vũ-trụ vừa cho ta thấy rằng khoa-học thực-nghiệm chưa hoàn thành được công việc. Triết-học phải tiếp tục công việc mà khoa-học vừa bỏ dở; nhưng thay chế-độ thì cũng phải thay nhân-viên: cho nên triết-gia vào thay cho khoa-học-gia, và từ đây bắt đầu kỷ-nguyên của Hiện-sinh. » (Dufrenne et Ricoeur, op cit., p. 110).

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Trong khi quây quần với gia-đình giữa bầu không khí ấm cúng của mấy ngày Xuân, mời bạn hãy đọc :

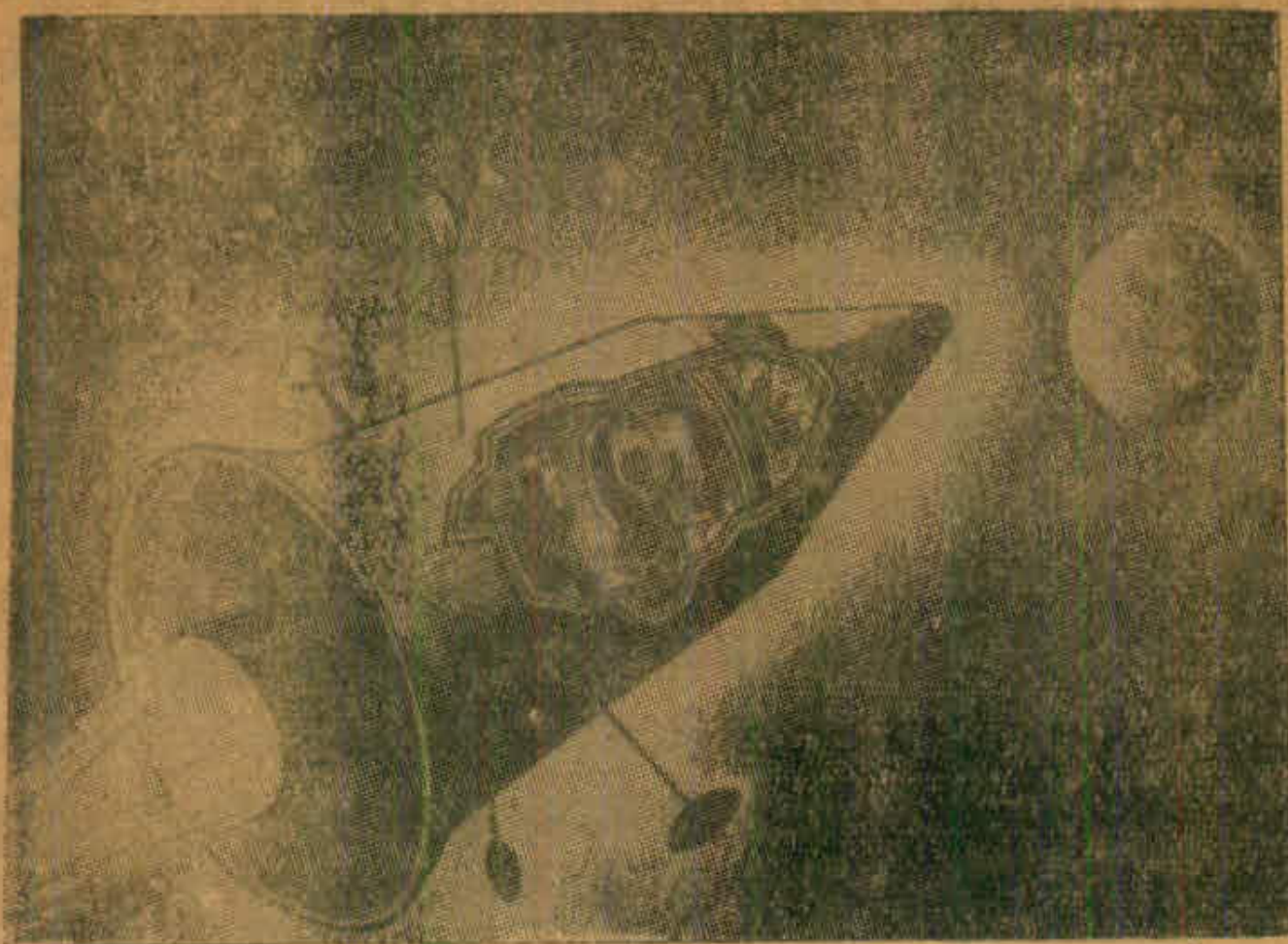
LANG - THANG

thơ MINH-ĐỨC

(in thạch bản, do Linh-Bảo họa, Dư-Tân trình bày, Vũ-Hoàng-Chương giới thiệu)

Đề thông cảm với một người nhi nữ đã từng chai gót chân son trên khá nhiều nẻo đường của quê mình, của xứ lạ, và đã từng nghẹn tấm lòng thơ ở những ngõ ngách của tình yêu, của tình, gia đình, của tình đất nước.

Có gửi bán ở các hiệu sách lớn ở Thủ-đô, ở Tây-đô, ở Thần-kinh, ở Đà-Nẵng, ở Đà-Lạt...



Phi thuyền Apollo chở theo ba người được dự định
phóng lên mặt trăng

NHIÊN LIỆU ĐẶC VỚI CUỘC THÁM HIỂM KHÔNG GIAN

VŨ-THUY-HOÀNG

MỘT trong những mục tiêu hiện nay của cuộc thám hiểm không gian là làm sao trong một ngày gần đây con người có thể lên thăm quê hương xứ sở của chị Hằng, và rồi trở về trái đất được bình yên. Muốn bảo đảm an toàn cho cuộc du hành xa xôi và mới lạ đó, các nhà bác học và các chuyên viên phải nghiên cứu nhiều vấn đề về điện tử, vật lý, từ trường, khí hậu, áp lực, về sức chịu đựng của cơ thể con người ngồi trong phi thuyền bay ở ngoại tầng không gian với vận tốc hàng vạn cây số giờ... cùng

nhiều vấn đề khác, từ cách chế tạo phi thuyền cho tới lương thực và dưỡng khí dành cho phi hành gia.

Con tàu không gian khởi hành từ trái đất lên tới mặt trăng phải vượt một đoạn đường dài 384.000 cây số. Để bay tới đích, tàu không gian cần được trang bị những động cơ đẩy có sức mạnh hàng triệu cân. Nói đến đây, chúng ta nghĩ ngay tới nhiên liệu, một yếu tố cần thiết và tiên quyết để mở những cuộc du hành trong vũ trụ.

NHIÊN LIỆU ĐẶC VỚI CUỘC THĂM HIỂM...

Nhiên liệu mà Hoa Kỳ dùng cho các động cơ đẩy hiện nay của hỏa tiễn chia làm hai loại: nhiên liệu lỏng và nhiên liệu đặc (liquid fuel và solid fuel).

Trong cuộc chế tạo hỏa tiễn từ thời hậu chiến, nhiên liệu lỏng được dùng cho những hỏa tiễn Redstone, Thor, Jupiter, Atlas, Titan. Còn nhiên liệu đặc bước chậm hơn nhiên liệu lỏng từ ba tới năm năm. Chỉ mới trong vài năm qua, nhiên liệu đặc mới được chấp nhận dùng cho những hỏa tiễn loại nhỏ, hoặc cỡ trung bình, rồi sau tới loại hỏa tiễn Polaris phóng đi từ tiềm thủy đình nguyên tử, và hỏa tiễn liên lục địa Minuteman.

Viễn ảnh tốt đẹp của nhiên liệu đặc

Cuộc phóng hỏa tiễn Minuteman đầu tiên hồi tháng 2-1961 là một bằng chứng tỏ rõ rằng Hoa Kỳ có thể sẽ chú trọng tới việc khuếch trương động cơ đẩy đốt bằng nhiên liệu đặc để dùng vào công cuộc thám hiểm không gian. Trong cuộc bắn thí nghiệm này, hỏa tiễn Minuteman ba tầng đã điều hành hoàn hảo, vượt một quãng đường dài 7.500 cây số, trái với công cuộc khuếch trương chậm chạp và đôi khi giạt lùi của những loại hỏa tiễn, Atlas, Titan chạy bằng nhiên liệu lỏng. Những cuộc bắn thí nghiệm trong trạng thái tĩnh do Công Ty Aerojet General và Công ty United Technology của Hoa Kỳ thực hiện trong tháng 8

vừa qua đã đạt được bước tiến rất xa và chứng tỏ rằng có thể dùng nhiên liệu đặc để tạo nên những hỏa tiễn cực mạnh. Các chuyên viên phụ trách về hỏa tiễn chạy bằng nhiên liệu đặc vẫn từng nhân mạnh rằng họ có thể chế tạo được loại hỏa tiễn dùng nhiên liệu đặc có sức đẩy mạnh tới ba triệu cân Anh và sẵn sàng mang ra thí nghiệm vào khoảng năm 1963.

Các nhà hoạch định chương trình không gian Hoa-Kỳ đang cứu xét và có ý định ủng hộ việc chế tạo những hỏa tiễn dùng nhiên liệu đặc để có đủ năng lực đẩy con thuyền không gian đi thám hiểm trong vòng mấy năm tới đây. Có tin bộ Quốc Phòng Mỹ sắp sửa trợ cấp một ngân khoản đầu tiên là 77 triệu Mỹ kim cho không quân để khuếch trương và họa kiểu loại hỏa tiễn đốt bằng nhiên liệu đặc, đường kính rộng ba thước, sức đẩy mạnh hàng triệu cân Anh. Một chương trình bốn năm để khuếch trương loại hỏa tiễn như thế sẽ tốn chừng 600 triệu Mỹ kim. Không quân Hoa Kỳ hy vọng nay mai sẽ ký kết một hợp đồng khuếch trương một kiểu hỏa tiễn nhiên liệu đặc lớn hơn nữa, đường kính của hỏa tiễn tới 3 thước 95.

Tổng thống Kennedy đã đề nghị dành 62 triệu Mỹ kim trong tài khóa 1962 để dùng vào việc bành trướng loại hỏa tiễn nhiên liệu đặc. Đề nghị này đã được quốc hội Hoa Kỳ chấp thuận.

Việc quay ra chế tạo những hỏa tiễn nhiên liệu đặc không lồ đã xảy ra sớm hơn sự dự định một chút. Mới đây dù có cuộc thí nghiệm thành công loại hỏa tiễn Saturn chạy bằng nhiên liệu lỏng có sức đẩy một triệu cân Anh, chương trình khuếch trương động cơ đẩy dùng nhiên liệu lỏng vẫn chỉ làm người ta ít yên tâm về sự thành công mà thôi.

Hỏa tiễn Saturn III và Nova hãy còn đang được họa kiểu, cả hai loại hỏa tiễn này đều tùy thuộc vào sự khuếch trương thành công của bộ máy F.1 có sức đẩy mạnh tới một triệu rưỡi cân Anh và sẽ được dùng làm động cơ đẩy. Loại hỏa tiễn Centaur đã đi chậm mất một năm sau chương trình dự định, hỏa tiễn này dùng một chiếc hỏa tiễn Atlas được sửa đổi lại để làm động cơ đẩy ở tầng thứ nhất, còn các động cơ đẩy chạy bằng nhiên liệu lỏng gồm có oxy và hydro lỏng dùng cho các tầng trên vẫn chưa được thí nghiệm.

Hình thể và cấu tạo của nhiên liệu đặc.

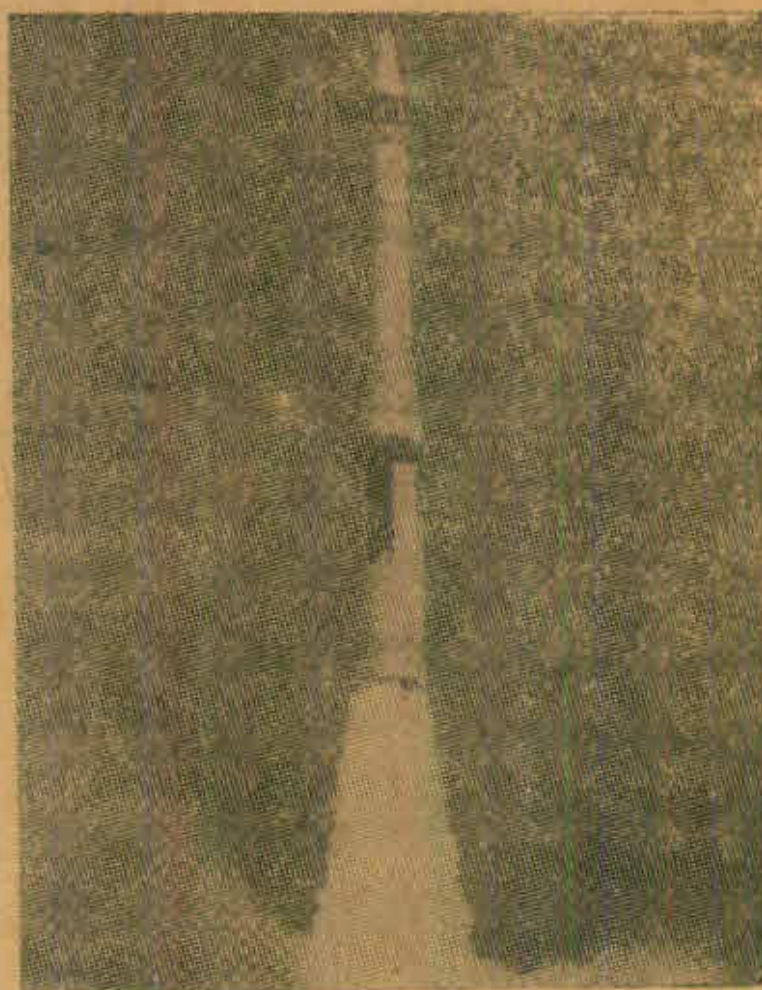
Nhiên liệu đặc ở trạng thái rắn, được đúc thành từng khoanh hình

trụ, hoặc hình nón, hoặc như hình miếng bánh cắt ra. Nhiều khối nhiên liệu đặc như thế có thể xếp chồng lên nhau. Ở giữa những khoanh đó có một lỗ hồng. Các nguyên tố dùng để chế tạo nhiên liệu đặc cũng không phải xa lạ gì. Một hỗn hợp điển hình nhiên liệu đặc có thể là chất cao su tổng hợp, như chất polyurethane dùng làm chất keo dính,

chất ammonium perchlorate dùng làm chất oxyt-hóa, chất bột aluminium thật mịn dùng làm nhiên liệu cháy. Nhiều chất hóa học khác cũng được thêm vào để tác động như những chất ổn định, điều hòa độ cháy.

Những chất trên phải được pha trộn trong khoảng chân không, và ở một nhiệt độ được kiểm soát hết sức kỹ lưỡng. Lúc nguy hiểm nhất là khi thêm chất

oxyt-hóa vào, vì trong giai đoạn này dễ xảy ra những phản ứng nổ và đó cũng thường là giai đoạn cuối cùng của cuộc thí nghiệm để tìm biết sức mạnh của nhiên liệu. Khi đã pha trộn xong, các chuyên viên đổ hợp chất vào khuôn và hấp nhiều ngày trong một chiếc lò. Sau đây, theo lời các chuyên viên, chất nhiên liệu đặc



Hỏa tiễn liên lục địa Minuteman chạy bằng nhiên liệu đặc

trở nên dễ vận dụng. Nhiên liệu này có thể để mãi mãi được, chỉ cần bọc một lớp plastic mỏng là đủ, và có thể dùng vào nước mà không sợ hao mòn hư hỏng, hay có thì chỉ bị hư hao chút ít mà thôi.

Lợi điểm của nhiên liệu đặc.

Những động cơ dùng nhiên liệu đặc không cần dùng những hệ thống bơm và «van» phức tạp. Một hóa tiễn đốt bằng nhiên liệu đặc chỉ cần bộ phận hóa nhiên liệu với oxyt-hóa để đốt cháy nhiên liệu ở ngoại tầng không gian ngoài lớp khí quyển. Các cuộc thí nghiệm phóng hỏa tiễn Polaris từ tiềm thủy đình nguyên tử đã cho thấy rằng nhiên liệu đặc có vẻ rất tốt vì dễ xử dụng và bắt cháy mau.

Nhiên liệu lỏng thì rẻ hơn và nhẹ hơn nhiên liệu đặc và có sức đẩy riêng (specific impulse) mạnh hơn, nghĩa là đối với một trọng lượng đã định và trong một thời gian cháy đã định trước thì sức đẩy riêng của nhiên liệu lỏng mạnh hơn nhiên liệu đặc. Nhưng trái lại, nhiên liệu đặc không còn có những vật chứa đựng công kênh và to lớn như nhiên liệu lỏng, vì vậy trọng lượng của hỏa tiễn chạy bằng nhiên liệu đặc được giảm bớt.

Kỹ thuật cắt hoặc đổ khuôn nhiên liệu đặc thành từng khoanh để rồi ráp lại được với nhau lúc phóng hỏa tiễn đi đã khiến cho vấn đề chuyên chở những hỏa tiễn khổng lồ có sức đẩy hàng triệu cân Anh trở nên dễ dàng hơn. Thực ra còn

không ít lợi ích khác, chẳng hạn những khoanh nhiên liệu đó có thể được khuếch trương và thí nghiệm trong một thời gian tương đối ngắn; rồi sau đó tùy theo nhiệm vụ quan trọng cần nhiều hay ít nhiên liệu người ta chỉ việc tính toán và xếp số khoanh nhiên liệu đó vào với nhau. Nhiên liệu đặc ở trạng thái rắn, nên có thể chống chọi các khoanh đó lên với nhau mà không cần phải dùng vật cứng bao bọc.

Tiến hành công việc

Các chuyên viên nghiên cứu về hỏa tiễn cho biết rằng vào khoảng mùa xuân năm 1963 những khoanh nhiên liệu đặc có sức đẩy mạnh hàng triệu cân Anh sẽ được đưa ra thí nghiệm. Và tới cuối năm 1954 có thể là một hỏa tiễn dùng những khoanh nhiên liệu ở tầng thứ nhất, và dùng nhiên liệu đặc ở hầu hết những tầng hỏa tiễn ở trên nếu không phải là tất cả, sẽ được họa kiểu và sẵn sàng dùng vào việc thám hiểm không gian.

Một vài chuyên viên còn cho hay họ có thể tạo nên một sức đẩy mạnh tới 13 triệu cân Anh, đủ để đưa phi-thuyền không-gian Apollo đầu tiên chở theo ba người lên mặt trăng. Hiện nay nhiều công-ty của Hoa-Kỳ đang nỗ lực nghiên cứu loại động cơ chạy bằng nhiên liệu đặc để góp phần vào cuộc du-hành không-gian trong tương-lai.

Hai công-ty Aerojet General và United Technology đã cho đốt thử

những khoan nhiên liệu lớn, và cho hay rằng họ ít gặp khó khăn trong việc xây-dựng nhà máy và cơ sở thí-nghiệm để thích hợp với những khoan nhiên-liệu đường kích lên tới 3 thước 95. Ngoài việc đó, cũng phải mất tới một năm trời để xây lò hấp khá lớn đủ để đúc những khoan lớn hơn. Để việc chuyên chở được thuận-tiện, các cơ sở cần được thiết-lập ở gần mũi Canaveral.

Công-ty Aerojet General đã chiếm kỷ lục trong cuộc thí-nghiệm hồi tháng 8 vừa qua, một phần hỏa-tiến dùng nhiên-liệu đặc nặng 80 tấn, đường kính 2 thước 50 đã được thí-nghiệm trong trạng thái tĩnh và đã phát ra một sức đẩy mạnh 500.000 cân Anh. Năm tới, bảy lần nhiên-liệu mạnh như thế có thể cung-cấp cho Không quân Hoa-Kỳ có một sức đẩy đủ mạnh để mở các cuộc thí-nghiệm có người điều khiển trong vùng cận không-gian. Hiện Không-quân Hoa-Kỳ đang lưu-tâm tới việc khuếch-trương hỏa-tiến chạy bằng nhiên-liệu đặc có đường kính ba thước để dùng cho dự án Phoenix và Dyna-Soar. Hai bộ phận của loại hỏa-tiến đường kính 2 thước 50 đã được đưa ra thí nghiệm tại cơ sở công-ty Aerojet ở Sacramento, một bộ phận nữa dự định thí-nghiệm vào cuối năm 1961 và bộ-phận thứ tư của hỏa-tiến dự-định thử vào tháng 3 năm nay. Công-ty này nói rằng họ có thể đổi kiểu hỏa-tiến thành cỡ lớn đường kính ba thước, nếu công

việc khuếch-trương được tiến-hành ngay. Công việc ráp và cung cấp đồ trang-bị điều-khiển cho hỏa-tiến đường kính 3 thước 95 phải mất chừng 6 tháng. Và một động-cơ đẩy của hỏa-tiến chạy bằng nhiên-liệu đặc có sức mạnh một triệu rưỡi cân Anh sẽ sẵn sàng được phóng đi thí nghiệm trong vòng 24 tháng tới. Công-ty hiện nay cũng còn phải đảm nhận những chương trình hỏa-tiến dùng nhiên-liệu đặc: Polaris của hải quân, Minuteman và Skybolt của Không quân, và Scout của Cơ-Quan Quản-Trị Hàng-không và Không-gian (NASA).

Công-ty United Technology được Cơ-Quan Quản-Trị Hàng không và Không-gian ủng-hộ trong việc khuếch trương loại hỏa-tiến dùng những khoan nhiên-liệu cầu phân hình nón, khác với những khoan hình trụ của công-ty Aerojet. Loại trên đây cũng đã được thí-nghiệm trong tháng 8 vừa qua, và chỉ phát ra một sức đẩy bằng nửa loại cầu phân hình trục của Aerojet, nhưng thời gian cháy lại lâu hơn tính theo từng cân nhiên liệu. Cháy chậm hơn tức là hành khách và dụng cụ chở theo hỏa-tiến ít bị xóc hơn. Các chuyên viên công ty United Technology nói rằng; nếu khoan nhiên-liệu đó đường kính lên tới năm thước hoặc sáu thước, sức mạnh của động cơ đẩy sẽ lên tới 20 triệu cân Anh hoặc vào khoảng đó, và về phương diện cầu tạo nó mạnh hơn kiểu hình trụ. Động cơ có sức đẩy 20 triệu cân Anh có lẽ sẽ được dùng làm tăng

thứ nhất cho hỏa tiễn Nova, thay vì một chùm những động cơ F.1 chạy bằng nhiên liệu lỏng. Họ còn cho biết các cơ sở khuếch trương và thí nghiệm của họ ở California có thể sẽ bắt đầu làm việc ngay để chế tạo những khoanh nhiên liệu đường kính 3 thước 95. Việc thiết lập các cơ sở thí nghiệm mới cho những loại hỏa tiễn dùng nhiên liệu đặc, đường kính từ 4 thước trở lên phải mất đến từ 9 đến 18 tháng. Công ty United Technology đã thực hiện chừng 400 cuộc thí nghiệm những động cơ chạy bằng khoanh nhiên liệu có hình cầu phân.

Công ty phản lực Lockheed cũng thực hiện những công tác để khuếch trương và thí nghiệm những loại hỏa tiễn dùng những khoanh nhiên liệu đặc. Công ty Lockheed đã đầu tư hơn 20 triệu Mỹ Kim vào công việc nghiên cứu và xây dựng cơ sở cho loại hỏa tiễn nhiên liệu đặc. Công ty Aerojet nói trên đã đầu tư chừng 80 triệu, và công ty United Technology chừng 30 triệu. Tháng 7 năm qua, công ty Lockheed đã thí nghiệm thành công khoanh nhiên liệu đường kính 90 phân có sức đẩy mạnh 30.000 cân Anh. Tháng 10, công ty lại thí nghiệm một động cơ dùng nhiên liệu đặc có sức đẩy 53.000 cân Anh ở nhiệt độ — 360 bách phân. Cuộc thí nghiệm trong điều kiện bên ngoài khó khăn như thế đã mang lại nhiều dữ kiện quan trọng không những cho mục đích quân sự của hỏa tiễn mà còn lợi ích cho cả các cuộc thám hiểm mặt trăng và không gian của ngành

dân sự nữa. Cuộc thí nghiệm này đã gây một ấn tượng mạnh mẽ cho các nhà hoạch định những dự án không gian, gây sự háng hái cho không quân trong công cuộc chế tạo hỏa tiễn dùng nhiên liệu đặc.

Công ty hóa chất Thiokol và công ty chất nổ Hercules cũng đã tiến hành một lô các công tác và đã cho xây dựng những cơ sở thí nghiệm về hỏa tiễn dùng nhiên liệu đặc. Hai công ty đã công bố kết quả những công cuộc tìm tòi của họ về động cơ không lồ dùng nhiên liệu đặc. Công cuộc nghiên cứu của các kỹ sư hãng Thiokol đã tiến hành khả quan. Họ tuyên bố trong vòng từ 14 đến 24 tháng tới, họ có thể cho thí nghiệm những loại sau đây :

— một chùm động cơ chạy bằng những khoanh nhiên liệu đặc, đường kính 4 thước, mỗi động cơ có sức đẩy mạnh chừng 2 triệu rưỡi cân Anh.

— một chùm bốn động cơ, mỗi động cơ đường kính 6 thước và có sức đẩy mạnh vào khoảng 5 triệu cân Anh.

— một động cơ vi đại đường kính 8 thước 5, một mình nó có sức đẩy mạnh tới 20 triệu cân Anh.

Công ty Hercules đề nghị chằng những đúc những nhiên liệu đặc thành từng khoanh một rồi xếp lên nhau, mà còn đề nghị cắt mỗi khoanh đó ra thành từng miếng nhỏ như ta cắt một chiếc bánh hay một khoanh phó-mát vậy.

*
**

Qua những cuộc nghiên cứu và thí nghiệm trên, những hỏa tiễn không lồ dùng nhiên liệu đặc với sức đẩy mạnh từ 10 tới 20 triệu cân Anh, một khi họ giải quyết xong vấn đề trọng lượng của hỏa tiễn và thiết lập xong địa điểm phóng hỏa tiễn, việc đưa con tàu không gian lên thăm chị Hằng và bầu bạn với chú Cuội chắc sẽ không còn xa xôi gì nữa.

VŨ-THỤY-HOÀNG

(Theo tài liệu của Business Week)

ĐÍNH CHÁNH

B. K. số 121, bài « Tổng kết cuộc phỏng vấn về quan niệm sáng tác của các nhà văn ».

— trang 164, dòng áp chót: « về nghi... » xin đọc là « vì nghi... »
— trang 166, dòng 28: « có rút », dư chữ « có » dòng 32, xin đọc: làng sau... chúng tôi muốn thu thập » — trang 169, dòng 16: « nhau », xin đọc: « nhan » — trang 176, dòng 10: « đã văn kì thanh », xin sửa: đã « văn kì thanh ».

Sẽ phát hành trong tháng 3-1962 :

NHỮNG BÀI TÌNH ĐẦU

Thơ SAO TRÊN RỪNG — THẾ - PHONG vào đề

NHẬN DIỆN VÓC DÁNG NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

THẾ - PHONG viết

về đời sống một nhà văn lãnh tụ HÀN THUYỀN, mà các bạn văn nghệ cũng như yêu văn chương nghĩa lý không thể bỏ qua.

Đ. N. V. H.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18. BEN BACH DANG — SAIGON

MÂY TRỜI

Giới thiệu cuốn tiểu thuyết mới viết của
Françoise Sagan « Les merveilleux nuages ».

CÓ-LIỀU

NÀNG còn trẻ lắm, mới 27 tuổi xuân. Nàng đây cũng vẫn là nhân-vật đã từng làm quen với người đọc qua những tác phẩm trước như *Dans un mois*, *dans un an*, *Aimez vous Brahms*., người sống nhàn rỗi, quá đầy đủ vật chất và chung một tâm trạng chán chường, kinh khoái, đòi hỏi những thỏa mãn tình cảm phức tạp, tâm trạng điển hình của nhân vật tiểu thuyết Sagan. Nhân vật ấy bây giờ lấy tên là Josée.

Đại diện cho phái nam là Alan Ash, một thanh niên Mỹ, chồng của Josée, cũng thuộc thành phần xã hội bán phong lưu, nhiều tiền quá và nhàn rỗi quá. Ta vẫn sống trong bầu không khí quen thuộc của Sagan, người và cảnh cung cấp chất văn nghệ cho tác giả, và tác giả lặn ngụp trong ấy cũng thấy tự mãn

rồi không cần mở rộng chân trời quan sát. Con mắt tinh đời, sự táo bạo và tình yêu sự thật tiết ra từ mỗi dòng chữ, mỗi đoạn phân tích, đã giúp nhà văn yếm thế nhìn đời một cách tiêu cực và không tin tưởng ở con người, đưa ra ánh sáng tâm hồn thác loạn nhuộm vị dâm-ô của những người suy bại thần kinh, không định được một hướng đứng đắn cho đời sống tình cảm, sống theo ngẫu hứng xúc động.

Tài kể truyện của một người không dài dòng, lời lẽ tự nhiên, linh hoạt, tro trên lẫn duyên dáng, nhiều khi tầm thường, có cái bề ngoài «thực» và «thành» làm cho câu truyện kể được bạn trẻ tiếp đón niềm nở hơn đối với những truyện tâm tình loại «giòng lá thắm» mà hơi lãng mạn có vẻ lỗi thời.

có vẻ rộng tuyệt. Người thời đại tìm cái họ gọi là thiết thực trong văn chương, Sagan trả lời vào sự đòi hỏi ấy.

Từng ấy mảnh khóc của một nhà văn chú trọng đến cái gì làm sôi nổi hơn cái thuần nhả, thực ra không lấy gì làm nhiều, nhưng cũng dư cho tác phẩm cầm cự được với sóng gió chỉ trích, cũng như tác giả nó đã thoát nạn xe hơi năm nào.

Tại sao Sagan lại chọn một nhân vật người Mỹ? Có lẽ vì tác giả là người Pháp, mà người Pháp họ tin rằng người Mỹ ở Tân Bán Cầu tượng trưng cho con người không trưởng thành ngốc ngếch, thô lỗ khi lạc lõng vào xã-hội văn minh già dặn của Âu Châu, họ sẽ không hiểu nổi chỗ tế nhị của tâm hồn phụ nữ Âu Châu.

Sagan khai thác rất tài tình cái si ngốc của một người đủ thông minh để hiểu mình bị hất hủi, nhưng thiếu ý nhị để chinh phục tình yêu.

*
* *

Mây trời là truyện một cuộc tình duyên thất bại. Cuộc sống chung của hai người chỉ còn là sự tiếp diễn những màn bi hài kịch. Nàng đã lấy một cái bóng, vì người chồng Mỹ trầm lặng và đẹp trai trước nàng yêu nay đã thành một người vẫn đẹp trai nhưng ráo rức, ghen tuông, khó chịu, uống rượu nhiều quá, lái xe nhanh quá và ngủ như một khúc gỗ. Người chồng ấy van nài tình yêu như người ăn xin, cái thông minh của chàng dùng để soi mói dần từng mảnh tình vụn của nàng khi nàng còn con gái, mẹ người của chàng trở nên vô bổ khi nàng không chịu đựng được những phút thân

mật với chồng, chàng chỉ muốn «lột da» nàng ra cho thỏa tính soi mói. Josée đã nhiều lần muốn rũ áo ra đi.

Ghen với người trước, Alan ghen cả với bạn bè bây giờ, với cặp Brandon — Eve, chàng biết mình bất lực không còn giữ nổi vợ, nếu giữa vợ và Brandon sự thân mật đi quá trớn. Chàng đành lấy điệu bộ một người bất lực dương mắt nhìn người ta đắm say nhau mà héo hon. Nhưng Josée không phản bội chồng với Brandon. Trong một cuộc đi câu ngoài biển, nàng tìm cách để mọi người ở lại trên bờ, một mình ra khơi với người thủy thủ lái chiếc xuồng máy. Khi trở về ngồi bàn ăn, thấy bồi bàn mang ra chiếc bánh trên có một ngọn nến, Josée tái mặt đi nhìn Alan rồi nói :

— Chỉ có một ngọn nến thôi là phải. Đây là lần đầu tiên tôi lừa dối anh.

Mọi người kinh ngạc. Josée thấy cần giải thích thêm :

— Anh thủy thủ xuồng máy đó !

Mọi người cho là câu khôi hài thô lỗ, nhưng Alan hiểu vợ nói thực. Đòn quyết liệt này rũ được cho Josée người chồng đáng phàn nàn? Alan không phản ứng cho ra vẻ một con người. Tối về nhà, chàng tuyên bố không ngược ngáp :

— Mình tưởng ly dị một người vợ vì có lỗi lầm chốc lát, là hành vi xứng đáng với một kẻ tài trai hân? Thôi đi! Tôi không tha thứ mình nhưng giữ mình lại.

Hiện tượng này quả là một cá tính «quý hóa» của những nhân vật suy bại thần kinh trong thế giới của Sagan.

Không có gì là quái dị đối với tâm trạng những nhân vật của Sagan, những con người mất quân bình tâm tưởng, sống theo ngẫu hứng xúc động, những xúc động luồn qua ngõ ngách ngoắt ngoáy của tâm hồn họ, nên không còn vang dội và gây phản ứng thường tình như những người quen phản ứng trong khuôn khổ tập quán và thói tục xã hội, trong khuôn khổ những tâm tình đức khuôn từ bao thế kỷ nay rồi. Điều ác hại là họ có đủ kiến thức và nhàn rỗi để tự tạo lấy những nhu cầu tình cảm vẫn vơ khó thỏa mãn.

Rút cục họ không ly dị nhau tuy Alan công bố om sòm ý định ly dị vợ, Josée còn phải sống bên chàng để nghe chàng lý luận ngô nghê : « chỉ tại cái thằng khỉ Brandon ấy, nếu nó không ngu ngốc bỏ em đi một mình thì đâu đến nỗi ! », và từ đấy giữa hai người, chuyện gì rồi rồi rốt cục cũng đưa đến chuyện anh thủy thủ có điểm phúc.

Alan quan niệm ái tình chỉ cần một bên có tình yêu cũng đủ, chàng đưa món ái tình ấy ra như một trái cây vô tận, người kia cứ việc đến mà soi.

Josée quay về với một người bạn trai cũ, Bernard, tình cờ nàng gặp ở Nũu-Ước. Josée trông cậy bạn cũ khuyên giải mình và kêu gọi sự hiểu biết của Alan để cho nàng hai chữ bình yên trở về Âu-Châu, nhưng kết quả bất ngờ của cuộc vận động ấy là Josée bất thần bỏ Nũu-Ước trốn về Ba-Lê.

*
* *

Nàng thấy lại bạn bè cũ để sống lại cái không khí Âu-Châu, không khí đặc

biệt của cái xã hội riêng mà nàng, quen thuộc chỉ khác với xã hội Nũu-Ước của Alan về hình thức sa đoạ.

Một buổi tối, trong phòng khách nhà cặp vợ chồng già Séverin, Josée ngồi ngáp dài, chán nản. Nàng liếc nhìn sang phía người ngồi kế bên thấy một mũ giấy đen đánh bóng rất kỹ lưỡng, rồi một mẫu quần, cái đầu gối, và một bàn tay đặt trên đầu gối. Đó là bàn tay của Alan.

Hai cặp mắt gặp nhau, ngượng ngáp, tức giận, sợ hãi. Ngay lúc ấy Josée hiểu rằng mình lại mắc vào gọng kìm của người chồng khả-ố rồi. Tất cả cuộc « chiến đấu » cho tự do của nàng đã xa xôi, vô bổ.

Ngày hôm sau Josée đến khách sạn gặp Alan :

— Tôi đến xin anh cho tôi ly dị.

Alan phá ra cười :

— Dù sao, em đừng có cái mặt dūr tợn thế kia nom như con trẻ bị người trêu chọc, em chưa phải là người trưởng thành...

Cái lỗ mông của người chồng Mỹ này có một cạnh khía trào lộng kháu khỉnh !

— Ngày mai chúng ta đi kiếm một căn nhà.

Và rồi họ đi thuê nhà ở thật. Hai người đồng ý sẽ làm lại cuộc đời từ những căn bản mới. Căn bản mới ấy Alan muốn hiểu là « Em công nhận anh sẽ chia sẻ cuộc đời với em », còn Josée muốn hiểu là ; « Anh công nhận anh không phải là trung tâm cuộc sống ».

Trên nguyên tắc thì vậy nhưng chẳng được mấy ngày, Alan bắt đầu cật vấn vợ về Séverin, trước kia Josée đã thân mật với Séverin đến mức nào ?

Tuy thế cũng có cái gì thay đổi. Mười lăm ngày sau Alan miệt mài trong một căn phòng riêng với đủ đồ nghề, giá vẽ, sơn dầu, bút lông. Josée mừng thầm, « có lẽ phen này mình có hy vọng thoát ! » Vì Alan đã có cơ để bận rộn, và những lúc ấy nàng đi dạo quanh Ba-Lê, sống lại những kỷ niệm xưa. Alan cũng không tọc mạch bắt nàng cung khai đã làm những gì, chàng chỉ tán thành vợ :

— Ngồi hàng giờ trong xe mà ngắm vườn hoa, cái đó vô hại !

Josée rất bằng lòng, nhưng rồi bỗng sững sốt :

— Làm sao anh biết tôi ngồi trong xe ngắm vườn hoa ?

— Thì thuê mật thám theo dõi họ nói vậy.

Nàng bật ra cười ghê tởm. Chàng tái người.

Chàng kéo tay nàng lôi vào phòng xem tranh, vừa đi vừa lẩm bầm : « Thằng cha mật thám chắc phải ngáy vì em đẩy nhĩ ! ». Rồi Alan chịu để vợ xỉ vả là mất dậy, là hèn hạ, tuy thế cũng không quên gặng hỏi vợ nghĩ gì trong những phút ở vườn hoa.

Một giờ sau « cái bươu cật đầu, để buồn » ấy chỉ còn là một súc thịt tằm rượu say mềm.

* * *

Vậy là người Mỹ nhiều tiền và nặng nề ấy không còn cách nào mua chuộc lại được người vợ mà chàng say mê bằng một thứ tình yêu bệnh hoạn. Rượu không giải quyết được gì, chàng tìm ra hai cách lấp chỗ trống trống trong tâm hồn, vẽ và tổng tình Laura, vợ Séverin, một người đàn bà đứng tuổi nhưng lòng còn xuân.

Alan thành công về hội họa. Một nhà phê-bình do Laura đưa đến khen ngợi chỗ xuất thần của Alan. Bao nhiêu tranh đều bán hết. Nhưng Alan chẳng biểu gì hết về những bức tranh chính tay chàng đã bôi lem luốc cho có công việc bận rộn.

Josée đổ mặt tía tai sợ chàng tự cho mình là Picasso thì khốn. Nhưng Alan khoái trá vì làm được một trò khôi-hài ý-vị. Chàng bảo vợ :

— Anh làm cái trò này để cho em bận rộn. Em đóng vai vợ một họa-sĩ rất kháu khỉnh. Kể cũng tức cười đấy chứ !

Điểm này sắc mùi khinh khoái và minh xác nhân-hiệu « Mỹ » của Alan. Nhưng nghĩ cho cùng, người thanh-niên Mỹ tinh mắt, mau hiểu, diện mạo khả-ái, yêu đam đuổi này, không phải là người bùng bít trước ý niệm thẩm-mỹ. Như vậy chàng thiếu cái gì để là một người tình, để là một gentlemen, để là một trang phong nhã hào hoa ? Luận điệu của Sagan muốn như thế hiện cái máu ghen ngoài khuôn khổ thông thường không có đánh đập, xỉ vả phá phách gây tai tiếng, nhưng cái ghen bệnh-hoạn, gập gờ phong tục Tân Bán Cầu, tạo thành con người lăm điều, thô lỗ

sống sợng. Người đàn bà không thể tha thứ được con người thiếu tế nhị trước ái-tình như thế. Một lời nhắn nhủ những ai sắp bước chân vào đường tình, tình cảm người ta phức - tạp thật, sự thành - công còn là một vấn - đề biết nhấn đúng lò - xo, tuy rằng người ta đã có điều kiện vật - chất và tinh-thần hơn người.

Đàn bà ao ước một tình - yêu say - đắm muốn người ta coi mình như là trung - tâm vũ - trụ, nhưng họ sẽ lợm giọng nếu trí khí nam nhi chỉ là quay về cá-nhân họ, lấy họ, làm trung - tâm điểm cuộc đời. Thực ra cái làm họ rung động sao xuyến là cái anh - tài tuấn - kiệt của người đàn ông, ngọn lửa tình chỉ có thể giữ được chừng nào còn có cuộc tranh đấu không đến nỗi tuyệt-vọng của họ để tranh giành chông với lòng say mê sự nghiệp lý-tưởng của chông. Thiết - tưởng cạnh khía tâm tình này văn-chương khai-thác cũng đã nhiều.

Mẫu chuyện tâm tình này tôi xin nói nhỏ ngoài lề lề giáo dục lên làm khuôn thước cho sự giao tế xã hội. Nhân vật Sagan hình như muốn khước từ những khuôn thước ấy — họ cho là giả tạo — và lấy làm thích thú phơi bày những bản năng dâm-ô những ngôn ngữ trắng trợn, những tập tục hủ bại. Sagan đã tỏ ra rất tài tình khi khai thác những sự kiện này để gợi tình tò mò của người đọc và luôn thể khua động những bản năng thấp kém của con người. Sự thành công của tác giả xây dựng trên những yếu tố ấy.

Viết như thế có phản chiếu một sự thật nào không ?

Sagan khai thác những phát giác của phân tâm học. Ta biết rằng những quan điểm phân tâm học cho rằng tâm để con người là một mớ những mặc cảm gần thú tính, nhưng những bản năng sơ khởi không làm nên con người, vì giáo dục và xã-hội đã biến hóa và phát triển những bản năng ấy theo một chiều thuận tiện cho sự phát triển con người và xã-hội, thí dụ như sự dồn ép tình dục và tình yêu có thể là yếu tố thúc đẩy người ta cố gắng học hành thành đạt, ý thức tự ty thúc đẩy con người cố gắng vượt mình, làm nên sự nghiệp. Sự thật văn nghệ, nếu văn nghệ dự định cho mình sứ mạng tìm hiểu con người, phải là sự cố gắng thể hiện sự thăng hoa của thức giác, cái thực thể tiến hóa trong con người, nghĩa là sự giải quyết mâu thuẫn giữa Tâm và Vật cách nào để con người từ những bản năng thú tính tiến đến trình độ sáng suốt tâm linh, làm vinh dự cho con người. Trả con người về với thú tính là khước từ một sự thật : cái thực thể tiến hóa trong con người.

*
* *

Trò chơi thứ hai của Alan (tổng tình Laura) có hậu quả phá hoại sự yên tĩnh tâm hồn của người đàn bà đáng thương này. Laura mắc vào lưới câu, sẵn sàng giăng lưới tình để «quyến rũ một con hổ». Alan dùng đến ngón sở trường của phụ nữ, gợi lòng ghen tức của người lãnh đạm với mình chăng ? Sagan không chịu phân tích, cũng như không chịu phân tích tâm trạng quái gở của Alan trong nhiều đoạn khác, nhưng biết đâu người đàn ông trời phần nữ tính này không có

ý ấy trong tiềm thức. Hậu quả tai hại cho Alan là đẩy vợ vào tay Marc người tình cũ của nàng. Marc xuất hiện trên sân khấu, cặp vợ chồng miễn cưỡng lại diễn lại những màn bi hài kịch ghen tuông đã diễn ở Tân Bán Cầu, màu sắc địa phương trong cuộc ngẫu hợp của Josée với Marc, là khung cảnh căn buồng tắm nhà Laura, thay vì cái xuống máy ở Floride.

*
* *

Josée đã kiệt sức với cuộc đời giả dối, đi bên ảo vọng hạnh phúc lúc hoàng hôn nàng nhìn qua cửa sổ. Ánh trời tà nhạt dần màu son. Mây hững hờ trôi, trôi về đâu? Mây trôi gọi cho nàng một

cảm giác êm đềm, như cỡi bỏ được phiền não trần gian và đem lại thư thái cho tâm hồn. Nàng tự hỏi đời sống chân thực và hạnh phúc trần gian phải chăng là sự thư thái ấy?

Một điểm son không ăn nhập gì với toàn thể sự diễn biến của tình tiết câu chuyện, Sagan vợ vào để mệnh danh câu truyện điểm tình. Nhân vật của nàng như Alan, Bernard, Laura Séverin có bao giờ tạm ngưng sự sống xô-bò để nghĩ đến ý nghĩa cuộc đời trong một phút! Còn Josée thì có lần đã tự thú rằng đem những vấn đề phức tạp của đời sống đối chiếu với càn khôn vũ trụ chẳng bổ ích gì.

CÔ LIÊU

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG — ĐỦ TIỀN NGHỊ
TIẾP ĐẢI AN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chúa Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN

ĐIỆN THOẠI : 24.178

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM - CUỘC
66, GIA-LONG - SAIGON

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIETNAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm-Nghĩ

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
- ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU** —



MỘT CHUYẾN

XUẤT HÀNH

THẠCH - HẠ

MỚI mồng năm Tết mà thiên hạ cũng đã tập nập trở về làm ăn. Chuyến xe thơ Hiệp-Phát chạy đường Qui-Nhơn-Kontum tưởng hôm nay vắng khách hóa ra không có ghế nào bỏ trống.

Thật tình thì mở hàng đầu năm ai đi lựa cái ngày xấu thế này bao giờ. « Mồng năm, mười bốn hăm ba, đi chơi cũng lỗ hổng là đi buôn ». Trong số hành khách chắc không có ai đi chơi mà cũng không ai đi buôn. Đi buôn thì ngày rộng tháng dài, mình tự làm chủ mình có ai bắt buộc phải khai trương vào cái ngày mình không muốn đâu. Còn đi chơi đầu năm vào ngày này có lẽ hơi sớm.

Thoáng để ý số hành khách trong chuyến xe hôm nay thì biết ngay đa số là công tư chức trở lại làm việc sau khi về quê ăn Tết ở Qui-Nhơn Bình-Định. Những ông tham sự phán sự tại các tòa chánh phó sứ Pleiku, Kontum, những ông thừa phái của hai tỉnh đường, những thầy thông, thông ký các công sở, các đồn điền Dakdoá, Biền Hồ, Bàu Cạn, kẻ đi một mình người thì dắt vợ dẫn con, ai nấy đều bận bịu với những giỏ quà, những hành lý.

Xe khởi hành tại Qui-Nhơn thường lệ vào 5 giờ sáng. Phải chạy một vòng trong thành phố lấy những khách hẹn đón tại nhà và chừng 5 giờ 30 mới bắt đầu ra khỏi đô thị. Nhưng

hôm nay ông chủ Hiệp-Phát đích thân cầm tay bánh và nhất định chạy sớm mười phút để lấy giờ tốt. Ông ta sợ đợi đến 5 giờ có thể vì muộn một phút mà lệch từ giờ Túc hỷ qua giờ Xích khẩu thì không hay. Nhất là hôm nay lại là hôm khởi hành đầu năm; vì đã lỡ thầu chờ thợ cho chính phủ nên phải đành bắt đắc dĩ khai trương vào một ngày như thế này. Đã thế thì ít nhất phải chọn giờ thật là tốt để khỏi ăn hận.

Xe ra ngoài thành phố đã bắt đầu chạy trên con đường liên tỉnh độc nhất Qui-Nhơn-Kontum mà trời còn tối om. Đèn pha phải bật sáng.

Đường vắng tanh không có một xe-cộ, một bóng người đi lại. Sương mù là-đà trên mặt đất quện vào những cành cây ngọn cỏ như còn muốn vằn-vương ở lại và kéo dài đêm tối đang bao trùm vũ trụ — tiếng là xe dừng đèn pha « đâm thủng sương mù » song tài-xế cũng không thấy xe trước mặt. Màn sương cuốn-cuộn theo hơi gió của chiếc xe đang lướt nhanh trên giải đường nhựa ẩm ướt.

Gió ban mai lạnh lại càng lạnh hơn nữa tới cái tốc-độ xe chạy. Nhất là hai bên xe chỉ có những rèm bố không hoàn-toàn kín đáo nên ngọn gió lờ càng thấm thía bội phần. Đa số hành-khách như còn ngái ngủ, cố tìm đủ mọi cách tiện lợi để nôi tiếp giấc ngủ lơ đãng. Người thì tì tai vào thành xe, đầu

dựa vào khung cửa sổ rung chuyển theo nhịp động của xe. Những cặp vợ chồng dựa vai vào nhau, đầu kê sát nhau, triu-mền, âu-yếm như ngày mới cưới. Một vài người cô-độc ngồi giữa không biết tỳ vào đâu cũng lim-dim mắt ngủ gà ngủ gật. Đầu lắc lư theo lượn gập ghềnh của đường cái như say rượu. Thịnh-thoảng bị giật mạnh một cái lại bừng tỉnh để nhìn quanh thế-sự rồi nhắm mắt ngủ lại.

Đằng phía trước xe, tài-xế chính là ông chủ Hiệp-Phát, mình mặc áo blouson thung, cổ quần một chiếc khăn lông vĩ-đại như người ở xứ tuyết, đầu đội chiếc mũ vải không vành, mỗi ngậm điều thuốc cháy dở nhưng không bao giờ kéo một hơi nào. Thịnh-thoảng một luồng gió hỗn loạn lại tạt vào làm bay tung tóe, ít tàn thuốc vừa mới đọng mắt ông đắm đắm nhìn đằng trước theo bóng đèn pha, không hề mở miệng nói với ai một lời. Ông ta có vẻ cẩn-thận, chăm chú và lạnh nghề, biết trách-nhiệm to-tát của mình đang cầm mấy mươi tính mạng trong tay. Thịnh-thoảng ông ta ra những lệnh nhất gừng cho tên « lơ » và « phụ » thi-hành.

— Xem phía đằng sau !

— Coi hành lý trên trần !...

Hai tay cầm chặt vành lái nhích qua, nhích lại tần-mẩn tỉ-mỉ như cò đưa bòn bánh lăn theo một đầu-vết đã vạch sẵn.

Ở hàng ghế trước là hai người hành khách đứng tuổi đang còn

thức nói chuyện với nhau — thoáng trông phong độ cũng thấy hai người nầy có vẻ khác hẳn những hành khách kia. Họ mặc áo lương đen dài, đầu đội khăn đóng nhiều đen thất « chữ nhân ». Mỗi người mang một tấm thẻ ngà trên ngực. Nhờ vậy người ta mới biết rõ một ông là kinh lịch họ Phạm và ông bạn đồng hành là thượng hạng thừa phái họ Ngô. Cả hai đều từng sự tại tỉnh đường đạo Kontum.

Người nào cũng đều có vẻ thông thạo Nho học và đang say mê với câu chuyện đấu năm về văn chương thi phú. Ông thừa rút ở giỏ hành lý xoè tay ra một ống điều thuốc lão kỳ dị. Thay thế chiếc cần trúc cong dài lẽ thê trường giả là một ống cao su mềm cuộn tròn được. Thân điều không phải là một ống tre chạm trổ hay một thứ gỗ có nạm xa cừ mà bị là một cái lon không, trước kia đựng dầu chùi đồng nay còn lờ mờ những chữ in nhãn hiệu. Có lẽ là ông Nghè người nghiện thuốc lão nặng nên phải chế tác ra thứ điều xách tay tiện lợi nầy để mang theo mình.

Ông khoan thai trích một nhúm thuốc lão trong chiếc hẩu bao bằng cao su tròn, hai ngón tay lăn lăn đều đặn để cho những sợi thuốc dính liền với nhau thành một viên nhỏ. Chiếc điều kẹp chặt giữa hai đầu gối cho khỏi rơi ngã vì mọi sự kích động của xe đang chạy. Đặt viên thuốc vào miệng điều, ông Thừa quẹt diêm và diêm đạm kéo một hơi dài liên miên tỏ vẻ là một tay sỡ

trường về khoa hút thuốc lão. Viên thuốc cháy thành tro, que diêm cũng vừa cụt đèn gần ngón tay, ông Nghè trầm ngâm chờ đợi một hồi như để cho làn khói đi sâu rộng vào mỗi ngọn ngành của hai buồng phổi. Bây giờ mới đánh một hơi thở đẩy tất cả khói trong lồng phổi ra ngoài nửa bằng mũi nửa bằng mồm, có vẻ sáng khoái như người vừa tỉnh một giấc ngủ ngon.

Chiếc điều bị chuyển qua tay ông Kinh. Câu chuyện cứ thế mà trao đổi thân mật và ý hợp tâm đầu như hai kẻ cô tri từ tiền kiếp. Mặt trời lên đã cao từ phía sau xe. Một vài hành khách thức giấc dậy có vẻ bẽn lén nhìn thấy các bạn đồng hành đã dậy trước. Họ e thẹn vì tưởng trong lúc mê ngủ đã bị các bạn quan sát mình; cả đời họ không quen ngủ ở chỗ đông người.

Xe tiến dần vào thành núi đồ sộ của dãy Hoành-Sơn. Ánh sáng ban mai ngã vào mạng sườn phản chiếu trên những cành lá còn ẩm ướt hơi sương, làm thành một tấm thảm kim cương linh hoạt. Đường đi bắt đầu thay đổi, quanh co khúc khuỷu. Xe đang vượt qua đèo An-Khê.

Một bên là vách núi với những tảng đá ước chừng như đang chờ cơ hội để lăn ra chặn đường thiên lý. Một bên là hồ sâu chập chùng với những cây cao um tùm đưa ngọn cành ngang tầm mắt du khách. Thỉnh thoảng trong đám cỏ cây xanh rì của thung lũng lại hiện ra một khe đá nước chảy róc rách.

Xe bò dần theo sát vết đường ven mồm núi, khô sớ nhọc nhằn, không dám xê dịch một ly một tý. Nhìn xuống chân núi, con đường xe vừa mới chạy qua mong manh như dải lụa vàng tung ngang cạnh sườn núi. Hành khách không khỏi rung mình nghĩ lại khoảng cách mình vừa mới vượt qua thật là nhiều kẻ hiểm trở. Họ tự hỏi không biết ai đã vạch ra con đường đèo này trước tiên. Người này chắc phải có một tâm hồn nghệ sĩ éo le phức tạp mới thoắt lộ ra ở những khúc quanh ngặt nghèo xếp gập làm đôi, những chiếc cầu cheo leo vắt ngang qua hai bờ suối, những đường dài lê thê ngoằn ngoèo như hình con rắn dọc theo ven núi để rồi lại trông thấy nhau từng tầng từng lớp.

Tiếng máy nghe bắt đầu nhẹ nhàng thư thái hơn. Xe đang xuống đèo đồ dốc. Tuy thế tài xế vẫn phải chăm chú hai tay ghi chặt vô lăng, mắt đắm đắm dán vào mảnh đường phía trước mặt, quả tim có lẽ còn hồi hộp hơn lúc lên đèo gấp bội.

*
* *

Qua khỏi chợ huyện Tân - An chừng ba mươi dặm, con đường lại xuyên ngang những cánh đồng tranh tương đối bằng phẳng, so với cảnh núi đèo hành khách vừa đi qua. Đó đây những mô đất, những dãy đồi thấp chạy dọc ngang phân giới hạn cho những cánh đồng. Khắp nơi toàn là lau, sậy mọc đầy, hoặc là một thứ cỏ tranh sắc cạnh,

màu lá lúa tươi. Thỉnh thoảng nổi lên một vài chòm cây không tên tuổi, nhưng cần cỗi, che tàn cho những tảng đá con, đá lớn ngổn ngang, đánh dấu một lòng suối khô nước trong mùa hạn hán.

Từ xa nhìn lại du khách có thể quan niệm bằng tấm mắt khung cảnh bao la của dãy đồng tranh làm thành một mảnh cao nguyên khá quan trọng nằm cheo leo giữa hai ngọn đèo An-Khê và Mang-Giang. Sau lưng, về phía Đông những làng mạc thuộc huyện Tân-An cứ thu nhỏ dần trong đám bụi mù của con đường đất.

Xe chạy qua những vòm cây bên đường. Tàu lá khá sấm-uất che phủ một ngôi miếu nhỏ có vẻ hoang tàn. Không kịp thấy rõ bên trong thờ ai và có những gì, nhưng bên ngoài chung quanh miếu là liệt những lư hương vỡ, những bình vôi nứt mẻ đầy chân hương đã cháy, và màu sắc đã tàn phai. Anh tài xế kính cẩn cất chiếc mũ vài trên đầu, nói vọng phía hành khách :

— Qua Đồng Vua đây ! Các ông bà nên thận trọng lễ phép nhé !

Hành khách chú ý nhìn ra ngoài và không ai bảo ai những câu nói chuyện đang ròn tan trong xe cũng im hẳn làm nổi bật tiếng động cơ nặng nề mệt nhọc của chiếc xe hàng.

Theo lời những bậc kỳ lão trong hạt An-Khê thì cả một vùng cao

nguyên, đèo núi nầy xưa kia là nơi luyện quân của Tây - Sơn. Mặc dầu thời gian đã thay đổi các địa vật và bề ngoài của địa hình song nếu chú ý thì người ta vẫn còn mừng tượng những thao trường rộng lớn, những nơi đóng doanh-trại và tập trung quân-sĩ mệnh mông không biết vì trí tưởng-tượng của người ta, vì lời truyền-tụng của dân chúng hay vì không-gian còn ghi lại dấu vết của một thời oanh-liệt lịch-sử mà dân trong huyện Tân-An thường bảo : « Có những lúc thanh-tịch nắng ráo, đêm cũng như ngày, nghe những tiếng hò reo xa xa như tiếng hàng vạn quân - sĩ đang tập duyệt. Những tiếng ấy cứ vọng từ phía rừng bay theo gió, khi to khi nhỏ, mơ hồ huyền-ảo khó mà xác-định được. »

Phà xong làn khói cuối cùng của điều thuốc Lào vừa mới hút, ông Kinh chậm rãi nói với ông Thừa :

— Phong cảnh hùng-vĩ, núi non trùng-trùng điệp-điệp bao vây khu cao - nguyên bát - ngát nầy, ai có ngờ xưa kia là sào-nguyệt của *ngụy* triều Tây-Sơn nhỉ !

Ông Thừa vừa nheo mắt nhìn khoảng đồng rộng, vừa vuốt chòm râu đen như thông-cắm :

— Tôi ngạc nhiên một điều là một cơ sở của Tây-Sơn tât phải vĩ-đại, cơ sao bây giờ không còn lại một vết-tích gì hết cũng lạ !

— Đây là « *Đổng Vua* » nè ! Đằng kia là « *Đổng Cô Hầu* » rồi đến « *Đổng ông Tướng* », không hiểu

cô hầu của Vua hay của ông Tướng nhưng chắc là của Vua. » Tiếng máy xe đang nổ ròn bồng nghe trực trặc như con ngựa giở chững. Toàn thân xe rung chuyển một cách khó chịu như có gì gầy vò trong máy. Tài-xế cò điều-khiển những tay cầm chân đạp, nút bãm trên xe, nhưng xe vẫn trực-trặc, nghẹn-ngào, sượng-sùng, dầy-nầy.

— Quái lạ ! tự-nhiên sao mất một máy !

Tài-xế vừa điều-khiển vừa lăm-bắm.

Trà về sỏ một chạy hết sức chậm cũng không thay đổi. Bỏ « boong mo » đạp lút ga xăng cũng vô-phương. Tài-xế từ từ cho xe nép mình qua lề mặt và tắt máy. Nước ở đằng trước bốc hơi sùng-sục.

Tài-xế và tài-phụ hí-hoáy mỗ mỗ với những chiếc đồ nghề đầy dầu mỡ. Một vài người đàn ông có vẻ am hiểu ít nhiều về « động-cơ máy nổ » cũng góp ý kiến kỹ thuật với tài xế song hình như không được thấu nập niềm nở.

Những hành-khách khác đi tìm bóng im dưới những tàn cây bên đường. Họ theo chân ông Kinh và ông Thừa lẫn mò đến những tảng đá cuội dưới các gốc cây. Mỗi người tự tìm lấy một nơi để ngồi nghỉ. Một bà hành khách lên tiếng có lẽ oán trách :

— Thật là xuất hành mớng năm !

Vài người bàn tán theo xôn xao sôi nổi.

Ông Thừa lên giọng :

— Nếu nói mồng năm xấu thì sao lúc xưa vua Quan Trung lại thắng trận Đông-Đa chính vào ngày mồng năm Tết như ngày này.

Ông Kinh đáp lại :

— Ai lại tính như vậy ! Phải nói rằng cái ngày mồng năm ấy xấu cho Tôn-Sĩ-Nghị vì tham chiến nhằm ngày xấu. Song lại tốt cho quân Tây-Sơn, bởi vì Tây-Sơn đã lấy ngày tốt để tề cờ xuất quân từ tháng chạp trong Tết.

Ông Thừa gật đầu :

— Anh nói thế thì đúng lắm.

Ông Kinh nói tiếp :

— Biết đâu chỗ ta đang đứng đây hiện giờ không phải là nơi đóng đại bản doanh của Tây-Sơn. Biết đâu Đông Vua kia không phải là nơi tập trung quân sĩ để làm lễ xuất quân trước khi kéo ra Thăng-Long. Và những tảng đá nấy đã cọ mài với bao nhiêu thanh kiếm của Tây-Sơn trước khi đi sát phạt bọn Tàu.

« Mặc dầu cỏ cây lằn áp, thời gian muốn tàn-phá lau chùi một vết tích nhưng nếu cỏ nhìn cho kỹ thì ta cũng hình dung được vị trí của thao trường bằng phẳng trồng rộng còn rõ ràng đó ».

Ông Kinh đưa ngón tay chỉ chạy theo vòng giới hạn tường-tượng của Đông Vua lúc ấy là một bãi lau sậy bao la. Giọng nói của ông Kinh mỗi lúc một lớn như

nhà diễn giả gặp hứng thú. Ông Thừa và mọi người đều ngạc nhiên, chăm chú nhìn sự thay đổi trong cử chỉ và giọng nói của người bạn đồng hành. Rồi bỗng nét mặt ông Kinh có vẻ khác thường, không tinh táo mặc dầu mắt vẫn mở. Ông ta không nói nữa và cánh tay mặt của ông ta chỉ xong vòng giới hạn Đông Vua thì cũng không buông xuống nữa mà lại vẽ vòng tròn liên tiếp. Ngón tay chỉ hí hoáy giữa nền trời xanh lơ, đầy nắng. Ngón tay như vẽ loăn ngoăn loạn xạ rồi bắt đầu viết ra những dòng chữ Nho rõ ràng minh bạch. Liên tiếp hết chữ nầy đến chữ khác, hết câu này qua câu khác, ngắt chữ chằm câu dang hoàng như tay tiên hạ bút để thơ. Ông Thừa lăm lăm đọc từng chữ, từng câu với vẻ sùng kính chân thành, thỉnh thoảng lại lễ phép cúi đầu như đang tiếp chuyện với một kẻ bề trên.

Hành khách đi theo ai nầy đều im lặng gấn như sợ sệt, trước cảnh tượng lạ thường ấy không ai dám tỏ ý chông báng.

Một lúc sau ông Kinh buông tay tinh táo như không có gì xảy ra. Ông nhìn ông Thừa có ý hỏi. Ông Thừa chậm rãi nói :

— Đất này linh thiêng thật anh ạ ! Chỉ một tiếng « Ngự triệu Tây-Sơn » của anh mà Đức Quang-Trung tỏ ý không bằng lòng. Câu ngài vừa cho anh viết lúc nầy quả là lời khiển trách đầy.

Rồi ông Thừa đọc lại :

— « Chư quân đạt giả ! dĩ Nguyễn chi đắc quốc, di vị chi chính gia. Dĩ ngã tiến vị chi bất cửu, di vị chi ngụy gia ! Hà kỳ tương kiên chi lậu giả ! »

(Tạm dịch :

Các ông là người thông hiểu ! Phải chăng vì nhà Nguyễn được thời trị vì mà gọi là chính ! vì tôi không bền vững lâu dài mà gọi là ngụy ! Vậy các ông là người quê kém lắm sao !)

Đôi mắt ông Kinh nhìn vào chi không-gian bao la bát-ngát, rồi lại nhìn đến những tảng đá, những bụi cây ngọn cỏ, có vẻ tìm kiếm và hồi hận, những bà hành khách chấp tay kính cẩn xá giữa không trung miệng lâm râm khấn vái. Cả đoàn người im lặng, thần-thờ đứng quây-quần bên nhau, mỗi người thu sát mình nhỏ bé như tự-ti mặc-cảm trước một sức mạnh thiêng-liêng huyền-bí.

Đằng xa tiếng máy xe đã nổ ròn và tiếng còi thúc-giục. Hành khách rủ nhau rào bước về xe không dám ngoảnh lại. Ông Thừa kéo bàn tay ông Kinh. Ông Kinh như còn mền tiếc cuộc hội-ngộ ly-kỳ mà mình

vừa đóng vai chính. Không ai biết được trong tâm trí ông ta đang suy-nghĩ những gì về ông ta vừa được trông thấy gì.

Xe chạy một quãng đường ngon trớn như cũ, ông tài-xe mới dám nói :

— « Tôi đã bảo mà ! Đồng Vua linh thiêng lắm. Ông bà nào buột mồm lỡ miệng thì cứ việc xin xá lỗi đi. »

Không ai nhủ ai, ông Kinh và ông Thừa đều nhìn về phía cánh đồng huyền-bí để hoài-tưởng một lần nữa đến kẻ anh-hùng dân-tộc linh-thiên hiển-hách.

Nắng xê chiều bắt đầu ngã in bóng những chòm cây thưa thớt đó đây trên đám lau sậy đang rung-rinh xào-xạc trước gió. Hòa lẫn với tiếng máy xe nổ đều người ta tưởng-tượng đang nghe văng vẳng tiếng muôn quân reo hò thao-duyệt.

Chiếc xe vẫn chạy đều, bỏ lại cánh Đồng Vua trong đám bụi mù. Những hành khách lại bắt đầu trò chuyện để cố quên những giờ phút chậm trễ của chuyến xe xuất-hành ngày mừng năm Tết.

Thạch-Hà

ĐÍNH CHÍNH

Bài Ngộ Nhận — Camus — Bách-Khoa số 117, trang 80, cột 2, dòng 7. Xin đọc :

« Em kiên nhẫn chờ đợi đến bao giờ anh mới gặp với những mộng khói mây... »

B. N. C. I.



BANQUE **NATIONALE** **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135. *Đại-lộ* NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.002 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).



CON DAO CẮT BÁNH MÌ

của : *ERSKINE CALDWELL*

dịch : *NGUYỄN-M-HOÀNG*

TIA nắng làm Roy mở mắt. Nhìn ra cửa sổ Roy thấy mặt trời lên cao trên ngọn đồi cát cách nhà độ hơn năm trăm thước. Cửa sổ ở đây chỉ là một lỗ hồng vuông không giăng màn khoét trong vách nhà mà đèn mùa có mưa to được bịt lại bằng một cái nắp gỗ để nước khỏi hắt vào trong. Từ dưới gian bếp phía sau, Roy nghe có tiếng Nora đang quạt lò lửa.

Bầu trời sáng sớm lạnh căm căm và ẩm hơi nước. Một làn sương mỏng tràn vào căn nhà ; cho đến cái mền đắp chân cũng hóa ra hơi ươn ướt.

Nora hỏi chồng, giọng trong như giọng trẻ con :

— Minh thức rồi à ?

Roy vừa đáp vừa lắng nghe tiếng chân Nora bước ở gian bên cạnh :

— Anh mới thức đây. Hôm nay coi bộ nắng dữ. Minh nhìn ra cửa sổ mà coi.

Nora từ dưới nhà bếp đi lên đứng cạnh chồng, một tay vịn thành chiếc giường sắt xộc xệch. Trong ánh sáng của buổi ban mai nàng có vẻ xanh xao, mảnh khảnh. Roy nhìn nàng, nàng không mỉm cười như mọi khi nhưng trong hai mắt nàng Roy còn nhận thấy một tia sáng lấp lánh như hai năm về trước.

Không nhìn thẳng Nora, nhưng cũng không quay nhìn nơi khác, Roy nói :

— Chỉ có nắng là làm người ta thức dậy mau hơn hết. Mỗi lần thấy nắng lên như lúc này là mỗi lần anh cảm thấy trong bụng như sôi nổi một cái gì.

Nora cũng nhìn đăm đăm hai mắt như chồng. Nàng nói, hai môi hơi run:

— Thịt mặn hết rồi, Em chắc bữa nay phải ăn bánh mì không.

Roy không đáp. Chàng quay nhìn mặt trời, giống như một căn nhà phát cháy giữa đêm khuya, đang bùng lên đỏ lóa phía trên ngọn mây cây thông và mây cây sao cần cỗi. Nora bước ra khỏi gian phòng hồi nào chàng cũng không hay. Khi nghe tiếng chân nàng bước nhẹ trong gian phía sau chàng mới hay là Nora không còn đứng cạnh chàng nữa.

Chàng nói lớn để Nora có thể nghe :

— Có lẽ hôm nay ông Gene trả trước một ít tiền để mình mua thịt mặn. Mặc dầu chưa mãn tuần nhưng mình đã làm cho ông hai ngày trọn. Chắc ông phải trả mình chút ít để mình mua thịt hôm nay.

Một lát sau, chàng nghe tiếng Nora đi ra giếng múc một thùng nước. Lúc nàng trở vô, Roy chờ nàng nói một câu gì, nhưng Nora không nói gì cả. Nàng mở cửa lò để xem ổ bánh mì bột bắp chín chưa. Rồi nàng đóng lò lại, đi ra hàng ba phía sau, bắt chậu nước rửa chén đĩa ra sân.

Vài phút sau nàng bùng ổ bánh mì còn trong khuôn nóng hổi và

bình cà phê lên đặt dưới đất cạnh giường Roy. Nàng ngồi xuống và rót một tách cho chồng.

Có Nora đưa tách cà phê lên tay cho chàng. Roy còn có thể cầm tách và nghiêng đầu uống từng ngụm nhỏ được. Tuy thế Nora vẫn chăm chú từng tí để Roy đừng làm đổ cà phê. Roy cũng có thể ăn bánh mì một mình nếu có ai đặt bánh mì vào tay và cầm tay chàng để lên ngực dùm chàng. Vì chàng còn có thể cúi đầu cắn bánh được. Nhưng lúc nào Nora cũng ngồi bên cạnh chồng để giúp chồng. Nhiều lúc thấy Roy tỏ ra lóng cóng, Nora giành lấy miếng bánh, bẻ ra và đút từng miếng nhỏ cho chàng.

Nora đã ăn xong và sửa soạn đi làm. Nàng rót thêm cho Roy một tách cà phê đoạn bước ra phía sau để chải đầu. Roy hỏi :

— Mình còn làm cò cho ông Gene mấy ngày nữa ?

— Còn độ ba ngày, hay bốn ngày cũng không chừng. Hôm qua có hai anh da đen không đi làm. Nếu bữa nay họ còn nghỉ thì phải bốn bữa nữa mới làm cò xong khu đó.

— Như vậy mình được sáu ngày lương phải không ? Bữa nay có gặp ông Gene mình nói với ông là mình hết thịt ăn. Mình xin ông phát cho mình chút ít để mình mua một khúc độ hai cân.

Nora không nói gì cả trong một hồi lâu. Nàng đi xuống nhà bếp đoạn đi trở lên. Nàng nói :

— Còn rồi ông không chịu phát ?

— Không lẽ ông làm ngặt tội mình như vậy.

Nói xong Roy nhắm mắt trong một hồi lâu. Lúc chàng mở mắt Nora không còn đứng đó nữa. Có lẽ Nora tưởng chàng ngủ nên đi làm, không muốn đánh thức chàng.

Roy mở hai mắt rất tỉnh táo. Chàng lại nhìn ra cửa sổ nhưng chàng không thấy mặt trời nữa vì mặt trời lên đã quá cao.

Lại thêm một ngày dài đằng đẵng. Từ đây cho tới chiều tối, Roy sẽ phải nằm im, không cử động được tay hay chân gì cả. Nhờ cổ không liệt như tay chân nên Roy còn nhúc nhích đầu được chút ít. Nhưng chàng không còn day trở gì được nữa. Đã tám tháng rồi, Roy nằm liệt một nơi, trừ những hôm Nora ỉ ạch nửa ẵm, nửa kéo lê chàng ra tới cửa phòng hoặc đầu hàng ba để chàng sưởi nắng.

Tám tháng mà Roy tưởng như tám năm, kể từ ngày chàng bị bành bông vải rớt đè trong lúc chàng phụ ông Gene và một tên da đen đem sô bông vải lột từ ngoài chái vào trong kho. Không biết tại ai mà bành bông vải lăn từ trên xe cam nhông xuống đất đè chàng. Chính Roy cũng không biết tại sao. Có thể là một tai nạn, cũng có thể là người nào đó đã xô cho bành bông vải rớt xuống để xem cái cảnh Roy bị đè nó ra như thế nào. Nhưng dẫu sao đi nữa thì lúc đó Roy cũng không

thấy kịp để mà tránh. Chàng té nhào xuống và bành bông vải lăn tròn trên lưng chàng. Do đó tay chân chàng bại luôn, không còn giở lên được nữa. Ông Gene cho tai nạn đó là tại ý Trời, người có muốn tránh cũng không tài nào tránh khỏi. Ông thường nói là ông không làm sao cứu Roy được.

Ít lâu sau ông có ý buộc Roy dọn ra khỏi trại ông. Ông nói với Roy là ông không thể giúp chàng hơn được và ông cần cái nhà cho một người thợ khác thế chỗ Roy vào ở. Vợ chồng Roy đáp là họ không còn biết dọn đi đâu, Roy bị tai nạn trong khi làm việc cho ông vậy ông phải để cho hai người ở lại. Cuối cùng ông Gene đành phải thuận theo nhưng ông nói với Nora là nàng phải đi làm cho ông để trừ sô tiền thuê nhà, mua bột, mua thịt, mua cà-phê mỗi tháng. Và vì vậy Nora phải ra ruộng bông vải làm lụng với mấy anh cu-li da đen, rân sức được chừng nào hay chừng ấy.

Roy đã cò hết sức cho khỏi nằm một chỗ. Ngay sau khi xảy ra tai nạn viên thầy thuốc có đến một lần và bảo với Roy là từ nay chàng không còn đi được, không còn làm lụng gì được nữa. Chắc chắn là chàng phải nằm liệt suốt đời. Không có Nora, Roy không biết chàng sẽ ra sao. Chàng không còn ai khác để săn-sóc chàng. Chàng lấy Nora được hai năm nay, hồi Nora lên mười lăm tuổi. Năm nay Nora vừa mười bảy tuổi nhưng nàng cũng

không có vẻ gì là một người đàn bà cả, trông nàng còn nhỏ như một cô gái bé.

Đôi khi mấy bạn đồng nghiệp da đen, ở trong những căn nhà cắt cho công nhân phía cuối đường, đi ngang nhà Roy tiện chơn dừng lại nói chuyện với Roy mấy câu. Một vài người đem cho Roy mớ rau cải trồng sau vườn mà họ ăn không hết. Những ngày mưa và thỉnh-thoảng những ngày chủ nhật Ernest Mann, anh thợ da đen nhà ở gần nhà Roy, ghé qua chuyện trò một lát thuật lại những việc xảy ra trong trại. Roy rất thích vì Ernest biết được nhiều việc mà Nora không tài nào biết nổi.

Roy không biết rồi đây Nora và chàng sẽ ra sao. Chàng sợ một ngày nào đó ông Gene đuổi vợ chồng chàng ra khỏi trại. Chàng biết việc đó thế nào rồi cũng xảy ra, không chống thì chầy. Nếu rủi bị ông Gene đuổi không biết vợ chồng chàng sẽ làm sao. Ngay ở đây Nora đã phải chật-vật lắm mới nuôi sống được hai miệng ăn. Nếu rủi bị đuổi ra ngoài Roy không biết Nora làm nghề gì để kiếm đủ tiền trả tiền nhà, mua món ăn và quần áo. Chàng lo ngại mãi nhưng không tìm được câu trả lời ổn-thỏa nào. Nhiều lần chàng khuyên Nora bỏ đi nơi khác, để mặc chàng ở lại, chàng không muốn Nora phải vất-vả nuôi chàng. Nhưng mỗi lần nghe chàng nói thế Nora đều cò bịt miệng chàng không cho nói.

Tình thế cứ kéo dài như vậy, không thay đổi. Những lý-lẽ chàng bầu vùi vào đó để sống rất mỏng manh. Vật duy-nhất còn sót lại trong đời chàng là tình yêu của Nora đối với chàng.

Suốt mấy tháng nằm trên giường chờ vợ đi làm về Roy đắm quen. Chàng có thể định được gần đúng giờ Nora về tới nhà. Chàng nhìn mấy tia nắng xuyên qua cửa sổ như nhìn hai cây kim của một cái đồng hồ nào.

Trong lúc Roy nhìn ra cửa lớn thì nghe có tiếng Nora bước lên nấc thang phía trước nhà. Chàng đợi Nora từng phút. Nàng có vẻ mệt mỏi và thất vọng hơn những lúc nào hết. Buổi chiều thấy vợ đi làm về với nét mặt như vậy, Roy rất buồn khổ. Chàng không khỏi có cảm tưởng mình là một kẻ tàn bạo căm roi bắt buộc một đứa bé yếu đuối mới mười bảy tuổi làm công việc nặng nhọc của đàn ông dưới trời nắng chang chang trong suốt mười hoặc mười một giờ một ngày.

Roy cò nhìn ra ngoài và hỏi :

— Minh đó phải không ?

Nora đáp :

— Phải, em đây.

Nora bước vào phòng, ngồi trên giường cạnh chàng. Hai chiếc vớ cũ mà nàng đeo vào tay để bàn tay khỏi bị nắng ăn và khỏi bị cán cuốc làm phồng đã rách tả tơi từng mảnh. Nàng lột hai chiếc vớ đó ra và ném xuống đất dưới chơn.

Nàng hỏi Roy :

— Hôm nay anh khoẻ chớ ?

Nàng nhếch mép mỉm cười. Sự mệt mỏi làm nụ cười của nàng hơi gượng gạo.

— Bây giờ mình khoẻ ?

Roy mỉm cười, cổ ngàng mặt lên gần mặt nàng. Nora cúi xuống, đưa môi cho chồng hôn. Nàng nhắm hai mắt lại, trong khi Roy hôn nàng như một kẻ đã nhĩa hôn lâu ngày. Nàng ngồi im như thê trong mọi lúc thật lâu.

Roy hỏi vợ :

— Mình có hỏi ông Gene tiền để mua thịt không ?

Nora gật đầu.

— Ông chịu phát không ?

Nora lắc đầu.

— Sao vậy ?

— Ông bảo em phải đợi tới thứ bảy mới phát được. Ông bảo em là đầu tuần ông đã phát lương thì mình phải xoay xở thê nào để ăn đủ đến cuối tuần.

Roy cõ hết sức để cự mình. Chàng có cảm giác tay chơn đều bị cột ghì xuống giường bằng niền sắt. Mỗi lần chàng rón giở tay lên là mỗi lần chàng cảm thấy như có ai cầm roi quất mạnh vào đầu, vào mặt chàng.

Chàng nói lớn :

— Ông muốn nói sao cũng được ! Nhưng thật không công bằng một

chút. Mình cũng làm công ăn lương ngày như mọi người, ông phải phát tiền để mình mua cái gì ăn chớ ?

Nora gục xuống, ngã ngang ngực Roy, hai tay ôm chặt Roy. Chàng thấy hai vai Nora run lên từng hồi theo cơn nấc nhưng chàng không nghe một tiếng khóc nào. Chàng nhắm mắt và cõ suy nghĩ phải làm một cái gì. Chàng không thể nằm liệt một nơi, nhìn Nora đau khổ như thê được.

Một lúc sau Nora hết khóc, chồng tay nhôo dậy nói với Roy :

— Em đi nướng bánh mì và pha cho anh một chút cà-phê.

Nàng đứng lên, hai tay vẫn che kín mặt.

— Để em đi nấu mau một cái gì ăn.

Roy nhìn vợ đi xuống bếp, không nói gì cả. Chàng nghe tiếng chân Nora trong nhà bếp và tiếng kêu rảng rắc của gian nhà sau mỗi bước của nàng.

Trời đã tối hẳn. Hoàng hôn chỉ kéo dài trong vài phút và qua rất mau.

Có tiếng gõ cửa trước nhà. Roy hỏi :

— Ai đó ?

— Ernest đây.

— À, vô đi Ernest.

Trong nhà tối quá nên Roy không nhìn thấy Ernest đi vô lúc nào. Vào tới nơi Ernest ngồi bệt xuống đất, lưng dựa vào tường. Roy hỏi :

— Hôm nay chú làm gì ?

Ernest đáp :

— Cuộc cỏ chung quanh gốc bông vải như mọi người.

— Gắn xong chưa ?

— Khoảnh đó chắc tới tối thứ sáu mới xong, hoặc tới trưa thứ bảy không chừng.

Roy nói :

— Nora cũng nói như chú.

Hai người nín lặng trong một lúc lâu. Sau đó có tiếng Ernest ngo nguậy bàn chũn trên sàn đất. Roy tưởng Ernest định đứng lên đi về nhưng Ernest vẫn ngồi yên và nói :

— Hồi chiều tôi nghe chị Nora xin ông chú phát tiền lương. Nên tôi qua thăm anh.

Roy gật đầu :

— Nhưng ông Gene không chịu phát. Ông bảo Nora đợi đến thứ bảy.

— Tôi biết. Lúc đó tôi có mặt tại đó nên tôi nghe hết. Suốt đời tôi chưa một lần nào tôi dám hỏi ông chủ như vậy hết.

Từ nhà bếp có tiếng Nora mở cửa lò, đút khuôn bánh vào lò.

Ernest nói :

— Chắc anh biết rõ cách ông chủ đi dự lễ nhà thờ Swift Creek mỗi buổi sáng chúa nhật chứ ?

— Trước hồi bị nạn tôi thấy ông đi vài lần.

— Bây giờ thì người ta đồn ông là người lớn tiếng nhất nhà thờ. Ông nói chuyện lớn hơn ai hết, cầu kinh lớn hơn ai hết, hát lớn hơn ai hết và bỏ tiền cúng làm kêu lớn hơn ai hết.

Roy nói :

— Tôi cũng nhớ về ông y như lời chú nói. Đối với ông việc đi nhà thờ là cả một việc quan-trọng. Có một lần ông nói với tôi nếu tôi không chịu đi nhà thờ như ông chắc chắn sau này tôi sa địa ngục.

Ernest lại ngo nguậy bàn chũn trên sàn đất.

— Ông mộ đạo lắm, làm rất nhiều việc thiện nhưng ông không chịu phát tiền thợ trước ngày thứ bảy.

Roy im lặng trong một lúc lâu. Bụng chàng thấy đói, đói như chàng chưa từng đói như vậy bao giờ. Chàng ngửi mùi cà-phê đang sôi và nghe thấy tiếng Nora đang lấy ổ bánh mì nóng từ trong lò ra. Nhưng chàng thấy đói, thấy thèm một miếng thịt nhỏ, thèm đến nỗi chàng tưởng chừng có đủ can-đảm cắt một khúc thịt ở bắp chũn tê liệt của chàng. Lần đầu tiên chàng có ý nghĩ đó và chàng tự hỏi nếu chàng làm thật như đã nghĩ mọi sự sẽ xảy như thế nào. Chàng chắc sẽ không thấy đau đớn gì. Từ tám tháng nay hai tay và hai chũn chàng đã hóa thành mấy khúc gỗ vô tri, sờ mó không

còn biết gì nữa cả. Nếu còn máu trong tay chừa chàng thì chàng nghĩ máu đó cũng dễ chặn lại bằng một đoạn vải quần thật chặt. Chàng tự hỏi Nora sẽ nói sao, sẽ làm gì... Nếu Nora không dám ăn thì có lẽ chàng cũng không dám ăn theo. Nhưng chàng cần gì phải nói cho Nora biết là khúc thịt đó ở đâu mà có. Nàng sẽ tưởng đó là của Ernest hoặc của một anh thợ da đen nào đó đem đèn cho. Chàng có cảm tưởng những ý nghĩ chàng đang vút lên như chim. Con đói làm chàng khó chịu. Chàng biết Nora làm lưng cực nhọc suốt ngày như thể sẽ còn đói gấp mấy lần chàng. Nếu tìm được một miếng thịt cho nàng ăn có lẽ Roy sẽ thấy đỡ đau khổ hơn, có lẽ Roy sẽ chịu được cảnh nằm liệt một chỗ, thấy mình hoàn toàn bất lực.

Mãi suy nghĩ nên chàng chỉ nghe văng vẳng câu Ernest nói :

— Mày anh da trắng gọi ông chủ là ông Gene. Nhưng mày anh biết tôi gọi ông chủ là gì không ?

— Là gì ?

— Tôi gọi lên là ông Jésus. Phải, tôi gọi là ông Jésus.

Đầu óc Roy như bị một mũi kim chích mạnh. Chàng tưởng tượng thấy ông Gene đứng trong nhà thờ ở a cầu kinh. Chàng tưởng tượng thấy ông ta mời vị mục sư về nhà dùng bữa, hai người ngồi vào một cái

bàn đầy tú hụ những gà quay, heo nướng và bánh mì vừa trắng vừa thơm. Chàng tưởng tượng thấy mình nằm trên giường và có một con dao đang cắt thịt ở bắp chừa chàng thành từng khúc. Chàng tưởng tượng thấy...

Nora bước vào phòng, ngồi trên mép giường bên cạnh Roy. Nàng đặt tay mát và êm lên trán chàng. Chàng hỏi Nora :

— Mình có đem dao lên để cắt bánh mì không ?

Nora ngạc nhiên :

— Không. Mình muốn em lấy dao à ?

Roy nghĩ có thể giấu con dao bên cạnh chàng trong giường, đợi tới lúc Nora đi cuộc cô ngoài cánh đồng bông vải.

— Hối nào tới giờ mình không hỏi dao. Mình muốn em đi lấy dao cho mình ?

Roy gật đầu.

— Mình lấy cho anh con dao thật bén, thật bén để cắt bánh mì.

Lúc Nora lấy tay ra khỏi trán chàng, chàng không còn nhớ gì nữa hết. Chàng nhắm mắt, nằm trên giường, chờ Nora trở lên. Chàng tự hỏi làm thế nào chàng chịu được Nora xa chàng dẫu chỉ trong một, hai giây ngắn.

N. M. H.

Ngăn Cách

HOÀI HƯƠNG

Bên kia bức tường là vườn em hoa nở
Cả bốn mùa nó nức tiếng chim ca
Những buổi chiều em thấp thoáng sau hoa,
Màu áo thanh thiên, tóc cài xác nắng.
Nấp trong lá em mỉm cười bên-lẽn
Đọc thư anh hấp tấp sợ người trông.
Gió nâng niu những vụn giấy xanh hồng,
Vui lẫn lộn giữa màu hoa cỏ biếc.
Bức tường cao khó ngăn lời thắm thiết,
Nên chúng mình cứ gần gũi bên nhau.
Vội mượn tình anh ướp ngọt lòng cau,
Cho xanh ngát mi em, trầu mướt lá,
Ngõ tới vườn cây chẳng còn xa lạ.
Mình đón đưa, trắng xóa bóng răng cười,
Đêm lấy chồng, em mới chẵn đôi mươi,
Mới chín niềm yêu, mắt ngời nên cười.
Mấy năm qua thẳng con đầu sáu tuổi,
Biết bao nhiêu âu-yếm, lắm chưa buồn.
Hễ còn yêu là còn khối ghen tuông,
Nước mắt chảy nóng bừng câu sấm hối.
Em chực cơm trưa. Em chờ bữa tối
Và nhiều đêm em ngủ, xót xa lòng
Anh viết gì, thức mãi với đèn chong
Đề gối lạnh, chán buồn, tay trống trải...

Anh bận khoản trong nỗi buồn thời đại
Ghét cảnh bất công, ray rứt oan tình
Em vô tư ngồi chuốt móng tay xinh

Hay thảo mặc chuyện tình qua sách vở
Em muốn anh phải chiều con, nhường vợ
Nhốt tâm hồn dưới mái ấm quen thân
Chúng mình xa nhau tuy sống gửi, nắm gần
Sự ngăn cách không tường cao rào kín
Hai bàn tay đời đời con bịn rịn,
Quấn quít hoài những vẫn cứ là hai.
Em thương con tình chan chứa mặn mòi
Dỗ giấc ngủ, che gió trời, kiêng cử.
Em nhìn thấy quanh con mình đủ thứ
hiềm nguy, khủng khiếp, tàn nhẫn, dối lừa,
Con mình như hoa kiềng cạnh hè mưa,
Nấp trong mát, thẹn thùng, e nắng gió.
Anh khác em, muốn con mình từ nhỏ,
Quen cuộc đời, thương mến nếp vui chung,
Mở tâm hồn cho vạn nẻo trùng trùng,
Mắt trí thức mến tay cày gặt quốc.

Và riêng anh nếu ngày kia vứt bút,
Sẽ trở về vun xới mảnh vườn xưa,
Chắc em buồn, thương phố thị ngàn ngơ,
Chân bước theo chồng, mắt còn giận dối,

Nhưng,

• Chúng mình là lá khô rụng về một cõi,
Khác nhau gì, vẫn cứ ấp in nhau ».

H. H.

Mát ngổ hướng đào ngư ngần sáng
Chồi tre tàn nhẵn quét khô rơi
Khuya trước xa thăm vang nỗ tắt
Thoáng sương, xanh trắng hện bừng tươi
Lá nằng reo đường chen rẽ lánh
Nét chiêu đăm gặp gỡ bông cười
Nhức ý lo đen sẫm giấy lạnh
Cành chim giỡn gió gợn rong chơi
Vui rung âm giờ thướt tha buông mây
Tin đưa dư nao nao dòng nghĩ vẩn
Trận phóng thép tan hoang, chiều lửa uất
Ngọc vườn trắng cánh ngủ nếp thơ ngây
Bóng đồ vờ rêu mờ trang sử vắng
Chuyện đất trời rung rức ánh sao lay
Qua trái ngược
lênh đêngh vào dịu biếc
Lạc nguồn thơ, đi khắp tháng năm say

Hòa-Âm số 1

Đ. T.

THẨM ANH CHỊ

Tặng Anh Et-Vinh-Th ầu

Hiên chiều đồ bóng đầy vơi
Lời anh chị nói như lời tôi nghe
Chén cơm đôi đũa để huề
Văn thơ xao lãng tôi về hôm qua
Chuyện buồn ngày trước bay xa
Trăng tròn nhịp vọng canh gà sơ nguyên
Đêm xanh tôi ngó ánh đèn
Đầu xanh con trẻ mắt đen cũng nhìn
Tuổi thơ mai mãi vạn nghìn
Những ngày Nguyên Đán theo liền bên nhau
Chợt sầu hoài cảm mòn hao
Hoa hoàng thu rụng mấy màu xuân xanh
Triền miên nước giã đôi doanh
Đêm ru phố thị đêm thành lũy xiêu
Môi cười lấp vội hoang liêu
Mà lòng đã vội lắm chiều lao đao
Nỗi niềm náo động xưa sau
Bàng hoàng kỷ niệm giập màu sơn xuyên
Bắc Trung lưu lạc mấy miền
Thượng Du đất đỏ non triền mây giăng
Thác nguồn đồ xuống Nghi Xuân
Tuần trăng Bạch Ngọc một vùng thảo hoa
Thân người nức nở sương pha
Máu người bỏ nhịp bên tà huy bay
Thu gần chia giọt thơ ngây
Thời hương lửa đã lỗi sai kim hoàn
Ra ngoài điệp điệp trùng quan
Vào trong sóng đục hoen làn mi xanh
Mùa măng Lục tỉnh phơi càn
Gió cây thổi phố chạy vòng cõi Nam
Ngọc ngà cồn bãi đâm ngang
Sóng sông đồ rộng Hậu Giang xuôi dòng
Tiếng huyền hồ dễ bật âm
Bên đời dâu bể tơ tằm vi vu
Bây giờ rượu uống gặt gù
Cười nghiêng ngửa mộng mịt mù chiêm bao
Hỏi thẩm anh chị đường nào
Dẫn về vĩnh viễn đưa vào trường xuân.

BÙI GIÁNG

Đường bay của thơ

PHAN DUY NHÃN

đầu đã cúi, nghiêng vai, lòng thú tội
con tàu đi buồn bã mấy trăm ga
vươn cổ phố thêm cao niềm ngóng đợi
gió tự tình thổi động đỉnh cây khô

anh trở lại xa xôi từng phố chợ
ánh điện vàng soi xuống đáy ưu tư
thuyền ngủ chập chờn buồm thổi đã hạ
chiều thổi sâu bay hết nắng ngày thơ

mây trời cũng âm thầm trôi xuống vực
hãy thôi chong mắt nhỏ ngó Vô Thường
tiệc cuối cùng, nâng thơ, ngùn ngụt rượu
biên cau mây, trán động, giá băng tan

giây phút ấy, tới cầm tay nổi chết
sau lưng anh phượng phố vẫy diều tàn
máu một giòng, rơi hờn như giọt đá
thơ một lời đợi lại tiếng kêu van

Nhôi từ đó xa bay ngoài hiện tại
anh đưa tay bằng thân thề lên đường
tiễn chân người, xanh xao cành lá lẹ
em cúi chào thân huệ uốn lưng thon

P. D. N.

NGÀY XƯA THÁNG CŨ NĂM TÀN
HƯƠNG TRÀ KHÓI HẠC CHÒM LAN CỘI TÙNG

Gửi Văn-Trà-Trang
Báo-Báo

Nhà học ngữ tàn đảo lý cũ
Chén trà cho đượm khói hương xưa
Ít nhiều đề sắc-thu-dung nhạt
Đây đó chừng hoa-văn-tiết lưa
Cánh hạc mây phong nền gấm vóc
Cội tùng sương tỏa nếp thêu thùa
Chòm lan khóm đá đôi hàng mực
Màu chữ còn tươi nét tuổi thơ

ĐÔNG-HỒ
25-1-62



CÔ ĐƠN

Sao Trên Rừng

mai tôi về nằm giữa rong rêu
tôi trải thân tôi xuống giữa chiều
sưởi nắng tà huy lên mái tóc
khí trời vang lạnh tiếng chim kêu
mai tôi về nằm giữa hoang liêu
tôi trải cỏ đơn xuống giữa chiều
lấy gió thiên thu làm khăn làm áo
lấy mây bay làm gối làm lều
ăn hương rừng uống cả tiếng chim kêu
thở bằng xương rơi khi ngày tàn lui
bởi óc tim tôi đã hòa vào một khối
đang lùa vào giữa mát lạnh rong rêu
hồn tôi lùa giữa nắng nhạt phiêu diêu
nên đừng ai buồn kiếm tôi dò hỏi
tôi trả lời bằng tiếng tịch liêu

S.T.R.
(những bất tình dầu)

PASTILLES:

VANCO

MÙI « MENTHE »

CAM

MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon



THƯ NHÀ

VÕ-PHIẾN

(tiếp B. K. số 121)

Người đàn bà này đã có hai đời chồng rồi. Ngày về nhà Bốn Thôi, chị ta đem theo đứa con gái mười một tuổi.

Người ấy dĩ nhiên không phải là một người đẹp; nhưng chị ta cũng không xấu xí. Năm lấy Bốn Thôi, chị vừa ba mươi tuổi, trông hầy còn trẻ lắm, nhưng có vẻ bần thiêu tả-tơ. Chị ta có thể mặc cái áo cụt mất hai ba hột nút, để hở cả bụng, cứ thế đi lại khắp xóm.

Chị không quan tâm tới sự ăn mặc, mà tôi chắc cũng không quan tâm lắm đến việc lấy chồng. Chỉ có một điều làm bận rộn cuộc đời ấy là sự ăn uống. Nhà thì nghèo túng mà chị ăn

vật-vãnh quá nhiều. Chị cũng biết rằng như vậy không tốt, cho nên nhiều lần người ta gặp chị cầm cái tô đi xuống tận cuối xóm, hỏi đi đâu, chị cười bảo :

— Đi xin chút nước bún về cho con nó uống. Nước bún uống vô, thấy khỏe liền. Lạ đó chứ !... Không mất tiền mà !

Chị lại cười nữa. Kỳ thực, ai cũng biết chị đã mất rất nhiều tiền nhiều lúa vào lò bún, mà không phải là để uống nước cho khỏe. Bởi vì nước bún chẳng ai bán bao giờ.

Người chồng thứ hai chết đi, để lại đứa con trai ba tháng. Chị thương gia-

thằng bé cho đứa con gái trông nom để cho chị đi làm lụng và đi đây đó trong xóm. Một hôm thằng bé đang đau, chị đặt nó lên vông, lót một manh chiếu dưới lưng, đỡ nó ngủ, rồi ra đi. Sau khi ăn một tô bún còn nóng tại lò, ăn tiếp luôn một miếng mít vừa xin được, chị còn để dành năm múi mít đem về cho con.

Chạng vạng tối thì chị về tới nhà. Đứa con gái đi vắng, bỏ trống cửa. Gió lạnh thổi vào nhà qua khoảng cửa mở, luồn dưới các ngạch cửa và qua khe hở ở chỗ bức vách bị nứt ra, xiêu ngã. Trên vông, thằng bé đã tắt thở từ bao giờ, mặt xanh lè, một chút bọt sùi ra bên mép. Phía dưới lưng, một con chó con giống với sợi dây vông, kéo chiếc vông chạy qua chạy lại.

Hôm đó, chị đánh đứa con gái một trận tơi bời. Và chị kể om sòm cho khắp mọi người biết rằng con bé đã giết chết em nó. Xuân — đứa con gái — nghĩ là quả thật nó có lỗi: nếu lúc ấy đi ngoài xong nó về nhà ngay, không đuổi bắt con chim què thì chắc chắn là em nó không chết. Từ năm lên mười tuổi đứa con gái đã mang một vụ án mạng trên lưng tâm.

Sau khi thằng con nhỏ chết một năm, người mẹ lấy Bốn Thôi. Việc này không có liên quan gì đến ái tình, mà chỉ là chuyện sinh kế của người đàn bà, không gặp Bốn Thôi chị ta nguy mất: nhà bếp ngả xuống một nửa, hai bữa cơm hàng ngày kiếm không đủ mà ăn.

Về phía Bốn Thôi, đối với các người vợ của mình — trừ chị Lộc — anh ta

vẫn không tỏ ra thích người nào hơn người nào. Chị vợ thứ sáu cũng có những điểm tốt bên cạnh những nét xấu, như mọi người ở đời. Nếu đôi khi có người chê chị ta ăn mặc nhộp nhúa, hở hang, chị nhăn nhăn ra cười. Trông thấy những người đàn bà săn sóc sự ăn mặc, đẽm trang, chị nguyệt trộm, bĩu môi sau lưng, đầy vẻ nghi kỵ ranh mãnh. Nhưng chị cũng lại cười.

Lẽ có nhiên chị ta không dùng một thứ trang sức nào, nhưng nhờ ăn được nhiều, chị có một chút máu hồng bốc lên hai gò má. Nhất là những lúc chị ta cười, máu dồn lên đỏ phừng, trông chị ngon lành như một trái chín cây. Từ ngày chung sống với nhau, ngày ngày Bốn Thôi vẫn có nhiều dịp bắt gặp vợ cười, anh ta có liếc mắt nhìn, và không phải không biết đến cái ưu điểm của vợ mình như thế.

Một đêm tháng ba, chị đi chợ về khuya. Trong thời kỳ kháng chiến chợ họp về đêm để tránh bị oanh tạc. Mỗi người đi chợ xách theo một chiếc đèn làm bằng cái chai cắt ngang. Những anh dân quân gác xung quanh chợ chờ đến lúc trời chạng vạng tối mới cho người ta vào chợ, thắp đèn lên mua bán. Phiên chợ kéo dài như thế tới tờ mờ sáng thì giải tán. Lúc nào có máy bay đến, nghe hiệu lệnh báo động, ai nấy đều phải tắt đèn, chạy tản ra đồng tìm chỗ nấp.

Người vợ thứ sáu của Bốn Thôi đi chợ về vào một đêm trăng tháng ba. Trăng sáng đủ thấy đường đi, chị ta tắt ngọn đèn xách trên tay để tiết kiệm dầu. Sương xuống trắng cánh đồng.

Đi đến gần cái ao đầu làng (một vết chân của ông Khổng lồ) bỗng chị ta trông thấy có vật gì cựa quậy bên một bụi rậm ở bờ ao. Một ánh lửa đỏ lập lòe trong bụi cây. Rồi một hình người trắng toát đứng vụt lên. Chị ta đưa bàn tay lên dè ngang ngực, nhìn kỹ lại, và bật lên cười :

— Quí ! Làm người ta hết hồn !

Người đàn ông khoát tay liên tiếp, nóng nảy. Nhưng hắn ta không chân được tiếng cười dồn dả của chị. Cuối cùng, lúc chị dứt tiếng cười, hắn ta câu nhàu :

— Chỉ có bỏ chỗ này mà đi cho rồi, còn câu chó gì được nữa ! Cười gì mà cười dữ vậy ?

Vừa nói người đàn ông vừa dờ cần câu lên. Hắn ta đang ngồi câu ếch. Tiếng ồn rì rào rồi làm kinh động lũ ếch dưới ao, hắn thất vọng, nhìn chị đàn bà, tỏ vẻ khó chịu. Chị vẫn nhăn răng cười, dễ dãi :

— Chớ câu cái gì mà ngồi như chực rình người ta vậy ? Khuya khoát, khéo lựa chỗ ngồi câu !

Người đàn ông bỗng đổi nét mặt, cười một tiếng nhỏ, ngó thẳng vào mặt chị ta. Câu nói vừa rồi chắc chắn đã gợi cho hắn ta một ý gì. Chị đàn bà biết là mình trót nói một điều sai lầm. Chị ta giật mình, cảm thấy lo sợ, bước đi.

Người đàn ông tên Hải, làm trùm xóm, vẫn là người quen biết lâu nay. Nhưng hắn ta chưa bao giờ nhìn chị bằng cái nhìn «gian» như vậy. Chị vừa quay lưng đi thì hắn ta nói :

— Ai đấy à ? Tự nhiên đến quấy người ta rồi bỏ đi đấy à ?

Chị ta không trả lời. Hắn nói tiếp :

— Muốn có thịt để ăn chơi không ?

Bất giác chị ta ngoảnh lại. Hắn vung cái vợt lên ngang mặt, đứng đưa. Bàn tay của hắn nắm thắt lấy lưng chừng cái lưới : có mấy con ếch ở dưới đáy vợt chồm nhảy lên, kéo dài thân hình đến thui. Người đàn ông không cần nói, cho rằng cử chỉ của hắn ta đủ hùng hồn, quyền rũ. Nhưng chị đàn bà nhin một lúc rồi quay đi. Hắn ta vội vàng bảo :

— Thịt ếch mà không ăn ? Đại ôi là đại !

—Ừ, thì đại.

Chị sắp bước đi. Hắn hỏi vói theo :

— Thờ Phật đấy hã ? Bao giờ đó ?

Chị ta lại bật cười, dễ dãi :

—Ừ, tu lâu rồi.

Chị lại sắp sửa đi. Hắn ta gọi gấp :

— Nay !

— Cái gì ?

— Tu quái gì chị mà tu hành ? Tại sao không ăn thịt ếch ?

— Ai làm thịt cho ăn ? Thứ đó, muốn tôi tôi không dám làm thịt : chặt đầu rồi nó còn run cả tay cả chân. Gớm lắm.

Người đàn ông phá lên cười :

— À ! Có vậy mà cứ tưởng chị đâm ra chê thịt. Lại đây ! Người ta chỉ cho cách làm thịt ếch.

Thoạt tiên người đàn bà nghi ngờ. Nhưng sau cùng chị cũng trở lại, vừa đến vừa cười. Lúc chị ta đã đến gần

người đàn ông đưa tay lên bóp mạnh một cái vào cái má nhiều thịt của chị. Các ngón tay của hắn ta vừa mạnh, vừa nhanh, hăng mùi khói thuốc đã lạnh.

Béo xong hắn ta tiếp liền vào chuyện làm thịt ếch. Hắn bảo chị sau khi chặt đầu ếch xong, phải đè nó xuống, dùng một cái tăm đâm xuyên dọc theo xương sống của nó. Như thế vắt con ếch ra nó sẽ mềm xèo, nằm im.

Người đàn bà chưa hiểu rõ. Hắn ta cho tay vào vớt, lôi một con ếch ra, trao chiếc vớt, bắt chị đàn bà nắm giữ, còn hắn thì đè con ếch xuống, chỉ vẽ cho chị ta biết phải chặt đầu ngang chỗ nào, phải đâm tăm từ chỗ nào. Người đàn bà cười ngắc-ngắc-ngheo một cách vô lý.

Hắn lại nhìn vào mặt chị ta bằng cái nhìn rất « gian ». Chị biết rằng chị lại vừa làm điều sai lầm nữa, tuy vậy trước khi chị ta kịp ngất tiếng cười, người đàn ông đã đưa ngón tay vừa nắm con ếch mà quẹt chùi mạnh vào vai áo chị ta. Chị né tránh, hắn ta kéo lại, và chị suýt ngã vào người hắn. Cái khăn lông quấn xung quanh cổ người đàn ông xông lên một mùi khói thuốc lẫn với sương lạnh thành một mùi hăng rất mạnh. Chị sắp nổi giận về cử chỉ của hắn ta, nhưng hắn đã nói :

— Bây giờ thì muốn mấy con ?... nghĩa là mấy con ếch ?

Chị ta giơ cao cái vớt lên đếm :

— Một, hai, ba... tất cả chỉ có bốn con !

— Bốn con mà không được một bữa no nê hà ? Xào với nghệ, cho thật nhiều nghệ, đổ kha khá nước vào. Có bún mà

ăn với nó năm ba tô coi nào. Nước nó ngọt tuyệt. Đã ăn ếch lần nào chưa ?

— Chưa !

— Trời ơi ! Cứ tưởng thịt cầy chị cũng không từ.

Hắn ta xoay ra nói về chuyện ăn uống. Hắn nói coi bộ thạo. Đôi bên gặp nhiều chỗ tương đắc. Hắn ta đồng ý với chị, rằng ăn uống là một sự quan-trọng trên đời. Hắn giúp chị ta tìm một sợi dây buộc bốn con ếch lại vào một xâu dài, xong hắn cầm cả xâu ếch đu đưa trước mặt người đàn bà, để cho những bàn chân ếch chới với suýt cào trúng mặt chị ta. Chị đàn bà cười khanh - khách, ngả nghiêng. Hắn ta chồm tới gần, mùi khói thuốc ướp sương đêm, hăng và lạnh, xông vào mũi chị ta, quen thuộc.

Có một lúc người đàn ông bảo :

— Đây cầu cho thiên hạ đi tu hết, cho ai nấy đều kiêng ếch hết.

Hắn hỏi chị :

— Nhà chị thích về niết bàn hay thích ở lại... ăn ếch ?

— Đây thì tu.

Hắn phá lên cười :

— Biết thừa ra rồi. Tu mà nghe mùi thịt thì nước dãi ứa đầy mồm...

Chị đàn bà không nghe hắn nói, tiếp tục ý nghĩ của mình, giọng bí mật :

— Chẳng tu mà cũng như tu !

Người đàn ông đang cười, chợt dứt ngang quay nhìn lại, ngờ vực điều gì :

— Thiệt đấy hà ?

Hắn ta vụt hiểu nhanh như cắt. Người đàn bà cảm thấy là hắn đã hiểu tất cả.

Sự bí-ẩn trong cuộc đời ân ái của Bốn Thôi trải qua sáu người đàn bà, đến đây bị tiết-lộ rồi.

Chị đàn bà biết mình lại sai lầm lần nữa. Nhưng lần này thì muộn quá, không sửa chữa kịp. Hắn ta nhìn chị rất « gian », bạo dạn, háu ăn và dữ như cạp ! Người đàn bà tự nghĩ : « Muộn mất ! Muộn mất rồi ! ». Thế rồi đến mức cuối cùng của sự lo lắng tự đứng chị ta nở một nụ cười bình tĩnh, dịu dàng, đón đợi.

Sáng hôm sau, chị ta lui-cui mạng ếch ra làm thịt. Chị dùng que tăm xĩa vào suốt xương sống, con ếch xuôi đờ chân ra hết run ; chị vớt nó ra, lấy một ngón tay lật qua lật lại : thực là bất động. Chị ta mỉm cười vui vẻ : « Thằng cha thạo chuyện ăn thiệt ! »

Cái cười dần dần nhuộm vẻ dịu dàng thâm kín, và vẫn vu vơ như một ánh đèn lợt lạt không chiếu vào đâu.

Từ đó, người đàn bà không sợ ếch nữa. Và ngay một lần đầu chị đã xơi đến bốn con ếch, thì dĩ nhiên chị có quyền không chê những con từ thứ năm trở lên.

Tháng giêng năm sau chị đẻ một đứa con trai.

Ở thôn quê, người ta thường tỏ việc nhà người khác. Một việc đặc sắc như việc Bốn Thôi có đứa con đầu lòng sau sáu đời vợ không thể không được chú ý. Người ta cũng hay rõ cả việc chị vợ thứ sáu ăn ếch sau đêm trăng tháng ba nọ. Và rốt cuộc khắp làng ai nấy đều quyết rằng đứa con đầu lòng của Bốn Thôi chính là do tên trùm Hải hiến cho, cũng như tất cả những đứa con sau này nữa.

Người đầu tiên biết liên-hệ việc chị vợ thứ sáu ăn ếch, để con trai, việc chị ta đẻ huê chung sống với Bốn Thôi, cùng với việc những người vợ trước bỏ anh ta trốn đi, liên hệ những sự việc dài dòng như thế để rút ra một kết luận, người ấy là ông tú Từ-lâm. Ông ta kết luận rằng Bốn Thôi là một gã bất lực.

Ông tú Từ-lâm tuy vẫn đúng là một ông tú, nhưng bà tôi ngờ rằng có nhiều chỗ không còn đáng tin cậy, bởi ông ta không còn thực là ông tú như những ông tú cổ thời. Mấy mươi năm sống lang thang, nhất là lang thang ở thành thị, đã biến ông ta thành ra một kiểu mẫu ông tú kỳ quặc : ông ta mặc quần áo bà ba, ngoài khoác áo bành-tô ka-ki, và luận đàm thì xáo trộn tư tưởng thánh hiền với những loại ý-tưởng thực là quái gở nhảm nhí.

Về câu chuyện anh Bốn Thôi, nghe ông tú Từ-lâm kết luận như thế, rồi giải thích cái kết luận ấy, rồi bàn tán với người nọ người kia, rồi cùng nhau cười khúc khích, bà tôi quả quyết rằng một trường hợp như vậy chưa bao giờ xảy ra trong thuở « mọi lần ». Vậy tất có điều vô lý, khó tin.

Dù khó tin, người vợ có thể đẻ con được đã đem lại cho cuộc đời Bốn Thôi sự yên ổn chưa từng có. Trước kia bên cạnh các chị vợ không sinh nở, đời sống anh ta luôn luôn bị náo động vì những vầy vùng, oằn oại như phải trải qua trở lại suốt mười mấy năm trời không yên, ngoại trừ những ngày sống với chị Lộc. Cho đến khi

người vợ mang thai, anh ta như thở dài một cái, tự mình cảm thấy thỏa mãn, thoải mái.

Không thể nói được rằng anh ta đã tìm thấy hạnh phúc. Anh vẫn yên lặng, nét mặt vẫn lầm lì, vẫn có cái gì u tối. Tôi chắc anh ta cũng không lăm vể lai lịch các đứa con, mặc dù là không bộc lộ một sự thù hằn ghen tuông nào. Tuy vậy, sau này những khi rảnh rỗi, thay vì bì hục khổ sở với những sợi lông mũi, anh ta lưu ý tới các đứa con, lắng tai nghe chúng cãi nhau xúm, xít dự vào những cuộc ăn vặt của chúng và mẹ chúng. Tấn thăm kịch chằm dứt như thế, trong một cảnh quây quần ríu rít không hẳn là vui vẻ sung sướng.

Người vợ tiếp tục đẻ, và cuộc đời Bốn Thôi càng ngày càng êm ả, vững chãi, càng xa những đảo điên nguy hiểm.

*
* *

Sau khi Bốn Thôi sinh con đầu lòng chẳng bao lâu thì tình hình ở vùng chúng tôi đã không được yên ổn. Nhiều tin tức liên-tiếp báo rằng chiến sự rất có thể lan đến nơi. Gia đình tôi trù tính chương trình tản cư. Nhưng một trong những điểm đầu tiên mãi mãi không sao thực hiện được : ấy là việc đưa bà tôi đi lánh nạn.

Ban đầu bà tôi có dự vào những cuộc bàn cãi về tình hình, mỗi khi gia đình tiếp đón một tin tức chiến sự quan trọng. Người tỏ ra rất luống-cuống, lo hãi. Người thở dài nhiều lần, đồng ý là đành phải tìm chỗ chôn dấu mấy bộ đồ thờ, những chén đĩa quý và một số thóc, còn một

số nữa thì di-chuyển ngay đi gửi ở một làng sơn cước để phòng ngừa khi phải tản cư lên đó mà ăn. Nhưng đến khi bàn vào việc tản cư thì người luôn luôn tìm cách trì hoãn ngày lên đường. Về sau, bị mọi người thúc dục gấp quá, bà lảng tránh những cuộc bàn cãi về vấn đề lánh nạn.

Bà tôi cũng có một lý lẽ để chống-cự một cách yếu ớt với con cháu : « Nếu có chuyện gì nguy hiểm thì làng trên xóm dưới đều chịu hết, chứ phải riêng gì mình sao ? ». Nhưng đến khi các cô tôi bảo rằng từ làng trên đến xóm dưới người già cả cũng đều chuẩn bị lục-tục tránh đi cả rồi, thì bà tôi nhất định không nói đến chuyện giặc già nữa.

Cuối tháng tư năm ấy, một hôm vào khoảng chín giờ sáng, giặc nhảy dù xuống cách làng chúng tôi chừng bảy cây số. Thoạt tiên, khi máy bay quần nhiều vòng rộng trên khắp vùng, ai nấy tưởng sắp có cuộc oanh-tạc, đều chui hầm trốn. Đến khi có người trông thấy ở xa những chiếc dù từ phi cơ rơi liên tiếp như những giọt dầu lớn nhều xuống giữa một màu trời xanh rất đẹp, người ấy la lên hoảng hốt, tức thì chúng tôi hết sức bối rối. Địa điểm tập trung quân nhảy dù ở gần quá, nếu họ tiến về phía làng chúng tôi thì chỉ trong một giờ họ đến nơi rồi !

Lần này bà tôi không còn cách gì trì hoãn được nữa. Người bị đưa đi tản cư ngay giữa lúc máy bay còn quần trên đầu ầm ầm. Không được dùng trên người một thứ gì màu trắng khiến phi cơ có thể dễ ý, bà tôi trùm một chiếc khăn nhuộm đà lên đầu để che nắng thay nón.

Bà tôi lần tới được nơi đã dự định, tức là một nhà quen ở mép núi, thì người lánh nạn tràn vào đã đông quá rồi. Họ chiếm tất cả các gian phòng trong nhà. Ngoài vườn, dưới bóng cây mít, cây chuối, giữa các lùm thorn, người ta cũng trải chiếu lên mà ngồi, mà nằm. Dần xếp mãi, thầy tôi mới giành cho bà tôi được một chỗ ở đầu hè.

Ở đây, một khi chiếm được chỗ, trải chiếu ra xong, bà tôi gần như bị bắt buộc phải loay hoay mãi trên khoảng một manh chiếu ấy suốt ngày. Mỗi lần đứng lên đi một bước, người phải vất vả giữ gìn cẩn thận để tránh khỏi va đụng vào những người nằm, những trẻ con ngủ, những chén đĩa, niêu nôi, ấm tách, gạo mắm... dần ra xung quanh.

Buổi tối, sau khi dò la tin tức hành quân, rồi gia đình cho về làng một vài người đàn ông để góp nhặt chuyển nốt những thứ gì có thể chuyển được lên núi, những thứ đã bỏ sót ban sáng trong lúc vội vàng: những con heo, con gà không kịp bắt đem theo, những trái bí, trái dưa, buồng chuối cần phải bẻ ngay, nếu không sẽ bị mất trộm v.v... Trong lúc thầy tôi sắp sửa theo mấy người về làng, chợt bà tôi gọi lại. Người dẫn thầy tôi nếu có đủ thì giờ thì nên xem qua các hũ mắm một tí.

Tôi nhận thấy bà có ý ngập ngừng, tưởng như sợ làm phiền thầy tôi. Sự giằng co lâu ngày của các cô tôi rốt cuộc làm cho bà tưởng như mắm muối là một thị hiếu lăm cẩm của mình chứ không phải là một nhu cầu thiết yếu của gia đình. Thử «xem qua» trong lời bà tôi nói có ý nghĩa khẩn khoản là «hãy chăm sóc»,

«hãy cứu lấy» lũ mắm trong cơn hoạn nạn, khói lửa. Người sợ rằng trong hoàn cảnh khẩn cấp, một sự gửi gắm như vậy phiền lụy thầy tôi nhiều quá chăng.

Tuy vậy thầy tôi đã chuyển lên núi được hai tấn mắm trước sự vui mừng hớn hờ của bà. Và nhờ hai tấn mắm ấy suốt mấy hôm tản cư gia đình chúng tôi vừa được mận miệng vừa được cảm tình của nhiều người bạn hữu lân bang.

Ba ngày sau hôm giặc nhảy dù, chắc chắn rằng vùng tôi không nguy hiểm, tôi được phép về thăm nhà ban ngày,

Bước chân vào một làng vắng vẻ, người ta tự nhiên có cảm giác rờn rợn, hồi hộp. Chỉ cách có đôi ba ngày mà lá cây như rụng nhiều hơn trên các lối đi, cỏ như lan tràn ra nhiều hơn, chim chóc đậu đây đó như đã lạ với bóng người. Tuy đã được biết trước về tình hình, kẻ mới vào làng cũng rụt rè tưởng như tại mỗi bụi tre, mỗi góc đường đều có thể gặp một sự bất ngờ.

Thỉnh thoảng mới trông thấy một nhóm dân quân ngồi xúm xít hút thuốc, nói chuyện. Đi qua khỏi họ đã xa, vô tình ta vẫn còn lắng tai nghe tiếng nói của họ, như bầu vịu lấy một sự nâng đỡ cho được an tâm, như dò lắng thăm chừng cái mức độ hoang vắng của xóm làng.

Tôi bước vào khỏi cổng. Điều tôi chợt trông thấy trước tiên là một con gà choai đang chóp cánh nhảy chồm lên mổ con dòi bò quanh miệng một chum mắm cao. Mổ hụt, nó nhảy liên tiếp đôi ba lần, và cuối cùng làm rơi cái sọ dừa đầy miệng chum xuống đất, kêu lên một tiếng khô khan.

Tôi đi vòng quanh nhà, và hoảng hốt vì một tai nạn kinh khủng: không biết con heo nhà ai thả rông đã chui rào vào úi đồ sáu hũ mắm của bà tôi, vừa mắm cái vừa mắm nước. Vài ba hũ khác bị mất nắp đậy. Và bất cứ hũ nào cũng đầy nhưng dòi là dòi! Thôi, thế là dầu chưa có súng đạn nổ ra ở đây, cảnh tượng ấy đối với bà tôi đã đủ cái bi thảm của một cảnh chiến trường rồi..

Buổi trưa hôm đó, tôi ở lại nhà, nằm nghỉ ngay trên giường bà tôi.

Ngôi nhà không người tự nhiên lại mát mẻ hơn mọi ngày. Một con nhện đu đưa ở đầu một sợi dây tơ thả lửng lơ giữa nhà. Một con ong bầu bay quanh vài vòng rồi chui vào cái lỗ khoét ở lòng trính. Một ngọn gió phất nhẹ, cây lúa con mọc dưới ngạch cửa phe phẩy chiếc lá non. Một con chuột nhỏ, thấy im vắng, chạy ra đến giữa nền nhà, rồi ngập ngừng, đứng lại, quơ cái đuôi nhọn một cách e ngại. Con nhện chạy quanh cây cột rình bắt con ruồi. Và bụi một lạng lẹ rơi lên mặt chiếc phản gỗ ở phía chái nhà trên ..

Mọi vật ở đây đều yên ổn. Và mỗi tiếng co chân, tiếng trở mình của tôi trên chiếu đủ làm kinh động cả cái thế giới những con chuột, con dạn ..

Hàng ngày, lẳng xẵng giữa sự hoạt động của gia đình đông đảo, chưa có bao giờ như buổi trưa hôm ấy tôi ngừng lại trong cảnh vắng vẻ, thăm thía sự sống thân mật trong khung cảnh ngôi nhà quen thuộc của mình.

Lúc này tôi mới rõ cái gì đã khiến bà cụ già sống ngọt nửa thế kỷ trong ngôi nhà ấy cứ quanh quẩn không chịu quyết định rời bỏ nó để đi lánh nạn.

Có một vật gì cộm dưới lưng. Tôi lật chiếu lên xem: thì ra là một cây quạt! cây quạt của bà tôi, có buộc một sợi chỉ ở sau cán để phòng những khi đi xa thì gài vào nút áo cho khỏi rơi mất.

Tò mò, tôi điểm qua các vật dụng để trên chiếc giường mình đang nằm. Một cây chổi bằng cọng dừa dùng để đuổi muỗi treo giọc theo cây trụ mừng. Một hộp thuốc tế bát vị đã cũ, dùng đựng thuốc rê và giấy quuyến, để dưới chiếu, phía đầu giường. Một hộp quạt vỏ rất cũ kỹ, ba cây đèn cầy, để ban đêm bà tôi thức dậy cầm đi soi khắp các xó xỉnh trong nhà. Một gói giấy, trong có mấy tờ bạc vuốt rất thẳng... Nhưng đồ vật nhỏ nhặt, những sắp đặt tỉ mỉ, những thói quen thân thiết đã lâu đời .. một nếp sống đã ao-bại và thu hẹp lại trong những hoạt động vật-văn! Bà tôi đã bận tâm về những cái ấy hơn bất cứ cuộc tấn công quân sự nào.

Tôi nằm nghỉ đến mỗi buổi chiều của bà tôi trong ba hôm rồi, nằm ở một hè nhà dưới chân núi, xung quanh lúc nào cũng lao nhao người vật ngổn ngang, ba hôm xa lạ: những chum mắm và những cây nển, xa lạ cây quạt có sợi chỉ buộc đang cán!...

Có tiếng khua ở trước sân. Tôi xô một cánh cửa sổ, trông ra. Một người đang lom khom bưng tía mắm đã

nghe ngửi, trút cả vào cái tô lớn thường dùng uống nước chè Huế. Tôi bước ra, người đàn ông quay lại: anh Bốn Thôi! Anh ta cười, bảo: « Anh em dân quân xin miếng mắm ăn cơm ». Anh ta cúi xuống tiếp tục chắt hết nước mắm vào tô, xong rồi ngẩng lên, thông thả nói thêm, để phân trần: « Mấy hôm nay không có chợ, trong xóm lại không có đàn bà để kiếm cái ăn. Phải xin chút ít của đồng bào!... Uà! heo lại lật đổ mắm nữa, hôm qua, hôm kia, ngày nào vô đây tôi cũng thấy có đôi ba hũ mắm bị ngã, đỡ lên xong lại bị úi ngã nữa. Không biết con heo nhà ai? »

Cho đến khi tình hình thực yên ổn, bà tôi hồi cư thì rác trong vườn có được dãi dãi phong phú khác thường, tha hồ cho người dọn đốt. Tuy nhiên hầu hết lũ mắm của người đã chẳng còn gì nữa: phần thì bị heo phá đổ, phần thì anh em dân quân mượn dùng.

Tôi từng nghe trong chiến tranh nhiều nhân vật tên tuổi bị thiệt mất hoặc một thư viện gồm mấy vạn cuốn sách quý, hoặc một kho tàng đồ cổ vô giá. Nhưng sự thiệt hại như thế khiến cả xứ cùng tiếc. Trái lại chưa nghe nói có ai xúc động vì một sự thiệt hại tương tự như sự thiệt hại của bà tôi. Tuy thế mà so sánh về sự buồn rầu của kẻ bị mất mát, thì vị tất bà tôi đã chịu nhường các nhân vật kia. Nhất là từ đó cho đến khi nhắm mắt qua đời, người không thể nào gầy dựng lại được « cơ sở » như trước nữa.

Sau cuộc nhảy dù ấy một tháng có cuộc đổ bộ ở duyên hải, cả làng lại tản cư lần nữa. Hai tháng rưỡi sau, mặt trận An-Khê muốn vỡ: dân chúng được

lệnh sơ tán tài sản, vật dụng. Nhưng cuộc chuyển dời liên tiếp như vậy trở ngại công việc mùa màng và hao hụt vật thực lúa gạo của mọi gia đình. Trong tình trạng luôn luôn bị náo động ấy mọi người trong nhà cố giải thích với bà tôi rằng mua sắm tích chứa mắm muối thực là không hợp thời. Bà tôi rầu rĩ, và những lúc nhàn rỗi lại thủ thỉ kể chuyện với tôi về mắm (mắm bấy giờ bắt đầu thuộc về « mọi lần ») bằng tất cả sự luyện tiếc.

Bước qua tháng bảy năm đó bà tôi nhuộm bệnh. Người chịu không nổi sơn lam chường khí trong các kỳ tản cư, chịu không nổi những sự xúc động lo hãi, buồn rầu liên tiếp.

Những bà cụ già bảy tám mươi tuổi, mắt mờ tai nặng rồi, họ không còn đủ minh mẫn để nhận thấy các biến cố xảy đến trong xã hội hiện tại. Họ sống với dĩ-vãng. Họ bám giữ các thói quen cũ, cù-cù trong cái thế giới riêng của mình, mỗi ngày mỗi tách xa, quá tầm rêu gọi của cuộc sống hiện tại. Đời chỉ còn nom thấy những cái lưng còng của họ càng ngày càng xa khuất. Nhưng một khi cảnh sống huyền ảo ác liệt bất ngờ làm xúc động đến họ, gọi giật họ về thực tại, họ sẽ hoảng hốt kinh hoàng, thần kinh rối loạn; họ không chịu nổi nữa.

Trung tuần tháng chín, trung đoàn trưởng trung đoàn 80 là một người Thổ, toan lập chiến công đặc biệt, lựa chọn toàn cán bộ từ trung đội trở lên, thành lập một đơn vị quyết tử, đốt lửa ăn thẻ, lấy quốc kỳ làm khăn quàng, cử đêm tấn công đánh úp đồn Thượng-An. Đến chín giờ sáng hôm sau, tám phần

GIẤC MỘNG XUÂN

Chim nhớ lòng tổ ấm,
Người ngùi hương xa xôi...
Lạnh lùng anh én hận,
Giông tố qua cuộc đời.

*
*
*

Mây nặng phủ quanh trời,
Trùng trùng hoa tuyết rơi...
Cây trơ sầu lắng đợi...
Một tia nắng lên khơi!

*
*
*

Lòng ta cũng như cây,
Sầu đông lạnh chắt đầy.
Mỗi mong tia nắng ấm.
Sưởi hồn trong phút giây.

*
*
*

Một phút thôi nắng ỏi!
Một phút để yêu đời.
Cuộc đời đầy khổ lụy,
Một mình ta chơi vơi...

*
*
*

Trời Đông xuân nào nức!
Quê người mộng dở dang...
Hồn ai bừng thao thức,
Tình đơn ắp mộng tàn!

*
*
*

Nàng xuân đã về đây.
Lạc bước nơi trời Tây,
Nhưng tình Xuân vẫn dịu
Ủ lòng ai vơi đầy.

MỘNG-TRUNG

mười đại đội quyết tử bị tiêu diệt. Viên trung đoàn trưởng Văn-Danh tử trận. Kế hoạch đánh đồn thất bại nhanh chóng và bất ngờ làm hoang mang bối rối toàn thể binh sĩ. Chỉ trong vòng ba hôm sau, tin dữ loan truyền ra khắp tỉnh: dân chúng lo sợ địch thừa cơ hội toàn thể trung đoàn mất quá nửa số cán bộ chỉ huy, đánh rớt xuống. Nhà nhà lại rục rịch sơ-tấn con nít và người già. Bà tôi lắc đầu, không chịu xa nhà một lần nữa: người tự xét đã yếu lắm, muốn được ở yên tại nhà mình cho dù tình thế có ra sao đi nữa.

Tình thế rồi lại tạm yên. Nhưng các sự lộn xộn trong năm làm cho sinh kế gia đình khó khăn, vật thực thiếu thốn. Vào những ngày mưa gió đầu tháng mười, bà tôi bệnh tình bắt đầu trầm trọng. Một hôm người chột nghe mẹ và các cô tôi kêu than là nhà thiếu hẳn mắm để ăn, tiếc rằng đến lúc cần thiết nhất thì số mắm tích trữ của bà tôi lại bị phá-hủy. Bà tôi đang lịm dim bỗng mở mắt ra, gọi mẹ tôi lại, đàm đạo về mắm. Lần đầu tiên trong những năm về già, người được dâu con tán thưởng về việc trữ mắm. Người hoan hỉ ra mặt, quên hẳn cơn bệnh, dặn dò chỉ bảo mẹ tôi nhiều điều để cố gắng gây dựng lại một cơ đồ mắm muối!

Khi bà thăm mệt, ngừng nói, ngủ thiếp đi, mẹ tôi rón rén bước ra khỏi phòng. Gặp các cô, mẹ tôi nhếch miệng cười buồn bã.

Tối hôm đó bà tôi phát nóng, mê sảng. Nửa đêm bà trụt xuống khỏi giường, định lần dò đến vông, nhưng loay hoay mãi không tìm ra phương

hương. Người lạ lối ngay trong nhà mình, trong ngôi nhà quen thuộc mà người không bao giờ muốn xa rời. Bà tôi là ú ó. Mọi người thức giấc, dìu người trở lại giường nằm. Ai nấy đều lo ngại cho bệnh tình người. Tuy vậy, từ đó thỉnh thoảng tỉnh táo người lại hỏi thăm mẹ tôi về công việc mắm muối, người khích lệ mẹ tôi.

Sự thực thì độ ấy không cần có sự khích lệ của bà, gia đình vẫn cố dành dụm mua cho được mắm để ăn. Mùa tháng mười năm đó, hơn tất cả mọi năm, nhà tôi đặc biệt chú ý tới cua: vừa mua, vừa đồ ra đồng để bắt. Các cô tôi xúm nhau ghen cứ và thí nghiệm các cách làm mắm. Tuy nằm bệnh một nơi, bà tôi vẫn không bỏ qua những biến chuyển quan trọng và hợp ý như thế.

Các cô tôi làm hồng liên tiếp bốn hũ mắm cua chua. Đến hũ thứ năm thì kết quả tốt đẹp không ngờ; nếm thử một chút, ai nấy đồng thanh công nhận là không thua mắm của chị Lộc.

Bà tôi được báo tin ấy, mỉm cười. Cái cười của người vừa có nghĩa an ủi khích lệ vừa có vẻ đắc thắng: con dâu lại trở về với những chăm chút của « mọi lần ».

Nhưng người không gượng được nữa. Người mất ngay hôm ấy. Trong tất cả « đồng » họ tôi, không ai ngờ sự thành công nhỏ nhất về một hũ mắm cua chua lại thành ra nguồn vui cuối cùng mà bà tôi được hưởng trên đời.

(còn tiếp)

VÕ-PHIÊN

Nhật báo

NGÔN LUẬN

TỜ BÁO ĐẦY ĐỦ NHẤT

THỎA MÃN ĐƯỢC
CỦA
TRONG

MỌI

NHU CẦU
NGƯỜI
GIA ĐÌNH

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlăuv Preah Kossamăc



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

NỖI LÒNG

CỦA BAN BIÊN TẬP BÁCH KHOA

TRONG LÚC ĐÓN XUÂN VẺ

NGUYỄN-NGU-I

Ông Táo đã về trời. Trường học vừa đóng cửa.

Báo Xuân phơi bày ở các sạp cũng bắt đầu lọt thắm phai hồng.

Tôi chợt nhớ đến lớp người cầm bút (trong đó có cả mình) đã suốt năm bị nợ văn nghiệp báo mà quay cuồng với giấy trắng mực đen, nay thì hẳn thời giờ rảnh rang, tâm hồn thơ thái trong dịp duy nhất cuối năm này. Còn dịp tốt nào hơn để mình có cơ hội đối diện với chính mình, để cởi mở tâm sự..., và cũng để chính mình xem lại coi mình có chút nỗi niềm gì chăng.

Vậy thì còn chờ chi mà chẳng quấy rầy « bà con trong nhà » để độc giả càng cảm thông với Bách-Khoa sau năm năm bầu bạn.

Nên tôi lại lên đường.

*
* *

Anh Huỳnh-Văn-Lang ở từng lầu thứ ba, đầu đường Pasteur.

Tôi không dùng thang máy, mà lại đi bộ, vừa để tìm vài câu hỏi chất vấn ông chủ nhiệm Bách Khoa, vừa để có cái thú nhai một câu thơ của Hồ-Xuân-Hương :

« Một từng, một từng, lại một từng ».

Chân bắt đầu mỏi mà óc chưa loé một câu hỏi nào ưng ý. Nhưng đã đến trước nhà « đương sự », thì phải bấm chuông vậy.

Chủ nhân tiếp tôi bằng một nụ cười trai trẻ, và phòng khách đón tôi với những con cá sấu, những đầu bò rừng, những da cạp với những ngà voi, với những bức tranh vẽ người, vẽ cảnh, vẽ tĩnh vật, vẽ hoạt cảnh, với cả tranh trừu tượng mà tôi chẳng biết vẽ cái gì ! Trên bàn dài, nằm mấy cây súng trường đang tháo dỡ.

Tôi khó mà khỏi ngạc nhiên. Tưởng gặp anh ngột ngạt giữa vòng vây của những con số là con số, nào ngờ anh đang thông dong với tranh, với súng, với các « chiến lợi phẩm » thâu được ở rừng sâu.

Số Bách-Khoa kỉ niệm năm năm đề trước mắt gọi tôi hỏi :

— Độc giả và một số anh chị em quen biết muốn rõ vì sao khá lâu, anh chẳng viết bài Kinh-tế cho Bách-Khoa, rồi đến Bách-Khoa lên năm, anh kỉ-niệm bằng một bài Chánh-trị, anh lên tiếng đề « *Thứ bàn về vấn-đề khắc kho* », nên tôi đến thăm anh, hỏi chút nguồn cơn...

Anh khoanh tay, dựa vào ghế, ra chiều khoan khoái :

— Tưởng gì chớ thế thì tôi tả lời anh ngay !

« Tôi nhận thấy những bài về kinh-tế mình viết nhiều khi bị hiểu lầm. Mà bị hiểu lầm vì chức vụ hiện thời của tôi. Khi viết, tôi đã cố gắng hết sức khách quan, viết với mục đích phổ-thông vài điều chuyên môn, hoặc nêu lên một số nhận xét, đề nghị mà tôi nghĩ cần phải đưa ra ; hoặc trong chánh sách chung, tôi có gì góp ý ; hoặc khi thi hành chánh sách, tôi thấy có gì trục trặc...

— Trong phạm vi chuyên môn của anh ?

— Dĩ nhiên là tôi không đi « cao quá đôi giày » khi tôi là người thợ giày. Thế mà lắm khi tôi còn bị mang tiếng là viết đề đả kích hay vạch áo cho người xem lưng.

Và anh mân mê bóng súng.

— Thế còn có gì nữa không anh ?

— Còn, anh à... Và đây là cơ chánh. Tôi có cảm tưởng mình đặt cái cây trước con trâu. Dường như độc giả ít quan tâm đến những vấn đề kinh-tế tôi viết, chẳng biết tại phần đông bạn đọc chưa tha thiết đến ngành kinh-tế, hay tại tôi chưa có tài làm cho vấn đề chuyên môn đưa ra hấp dẫn người đọc. Bởi vậy hai năm nay tôi dành thì giờ viết báo đề soạn bài giảng cho sinh-viên trường Đại học Sư-phạm, có ích lợi ngay trước mắt và khỏi bị hiểu lầm.

— Anh cho phép tôi tò mò một chút, anh nhé. Sau khi đăng bài về khắc khoải rồi, có phải đề « *tri hành hợp nhất* » mà năm nay, anh chẳng tổ chức buổi tiệc trà đề kỉ-niệm Bách-Khoa lên năm như mấy năm trước ?

Ông Quản - nhiệm Bách - Khoa nhìn tôi, cười, mà chẳng nói. Tôi hiểu ngầm cái nhìn và nụ cười rất miềm Nam ấy có nghĩa : « Ai đời lại hỏi như thế chứ ! »

Tôi bèn xin cáo từ và anh tiễn tôi xuống tận đường.

*
* *

« Trúc xinh trúc đứng đầu đình... »

Nhưng cô Trúc-Liên lại đứng ở đầu ngưỡng cửa phòng triển lãm tranh của Đô thành. Gặp cô, là y như thấy nụ cười xinh xắn và trẻ trung của cô trước.

Cô vui vẻ hỏi trước :

— Lâu quá không gặp anh, chắc anh bận vì cái « nợ » phỏng vấn, nay hẳn hết nợ, anh mới...

Tôi ngắt lời người thanh nữ chuyên trông nom các phòng triển lãm tranh.

— ... đến nói chuyện phiếm với cô đây. À, sao lâu quá, không thấy cô viết lách gì. Có người bảo tại giờ cô quá thiết tha với hội họa mà phụ phàng với văn chương ?

Cô hơi đỏ mặt.

— Nào tôi có phụ văn chương đâu. Từ lúc nào, tôi vẫn thiết tha với cả hai. Sở dĩ dạo này, tôi đề yên cây bút là vì... là vì như anh biết đó, không thể mình đeo đuổi hai việc cùng một lúc...

— Mặc dầu mình tha thiết cả hai ?

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật nên các bài phỏng vấn văn nghệ đăng trên Bách-Khoa phải tạm gác lại 1 kỳ. Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc.

B. K.

Cô lại đỏ mặt.

— Thế là anh hiểu rồi đó. Khi lòng mình đang rộn rã, thì...

Thấy cô lúng túng, tôi vội hỏi sang việc khác.

— Sao cô sống với « giót cọ, màu, nét » nhiều, mà cô chẳng viết gì về hội họa ?

— Vì tôi muốn « trung lập » : tôi quen nhiều anh chị em họa sĩ, nói lên những nhận xét, cảm tưởng của mình, thì sao khỏi đụng chạm, khới mích lòng. Mỗi họa sĩ có một lối vẽ riêng, mà mình chỉ thích có đôi lối nào thôi.

— Theo cô, thì tranh ai cô thích nhất ?

Cô lại đỏ mặt, lấy tay nhẹ hất đôi chòm tóc là đà.

— Anh miễn cho tôi câu này. Câu anh hỏi coi vậy mà khó trả lời.

— Vậy câu này, để, cô đừng trốn tránh : cô có chuẩn bị gì để ăn Tết chưa ?

— Rồi, anh ạ. Mứt, bánh, dưa giá cá kho, dưa món có rồi. Tối nay, tôi vẫn rạo rức khi Tết đến, như hồi nhỏ : Cả một năm dài, lo, nghĩ mưu sinh, Tết đến, là để mình lấy lại sức, tìm lại tin, yêu, thì thờ ơ sao được, anh. Mà này, xin anh nói với bác Xuân-Hiến tôi đành cam lỗi chẳng có thơ xuân cho Bách-Khoa số Tết năm nay. Vì sao chắc bác Xuân-Hiến và các anh em cũng đã thông cảm giùm tôi rồi !

*
* *

Chạy đi bắt mạch tâm sự anh chị em nhà văn lúc ông Táo đã về Trời, thì các bạn dư biết nó một thế nào rồi. Ấy đó mà vừa thấy mặt tác giả : Cái bong bóng lợn, anh Phan-Văn-Tạo, là bao nhiêu cái mặt đều tiêu tan, đều lép xẹp như bong bóng xì hơi. Người tròn trịa, mặt no tròn, ánh mắt làn môi đều tỏa sự yên vui, còn ai hơn anh để biểu hiệu cho hạnh phúc bình yên. Anh nắm tay tôi, kéo vô phòng khách, ấn tôi xuống ghế êm.

— Ngu-Í tiên sinh cuối năm đến tề xá về vụ gì đây ?

Nói xong hai tay anh đề lên đùi, chờ đợi.

— Anh em đồn vì anh đòi nghề nên nghiệp văn anh phải thiệt, từ ngày anh « thay bọc đòi ngôi » tới nay, không thấy anh có truyện gì đăng báo cả.

Anh nhìn thẳng tôi, trần trối, miệng chẳng chịu mở lời, ý chừng cho câu hỏi của tôi kém... thông minh, nên im lặng cho qua vậy.

— Các bà các cô... nội trợ cho rằng « cái bong bóng lợn » độc nhất của họ Phan tên Văn-Tạo xì hơi rồi.

Anh tròn đôi má no nê, đáp vội :

— Chưa xì hơi đâu. Đang lấy hơi thì đúng hơn. Và lại, lúc mình ấp ủ đề viết thì tuy là mình không viết đấy, nhưng cũng chẳng khác gì mình đang viết vậy.

Tôi thán phục : không có, có, không, không viết mà đang viết, quả anh bạn văn này đã tạo ra một lối trả lời đáng nhớ.

— Sau tập truyện ngắn đó, anh có định rồi sẽ viết một truyện dài không ? Nếu có, xin anh cho biết qua nội dung.

Anh nghiêm nét mặt, làm tôi ngại anh sẽ dùng giọng khác giọng nhà văn để trả lời mình.

— Có nhiều bạn khuyên tôi nên viết một truyện dài. Và các bạn ấy khuyên tôi mà như muốn cho tôi hiểu rằng truyện dài giá trị hơn truyện ngắn.

— Và người viết truyện dài « nặng cân » hơn người viết truyện ngắn ?

— Thì đã rõ như ban ngày. Ngay câu hỏi của anh cũng có ngụ ý « bên trọng bên khinh » đó. Riêng tôi, tôi mê truyện ngắn (tôi bắt gặp anh vừa nói câu này, vừa liếc ra sau, tôi nhìn theo, thấy chị ở phòng bên cạnh bước qua, với hai li nước cam tươi sô-đa).

— Vì mê truyện ngắn nên hễ ai tỏ ra ý gì khiến tôi có thể nghĩ rằng có một sự so sánh giữa truyện dài và truyện ngắn là tự nhiên tôi có cảm tưởng như có ai chê người yêu của mình xấu.

Hai li nước cam tươi sô-đa được đặt nhẹ trước mặt chúng tôi. Ngẩng lên tôi bắt gặp nụ cười mời mọc của nữ chủ nhân, một nụ cười thoáng đượm vẻ ngờ vực như là chúng tôi đang nói chuyện gì không đúng đắn.

— Tôi nói tiếp ý vừa rồi : tôi có cảm tưởng như có ai chê vợ mình không phải là người vợ đảm.

Và anh vuốt ve chị bằng một cái nhìn âu yếm. Lời khen khéo kia, cái nhìn ý nghĩa nọ làm chị vừa thẹn thẹn vừa sung sướng, và cái vẻ ngờ vực biến mất !

Chợt nhớ còn phải thăm nhiều bạn nữa tôi đứng dậy. . . Anh tiễn tôi ra cửa, không quên khoe cây lựu đơm bông nhiều ở sân.

* *

Qua một nhịp cầu nhỏ, theo một khúc sông con, tôi tới một mảnh vườn xinh xắn có tiếng thông reo. Cảnh trí gợi một cảm giác thanh bình, thôn dã ; cảm giác ấy càng rõ rệt khi tôi thấy nhà thơ Đoàn-Thêm đang thơ thẩn giữa vườn hoa nhỏ trước nhà trong bộ đồ quốc phục vải nỉ hóa trắng. Trông anh có vẻ người thư sinh của thời «Bích-Câu kì ngộ».

— Tại sao đang luận về văn chương, về các vấn đề xã hội, anh lại quay bàn về hội họa ?

Anh rót trà, mời tôi thưởng thức, mà chẳng trả lời.

— Phải chăng vì anh thấy chưa một ai nói đến, nào anh thử lên tiếng xem sao ?

Lần này anh mới đáp :

— Anh chịu khó chờ ít lâu, quyển sách về hội họa của tôi đang in, có lời tựa của Nam-Chi từng thư giải về điều anh muốn biết.

— Có nhiều anh em hỏi : sao anh yêu văn chương từ lâu mà mãi về hồi sau này mới viết ?

— Tôi tự xét còn phải đợi cuộc đời giúp cho liêu hóa cái học trong sách, và tập nhìn nhận suy nghĩ cho rưng rọt một ít tóc, rồi mới dám thừa chuyện với bà con. Giá thử tôi chỉ theo hứng mà rung đùi múa bút từ trước, thì chắc hẳn sau này phải ngượng hay tiếc khi đọc lại tác phẩm của mình, và lại phải phủ nhận phần lớn những điều trót viết ra, nhất là những bài thơ tình : có khi bạn thân đưa cho xem lại một bài đã gởi bạn từ xưa, tôi thấy dơ dáy quá, phải vội dăng lấy xé phăng đi.

— Vì thế bây giờ anh đã cố kìm hãm tình cảm và... yêu đương ?

— Kể cũng khó anh ạ. Dù sao tôi muốn dè dặt vì tôi rất ngờ vực những gì bỗng bột sôi nổi : nhiều khi chỉ nhất thời,

mà khi sáng tác, thì ai chẳng muốn trong tác phẩm có chút gì lâu bền hơn. Và lại, đã khá lâu tôi tra những vẽ đẹp nhẹ nhàng kín đáo.

— Có nhiều người đã tỏ vẻ ngạc nhiên là anh rất bận rộn công việc hằng ngày, mà sao còn viết được nhiều như vậy ?

— Anh cũng biết có bạn ham điện ảnh, dù bận rộn mưa nắng hay túng tiền, cũng cố đi 4 lần một tháng; mỗi lần mất độ 3 giờ, kể cả đi, về, vậy mỗi tháng mất chừng 12 giờ. Với 12 giờ có thể viết một hai bài báo, nếu sẵn tài liệu hoặc đã từng suy nghĩ nhiều về một vấn đề. Ấy là chưa kể những vị nào vấn vương vào một người đẹp : bạn thế nào mà không thu xếp nỗi đề có đủ thời giờ cần thiết ? Khi có duyên nợ với văn chương nhất là với nàng Thơ, cũng vậy. Hễ ham thích thì vẫn liệu được. Có bạn đi ô-tô-buýt hoặc vừa xong ván quần vợt, cũng thấy nảy ra những vần lâm li. Về phần riêng, những vấn đề hoặc những thắc mắc đem trình bày, đều là những sự tình đã được nghiền ngẫm từ lâu khi chưa định viết văn làm thơ, chỉ đề tìm lấy cho mình một nếp sống. Cho nên khi các trường hợp thúc đẩy viết, thì sự thu thập lại tài liệu, hoặc sự tìm lời hạ bút cũng không đến nỗi bất thức suốt đêm.

Tôi đứng dậy, bắt tay anh vừa hỏi anh câu chót, một câu hỏi ... vẫn vơ :

— Anh cho biết năm nay, anh định ăn Tết ra sao ?

— Tôi đang tập ăn Tết theo lối ông Tư.

— Nghĩa là ?

— Nghĩa là xin mời anh lật Bách Khoa số Tết năm rồi, xem bài « ông Tư ăn Tết » của tôi.

Tôi mà có muốn hỏi gì thêm cũng đành cười.

*
* *

Cảnh gia đình anh Đoàn-Thêm quây quần chung quanh buổi cơm nó ấm quá, làm tôi nhớ đến cảnh cô quạnh của một người bạn khác, nên tôi lái xe về hướng Cô-Liêu.

Bước vào sân, đã thấy anh ở trần loay hoay với chiếc mô bi lét đã tróc khá bộn nước sơn đen.

Tôi vội hỏi :

— Anh Cô-Liêu có tin tưởng ở tương lai khoa học không ?

— Tin

— Thế, Mĩ Nga họ dùng hỏa tiễn để lên cung trăng chẳng hay mình sẽ dùng gì để viếng chị Hằng ?

— Mô bi lết không xong, thì bắt buộc phải dùng xe đạp vậy.

Cô-Liêu khoa học quả là đáng trí như những nhà khoa học đại tài, có hỏi anh thêm về Tết nhất chắc anh cũng trả lời lạc đề, tôi thở dài lẳng lặng già từ anh, đi đến nhà cô Phương-Thảo.

*
* *

Cô Phương-Thảo tươi cười tiếp tôi giữa những chồng sách báo cao ngất.

Ôi sách sao mà nhiều thế. Sách ở cửa, sách trong sân, và sách phơi cả trên mái nhà ! Lợi dụng lúc người đẹp đương vui vẻ, tôi hỏi ngay :

— Nhờ chị cời giùm cho bạn đọc Bách-Khoa điều thắc mắc này : Số là bà con thấy trong các bài phê bình, điểm sách của chị, lời văn thì đánh thép lập, luận lại sắc bén, dường như ít tình ít cảm, nên họ không tin rằng chị thuộc về giới .. vừa được « bán quân sự hóa » !

Cô Phương-Thảo bỗng ửng hồng đôi má, đỏ ngay nét mặt, và xằng giọng :

— Vậy để người ta cho tôi là đàn ông sao ?

Tiếp chuyện một người đàn bà đương lúc nổi giận là một điều rất dạt dột. Biết vậy nên tôi vội vàng rút lui ngay, về xuống nhà tìm con người hiền lành nhất là anh Xuân-Hiển.

*
* *

— Sao năm nay không có thơ vui về xuân ?

Xuân-Hiển nổi dóa bất ngờ :

— Thơ gì nữa ? Bài các ông Vũ-Hạnh, Võ-Phiến, và cả Ngũ-Í nữa đưa đã muộn mà chữ lại viết lối đại thảo, móc lên thêm xuống, sáng đưa một tờ rưỡi, chiều 2 tờ, tối một tờ, không đánh số trang, giấy một mặt in quảng cáo xi-nê, một mặt viết chữ hà tiện, khi bắt các ông đọc lại cũng không biết mình đã sáng-tác những gì ? Tôi đã

sưu tập bút tích của các ông đề sau này hậu thế bán đấu giá kiếm chữ các thiên tài đấy. Đây là chưa kể đúng ngày báo ra còn khát bài và anh Lê-Châu đưa chưa trọn bài đã hỏi báo xong chưa ! Nàng Thơ của tôi mất hồn mất vía lên về bài vở rồi còn đâu dám thò ra nữa ?

Như trút một hơi được hết gánh bực mà Ngu-Í đại diện lãnh, Xuân-Hiến lại mỉm cười hỏi :

— Bài đâu ?

Tôi vội vàng đưa ra một tập giấy đã ghi chép được ít trang : « Phòng văn sắp xong rồi đây ». Vừa nói vừa lần nhanh ra cửa cho xe chạy thẳng đến nhà Võ-Phiến là người mà Xuân-Hiến vừa nhắc nhở tới trong danh sách những kẻ « viết-bản-thảo-mà-không-ai-dọc-được ».

* *
*

Không biết có cùng nhau hẹn trước không mà nhà văn hiện sống ở kinh đô nước nhà, hầu hết đều ở trong ngõ hẻm. Tác giả « Đêm xuân trăng sáng » hơn các văn hữu ở ngõ hẻm khác là căn nhà anh muốn có cái sân khá rộng ở trước, và ở sau có căn gác gió thênh thang, nhìn ra một dòng nước uốn cong với đám cỏ rau mát mắt.

Chính trên căn gác gió trăng tha hồ đến này Võ-Phiến đã thân mật tiếp người lặn lội lục năm tàn.

— Nếu tôi nhớ không lầm thì mỗi năm anh đều có một tập truyện ngắn ra mắt hải nội chứ độc giả, vậy anh có nghĩ nên có một truyện dài ra mắt đồng bào ở năm thứ năm chẳng ?

— Anh nhớ hơi lộn : Mùa đêm cuối năm in năm 1958, Đêm xuân trăng sáng in năm 1961, cách nhau hơn hai năm.

« Tôi rất muốn tập thứ năm là một truyện dài, nhưng nó sẽ không được dài. Và tập truyện tôi sắp in sẽ không dài quá... một trăm rưỡi trang ».

Sau đó, anh đem cho tôi xem mẫu bìa do Nghiêu Đề vẽ. Thấy anh ve vuốt bìa sách như ve vuốt một đứa con cưng, tôi bèn nhớ lại một điều, hỏi :

— Tại sao trong các truyện của anh, « bàn tay » của vài nhân vật anh sáng tạo đóng một vai trò... đặc biệt ?

Bàn tay nhỏ nhắn của anh thôi hoạt động, và anh nhìn tôi, ngờ ngác phần nào :

— *Thiệt vậy hả anh? Anh thấy tôi chú ý đến bàn tay nhiều lắm sao? Anh nói tôi mới biết. Tôi thử tìm một lí do xem sao. Trên thân người, ngoài bộ mặt ra, có lẽ bàn tay biểu lộ được xúc động nhiều nhất. Khó có dịp nhờ bàn chân, cái ngực hay cái vai mà tìm hiểu được một xúc động của ai, đó là những bộ phận không chịu tiết lộ gì, không bép xép. Bàn tay, trái lại, tôi muốn nói tiết lộ một cách vô ý thức. Chứ còn khi anh muốn tự ý biểu lộ ý anh muốn gì với ai, thì anh vẫn có thể hoạt động bằng ngón chân gót chân, cùi chỏ... người ta dư sức hiểu ngay!*

*
* *

— *Đi đâu mà vội mà vàng thế! anh Phạm-Hoàng cho tôi hỏi đôi điều cái đã nào!*

« Sau khi « *Thắc mắc* » đã đời anh đề cuộc đời trôi theo « *Dòng tư tưởng* » Tư tưởng... cạn dòng, anh « *Nhận định* ». Nhận định chưa biết đến đâu, anh lại ngừng ngang, thành bạn đọc không hiểu vì đâu, anh luôn luôn đòi ý như vậy.

— *Có gì đâu, anh. Vì không có không khí thuận tiện để viết.*

— *Thế sao anh không tìm nó.*

Anh cười rất là duyên dáng, rồi nháy tôi như muốn bảo:

« *Non cao đất rộng biết đâu mà tìm* ».

*và bước nhanh về phía tòa soạn tạp chí *Mat*.*

*
* *

Bắt gặp Tràng-Thiên đang nằm trên cái gác lộ thiên của anh, tôi kêu:

— *Quanh năm chẳng thấy mặt anh ở tòa soạn lần nào!*

Tràng-Thiên cười:

— *Năm nhà đóng cửa đọc sách mà!*

— *Và phê bình nữa chứ!*

— *Không, tôi chỉ đọc sách và khi thấy quyển nào đáng chú ý thì giới thiệu qua loa với độc giả thôi; còn chuyện phê bình, phân tích, lí luận cặn kẽ đông dài là chuyện của cô *Phượng-Thảo*... Công việc của tôi nhẹ nhàng hơn nhiều.*

— Đọc tất cả sách của thiên hạ mà anh cho là nhẹ nhòng !

— Nói cho đúng thì phải nói là đọc truyện. Hầu hết những tác phẩm mà tôi đọc và giới thiệu đều là truyện cả, chỉ thỉnh thoảng mới có một tập thi, một quyển kịch... Những sách biên khảo nặng nề thì để dành cho cô Phương-Thảo.

Tôi bật cười hỏi :

— Anh không bao giờ gặp anh em tòa soạn, nhưng coi bộ thường tiếp xúc chặt chẽ với cô Phương Thảo : công việc gì cũng chia nhau tử tế phân minh lắm.

Anh chòng đở mặt như gấc, chối liền :

— Đâu có, đâu có. Mỗi người một việc, ai có phạm vi nấy. « Tuyệt nhiên định phận tại... » Cần gì phải giao du thân mật với nhau !

*
* *

Tôi tạt qua nhà Thu-Thủy, thì trước sau nào thấy bóng người, mà ở cửa ra vào, tòn ten một tấm bảng đen với mấy chữ trắng :

« Chúng tôi về quê ăn Tết ».

Cặp vợ chồng son trẻ mới cưới này hẳn là muốn xa gió bụi kinh thành và nhất là không khí bài vở để hưởng trọn một mùa xuân chỉ-có-dôi-ta.

*
* *

Tiện đường, tôi ghé thăm anh Nguyễn-Hiến-Lê.

Anh vừa khỏi một cơn đau, tóc dường như có bạc thêm song đôi mắt anh vẫn linh động như những hồi mạnh. Hớp tách nước trà xong, là tôi hỏi :

— Mọi năm, anh có bài về tình hình ngành xuất bản trong nước, năm nay sao chẳng thấy anh nói gì ?

Anh trả lời ngay :

— Năm nay tôi không có bài vì không có gì để nói. Tình hình ngành xuất bản không sáng sủa hơn.

— Nhưng có tối tăm hơn không anh ?

— Tối tăm thêm.

— Còn sang năm ?

— Sang năm, chắc hẳn còn tối tăm hơn nữa. Tôi mới hay tin nghiệp đoàn các nhà xuất bản thành lập ủy ban phân phối sách. Hôm họp tôi đau không đi được. Công việc nghiệp đoàn quyết định ra sao. Liệu có thành công được không ? Ta còn phải đợi xem nghiệp đoàn hoạt động rồi mới biết được.

— Anh có chương trình xuất bản và soạn sách cho năm tới chăng.

Anh nhìn ra khu vườn nhỏ vừa mới lập, rồi mới trả lời :

— Lúc này, không thể lập chương trình xuất bản gì được cả, anh à. Tôi thấy chỉ nên thu hẹp hoạt động lại mà chờ...

— ... chờ thời ?

Anh cười nhẹ, gõ đầu gối thuốc cho tàn rơi :

— Chớ chẳng lẽ chờ chết à ?

Tôi cũng cười theo.

— Còn việc soạn sách, thì tôi cũng có chương trình làm việc cho năm tới, nhưng khi nào làm được nửa công việc rồi mới dám chắc là làm hay không.

— Nghe nói anh đang cho in cuốn « Tương lai ở trong tay ta » và bộ « Hương sắc trong vườn văn » cũng ra mắt bạn đọc trong năm tới.

Anh gạt đầu. Hỏi anh đối với Tết ra sao, chuẩn bị Tết thế nào, thì :

— Anh hỏi về Tết làm gì ? Mình tới cái tuổi không thấy Tết là vui nữa rồi, mà chỉ thấy mệt thôi.

...

Tôi gạt vào nhà cao căng của con người « đao to búa lớn », tức Nguyên-Phủ. Thấy anh ngồi thư ở trước hàng ba, mắt nhìn mấy chậu hoa xuân đang thời nở nhụy.

— Sao anh để cây « búa » anh « ngủ » lâu quá. Bộ nó gãy cán hay mẻ lưỡi rồi sao ? Anh không sợ để lâu nó sét ?

Anh vuốt lại mớ tóc lòa xòa, lè nhè trả lời rằng :

— Búa vẫn còn nguyên vẹn, nhưng bây giờ viết ra cái gì anh em cũng bảo phải xây phải dựng, mà tôi thì « trời sanh quen nứt đi rồi », cứ búa bồ mãi, nhiều người hiểu lầm tôi quá. Nên

tôi định sang năm mài lại lưới búa để đi bừa... cửi, chớ không bừa vẫn làm gì.

Điều xi gà to tướng ở mỗi một người đáng quen quen đứng tựa bao lơn một căn nhà khít đường làm cho tôi chú ý. Thì ra người chuyên giữ mục «Chính-trị» của Bách-Khoa, anh Hoàng-Minh-Tuynh đang đứng nhìn trời, sau khi đã mệt vì người vì việc ở cõi trần ai.

Câu đầu tôi hỏi anh là :

— Anh xem thế giới sang năm đi về hướng nào ?

Anh lắc đầu, cười thay vì trả lời, có lẽ không muốn... tiết lộ thiên cơ !

— Vậy xin hỏi về việc anh vậy. Trong tất cả bài chính-trị anh viết, bài nào làm anh thỏa mãn nhất ?

— Chưa có bài nào làm tôi thỏa mãn cả. Vì bài nào làm tôi thỏa mãn thì lòa soạn không đáng.

Không biết trả lời với anh sao (vả mình cũng chẳng có thẩm quyền gì), tôi bèn hỏi anh sửa soạn ăn Tết chưa, thì được anh trả lời :

« Tôi không bao giờ ăn Tết ! »

Từ già anh Hoàng-Minh-Tuynh, tôi lên xe chạy thăm anh Vũ-Hạnh, tin chắc người bạn này sẽ cởi mở hơn anh bạn họ Hoàng bởi anh không làm cũng như không viết... chính-trị. Quanh co nhiều nẻo, mới tìm được nhà. Anh bạn họ Vũ cả ngày lang thang dây dợ khó lòng mà gặp được mặt. May thay, bước khỏi con đường sỏi đá gập ghềnh, leo một bờ dốc hiền nghèo, qua một bờ tre rậm-rạp, đến một mái lá đơn sơ, đã thấy chủ nhân ngồi trước đĩa cá khô duỗi và cốc la-ve.

Tôi vào đề ngay :

— Thế nào ? Anh đang dàn diễn-thuyết, rồi nói về hoàn cảnh sáng tác, đường lối sáng tác, đời sống của nhà văn, v.v., mà anh có làm gì để thay đổi những thực trạng ấy hay không ?

Anh trở mặt, rồi lớn giọng nói :

— Đó là việc làm của một chế độ chứ không phải của một cá nhân vô nghĩa như tôi.

Anh lại nói tiếp.

— Nhất định không phải làm được rồi mới được nói, khi sự làm ấy tùy thuộc ở tình trạng chung. Lời nói có ba trường hợp : đi trước để mở đường cho việc làm, đi theo việc làm để cổ vũ nó, đi sau việc làm để phát huy nó. Hơn nữa, mình có thể sai lầm nhưng không vì vậy mà không chấp nhận lẽ phải, phục tùng lẽ phải. Khi mình làm sai mà mình vẫn nói lẽ phải để cho lẽ phải được đề cao và để cho mình dễ nhận sai lầm của mình, tôi tưởng đó là cần thiết. Chỉ có khi nào mình dùng lời hay lẽ phải che đậy sai lầm của mình và để lừa bịp kẻ khác, mới đáng xấu-hổ.

Thấy anh bắt đầu « say máu » lí luận, tôi bèn đổi chuyện để tránh một cuộc đụng độ quá sớm đầu năm.

— Thế anh đứng trên cương vị nào, chuyên-nghiep hay không chuyên nghiệp ?

— Khi nói chuyện văn nghệ là đứng trên tình trạng chung. Còn riêng về tôi thì anh cũng dư rõ là tôi không chuyên-nghiep. Tôi giờ viết văn của tôi ít ỏi, vì còn dành nhiều thì giờ để làm việc khác chẳng ra sao cả. Gần một năm nay, tôi bị sinh-kế chi phối, chẳng viết gì hết. Cuối năm, được nghỉ mới viết đôi bài trong Bách Khoa Xuân.

— Anh đã đem những chất sống, đem cuộc đời thực vào trong tác-phẩm ra sao ?

Anh có vẻ trầm-ngâm rồi tiếp :

— Đem sự sống vào trong tác phẩm không có nghĩa là thấy gì nói nấy mà phải nói cho được những vấn-đề thời đại hoặc là gián tiếp hoặc là trực-tiếp. Người ta có thể nói chuyện đời xưa mà vẫn đời nay hơn là những chuyện sờ sờ trước mắt. Tuy vậy, yêu cầu lớn nhất vẫn là mô-tả thực-tại. Tôi bất tài, bất lực, không làm được một phần trăm, phần ngàn những điều nhận-thức. Xin đừng cho rằng tôi đã bằng lòng các sáng-tác-phẩm của tôi. Nếu bằng lòng, tôi đã xuất bản.

Tôi làm thính, cảm thấy có sự bức dọc đầy nhà. Nhìn con người rần rỏi, thấy vẻ dăm chiêu của anh, như phảng phất một cái gì... man rợ, tôi bỗng nhớ truyện đường rừng của anh :

— Anh đã sống với đồng bào thượng chưa ?

— Có chứ. Hồi nhỏ có lên rừng, lớn có ở rừng những điều mô tả đều là mắt thấy tai nghe.

— Thế anh đã... « Cuôi ba dùm » chưa?

Anh liếc nhanh, nhìn tôi rồi thông thả lại chiếc tủ, giở ra: cả chục chiếc cà tui đủ màu, đủ mùi đủ cỡ, đến cả bao nhiêu sự tình.

Trước khi đứng lên tôi còn hỏi gặng:

— Thế nào? Có... « Cuôi ba dùm » thực không?

Anh mỉm cười đáp:

— Đó là... bí mật nhà nghề.

Ở xóm chuồng Ngựa mà lại nuôi... gà, hẳn chị Văn-Trang là người chứa đầy mâu thuẫn, nhưng thật ra, người nữ sĩ này sống một cách rất xuôi dòng. Không thấy bóng chị cạnh đám gà như thường khi, tôi ngại chị đã đi vắng. Nhưng không, chỉ đang im lặng làm bếp. Hỏi, mới hay người ở nằm nơi, chị phải cáng đáng lấy trong mấy ngày gần Tết.

Chị vừa lột tôm vừa trả lời tôi, giọng đều đều nhẹ nhẹ.

— Truyện tôi lấy đồng quê làm khung cảnh, nhân vật tôi là người rẫy bát, vì tôi sống ở nhà quê từ nhỏ. Cảnh, người như thấm vào người tôi, rồi lẫn lẫn nó nhĩ ra. Sở dĩ tôi hay lấy dân quê làm nhân vật chánh, vì tôi nhận thấy trước 1945, tuy không được khai hóa, nhưng căn bản họ tốt, tính tình họ chất phát, dễ mến. Tôi từng sống rất gần họ hoặc đã thấy họ thường, nên giờ đưa họ vào truyện là điều tự nhiên...

Lột tôm xong, chị lại bằm, còn tôi vẫn tìm câu hỏi:

— À, nghe nói chị đang tuyển các truyện đã viết đề sang năm cho xuất bản thì phải.

— Việc đầu thì có, việc sau thì không. Một bạn văn có hứa với tôi sẽ thương lượng đề in hai ngàn cuốn giá 10.000\$

— Rẻ thế à?

— Rẻ thế, mà tôi chưa nghĩ đến sự thực hiện. Cuộc sống hiện giờ quanh ta đang sôi như... (chị cười, đứng dậy) nôi cơm

đến lúc nó sôi, thì còn mấy ai chịu khó ngồi đó nghe mình kể chuyện xa xôi và xa xưa... Người ta hầu hết đang sống cho bây giờ: than có len giá, gạo có khon, đi đứng có dễ dàng, giặc già có kéo dài hay sẽ chấm dứt, tâm trí đâu mà thường thức văn chương, nhất là văn chương của mình là thứ đang tập sự...

— Chị nói thế chớ người ta cho chị đã qua thời ấy từ lâu rồi, và truyện chị có hương vị địa phương là lạ, khiến nhiều người thích, nhất là các bạn Bắc.

Rồi tôi đòi câu chuyện.

— Có khi nào chị nghĩ chị nên viết một truyện dài.

— Có, anh à. Tôi đã viết được sáu mươi hai trang.

— Chị đã khai sinh rồi chớ?

— Tôi chưa đặt tên. Lệ thường tôi là thế. Viết cho xong, rồi mới tìm một cái tên cho những đứa con tinh thần mình.

— Chị cho biết nội dung được chớ?

— Tôi muốn nói về thế hệ trẻ bây giờ, không phải thế hệ điển hình của thời đại theo kiểu Sagan, mà thế hệ trẻ đứng đắn, biết bòn phận mình và chịu lãnh trách nhiệm.

— Bao giờ mới xong, chị?

Chị chỉ cười nhẹ mà không trả lời. Tôi chờ một phút.

— Tết gần đến, chị có chuẩn bị gì chưa?

— Chưa kịp làm gì, vì chỉ có một mình, mà đã nuôi gà thì phải chạy theo gà một nỗi lo đó cũng đủ mệt, huống chi...

Chị bỏ lửng câu, và ngưng tay bấm tôm, mắt mơ màng rồi tiếp:

— Tết đến với tôi hết là cái thú như thuở còn quay quần bên gối mẹ cha, sum vầy giữa chị em, mà chỉ còn là nỗi lo, từ khi có trách nhiệm...

Chị lại bỏ lửng, khiến tôi chưa hiểu đó là trách nhiệm gì đã làm chị hết vui vì Tết: trách nhiệm vì chồng, trách nhiệm vì con hay trách nhiệm với... đàn gà khá đông?

Nhìn chị vừa tiếp bạn vừa làm bắp núc, tôi nhớ đến một người nội trợ rất quen khác, nhưng không phải làm nội trợ cho một đôi người, mà cho cả mấy ngàn người: đó là anh Lê - Châu phụ trách tòa soạn báo... Trăm Khoa.

Và đó cũng là người chót tôi định « tâm tình » lúc năm hầu hết.

Tòa soạn quen thuộc đây rồi, và gương mặt mუმ mუმ, trắng tròn chẳng xa lạ chi cũng đây rồi với việc làm tưởng như không bao giờ dứt được : đọc bài bạn đọc gửi đến để chuẩn bị cho các số sau số. . . Tân niên ! Quấy rầy anh lúc này để anh thoát khỏi — dù chỉ trong giây lát — cái bề bộn, cái bận rộn, cái cứ-như-thế-mãi cũng là một điều nên làm !

— Này, anh, người ta đồn : « động » Bách-Khoa là một động của những ông già bà cả trên dưới bốn mươi, một nhóm người của đóng then gài. . . kín mít, chỉ chơi riềng với nhau.

Mặt lúc nào cũng tươi của anh lại càng tươi, vì thấy câu hỏi sao mà. . . dễ trả lời thế.

Anh lấy một số Bách-Khoa kỉ-niệm có sẵn trước mặt đưa cho tôi và nói :

— Đây, anh xem lại, tác-giả số bài đăng trên số Bách-Khoa có những người trên bốn mươi mà cũng có rất nhiều người dưới ba mươi, hai mươi. . .

Ngừng một chút, anh lại tiếp :

— Tuy nhiên, trẻ, già, mới, cũ, đâu có phải chỉ tùy thuộc ở số tuổi. Chính anh đã từng dự trại Hè sinh-viên mà trẻ trung hơn cả nhiều anh chị em sinh-viên đấy ! Chỉ cần xem lại những số Bách-Khoa kỉ niệm trong 5 năm qua cũng đủ thấy một số lớn cây bút lúc đầu đã lân lẩn nhường chỗ cho mấy cây bút tới sau và mỗi năm Bách-Khoa lại được thêm một số cây bút cộng tác khác với năm trước.

« Thêm nữa, anh còn lạ gì để tránh thành kiến, chủ quan, Bách-Khoa không có một chủ bút, mà có cả một « tập đoàn chủ bút ». Anh em trong tòa soạn và những bạn cộng tác thường xuyên chia nhau đọc bài hợp với sở trường hoặc ngành chuyên môn của mình, rồi sau đó tập thể quyết định việc đăng hay không.

« Như vậy tinh thần bè phái trong Bách-Khoa không thể có, mà thực tế Bách-Khoa lúc nào cũng mở rất rộng cửa để mời đón các bạn cộng tác mới, nhất là các bạn văn-nghệ, vì chúng ta vẫn mong muốn tờ báo « phản ánh được mọi xu hướng nghệ thuật dị biệt ngày nay ».

— Anh được đọc tất cả các bài gửi về, anh có gặp những vui buồn gì ? Và anh đọc nhiều bài thế có thấy mệt không ?

— Cái mệt phải đành rồi, tôi xin miễn nói. Nghề nào cũng có cái mệt của nghề nấy. Thấy bài gửi đến nhiều, là mình đã vui rồi, vui vì được nhiều người tìm đến. Và khi mở bao, mở bì ra đọc, là lòng hồi hộp, chỉ mong gặp được bài hay dễ đăng mà thôi. Và tự nhiên nếu không được cái may mắn ấy, thì sao khỏi buồn đôi chút. Ân hận nhất là vì số trang có hạn và báo nửa tháng mới có một kì, nên nhiều bài thực giá trị mà vẫn phải để lẫn lữa mãi không sao đăng được vì kẹt nhiều bài, mà cũng vì chủ trương của Bách Khoa vốn vẫn dành ưu tiên cho các bài có tính chất thời sự.

— Sao năm rồi chẳng ai được đọc bài nào kí tên anh cả?

Anh xoa đôi tay :

— Tôi có nhiệm vụ làm cho tờ báo thành hình, và đăng được đa số bài các anh em cùng các bạn xa gần gửi đến. Tất nhiên khi nào phải có thừa chỗ mới đến lượt tôi được.

Tôi « phóng » ra viên đạn chót cuối năm :

— Bộ anh chỉ biết có bài có vở, mà chẳng biết... có Tết sắp đến sao?

Như cho câu tôi hỏi là thừa, anh chỉ ngược mặt lên cười rồi cúi đầu, làm bõn phận... kinh niên.

Tôi để lại anh cho tòa soạn vắng người, mà về... với gia đình cách xa hơn nửa buổi.

*
* *

Đầy xe lên hai bậc xi măng, tôi gặp ngay vợ tôi đang khoanh tay trước bữa cơm trưa dọn tự bao giờ, với thằng con lên ba đang thiu thiu trong lòng.

... Và tôi đợi chờ vợ tôi lên tiếng trước.

Nhưng người bạn đường tôi chỉ im lặng xới cơm, so đĩa và bắt đầu ăn chẳng một lời hỏi trách như mọi khi.

Tôi thấy có bõn phận mở đầu câu chuyện.

— Em chờ cơm có lâu không?

Im lặng. Tôi thấy lại phát phân trần ;

— Anh biết em bực cái nghề chạy hỏi người này, tâm sự với người nọ, đi sớm về trưa mà... mà lắm khi chẳng được việc gì, nhưng...

Chùng ấy nhà-tôi mới lên tiếng.

— Chẳng nhưng gì cả. Anh đã ốm nhom, lại cứ xách xe chạy mãi, lại còn chờ chờ đợi... có người lại làm cao làm thinh không thèm trả lời hoặc buộc anh đến tìm 9, 10 lần mới chịu nói. Làm cái nghề như anh thực là chán !

— Em nói cũng phải. Nhưng mình không chán, mà lại tìm thấy cái thú trong đó mới vui.

— Vậy ra anh đã thấy cái thú trong đó, và chẳng muốn già từ nó ? Anh thử cho biết cái thú nó thế nào, nó mặt mũi nó ra sao ?

Tôi đáp liêu :

— Cái thú là ở tòa soạn chưa ai thay thế anh được.

Vợ tôi bật cười : « Thì ra xem vậy mà anh cũng có tài ! »

Rồi vợ tôi trở lại dụ dòng :

— Kề ra anh cũng có tài thật. Cái tài của người chịu khó đi chợ này tìm một món, vào tiệm nọ mua một món... về cho người đầu bếp có đủ thức ăn, đồ gia vị nấu một bữa ăn ngon lành.

Tôi mỉm cười, nhìn bữa cơm ngon lành đang chờ đợi và cảm thấy bao nhiêu mệt mỏi, bực bội tiêu tan. Tôi thầm nghĩ cái nghề phóng viên cũng bạc bẽo đó, nhưng có người hiểu cho mình mà người đó lại là người ở gần mình nhất — thì cũng đủ an ủi mình lắm lắm. Còn như có căn nhần đôi lúc, có bực bội vài khi, là chỉ vì quá lo cho sức khỏe của mình, chứ cũng hiểu việc làm của mình cũng chẳng phải là việc làm vô ích.

Và tôi dùng bữa cơm nguội lạnh cuối năm ấy với cảm giác mình đang thấu cả một mùa xuân ấm áp vào lòng.

29 Tết Nhâm-Dần
NGUYỄN NGU-1

Đã có bán tại các hiệu sách :

TRIẾT HỌC NHẬP MÔN

Đệ I CD và sinh-viên văn-khoa
của TRẦN-THÁI-ĐÌNH

Tiến sĩ Triết-Học — Giảng sư Đại chủng Viện Xuân-Bích
Giảng sư Đại học Văn-Khoa Saigon và Huế

Tủ sách Ra Khơi

Giá 65 \$

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

SINH-HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

Dưới bóng vạn lý

của Pearl S. Buck

do Lê-Bá-Kông và Vũ-Phương-Minh dịch

Dưới bóng vạn lý (1) là tập tự truyện của nữ sĩ Pearl Buck, thuật lại cuộc đời của bà từ những ngày thơ ấu cho đến lúc tuổi già. Bằng một giọng giản dị tự nhiên, tác giả kể với chúng ta về sự sinh hoạt và các nhân vật trong gia đình bà, cha mẹ, anh em, chồng con, về những gì đã xảy đến trong cuộc đời của bà, về sự nghiệp trước tác và những hoạt động xã-hội của bà về những người quen biết với gia đình bà ở Trung-Hoa và Hoa-Kỳ về những nhân vật danh tiếng trên thế giới mà bà có dịp tiếp xúc về sự sinh sống của nhiều quốc gia mà bà đã biết, hoặc ít hoặc nhiều, trong đời: Trung-Hoa, Hoa-Kỳ, Nhật-Bản, Ấn-Độ, Nga, Pháp, cả Việt-Nam nữa. Vừa kể lại sự việc, tác giả vừa có những

nhận xét thú vị xác đáng về rất nhiều vấn đề. Tựu trung, phần quan trọng hơn cả trong tác phẩm này là mối cảm tình của tác giả đối với Trung-Hoa: người Trung-Hoa, nước Trung-Hoa, nền văn minh Trung-Hoa.

Tác giả là người Mỹ, sinh ở Mỹ, nhưng lớn lên ở Trung-Hoa. Những người giúp việc trong gia đình bà là người Trung-Hoa, hàng xóm láng giềng, những tín đồ hàng ngày lui tới với thân phụ tác giả là một nhà truyền giáo những người này là người Trung-Hoa... cho nên tác giả tiếp xúc với xã hội, phong tục Trung-Hoa rất sớm. Lớn lên tác

(1) Ziên-Hồng xuất bản.

giả học với thầy Không, một thầy đồ Tàu, về Mỹ học đại học, rồi trở qua Trung-Hoa cũng lại dạy thanh niên Trung-Hoa. Tác giả chứng kiến sự chung đụng hẳn học giữa những người Tây-Phương và Trung-Hoa, và nhờ một hoàn cảnh đặc biệt mà hiểu rõ quan điểm của cả hai bên ; tác giả lại chứng kiến hai cuộc cách mạng đưa Trung - Hoa từ một nước quân chủ tới một nước cộng sản. Vì thế bà là một trong số những tác giả Tây phương hội đủ những điều kiện hiếm có để nói về Trung-Hoa.

Bà có thể tự-hào là đã biết nhiều điều mà ngay đến cả phần đông thanh-niên trí-thức của Trung-hoa cũng chưa biết đến. Chẳng hạn về sự nghèo-nàn cơ-cực của dân-quê Trung-Hoa, tác-giả đã từng dự một cuộc họp bạn trong đó có mười một người đàn bà mà có tới chín bà vừa khóc vừa thú - nhận là đã giết con gái khi mới sinh ra. Nhiều thanh-niên trí-thức Trung-Hoa sẵn sàng kêu rằng hành động dã-man ấy không thể nào xảy ra ở nước họ ; sự thực thì có lẽ họ không bao giờ có dịp được những người đàn bà nông-dân xứ họ tâm - sự với họ thực-tình như đã tâm-sự với bà Pearl Buck ! Ngay đến việc phụ - nữ bó chân ; trong khi bà P. Buck biết rõ ở đâu còn có người bó chân thì một số thanh-niên Trung - Hoa du - học ở nước ngoài đã yên - trí là tục - lệ « dã-

man » ấy biến mất trên nước họ từ lâu rồi !

Sự hiểu biết sâu xa về thực-trạng của dân tộc Trung - Hoa như thế không gieo vào tâm hồn tác - giả một chút khinh-thị nào. Trái lại, tác-giả đã hết lòng yêu mến Trung-Hoa bằng một tình yêu có khi đến lạ lùng : bà yêu lịch-sử, triết-học, quan-niệm nhân-sinh của Trung-hoa ; yêu thích phong - cảnh xứ Trung-Hoa và bênh-vực người Tàu khi có kẻ cho rằng họ không có khiêu-thâm-mỹ bằng người Nhật. Bà yêu chế-độ đại gia - đình của Trung-Hoa, cho rằng nó đã giải - quyết lợi ích nhiều vắn-đề xã-hội cho xứ này, bà tin rằng nếu Tôn-Dật-Tiên cùng Trương Giới-Thạch biết rõ sự quan-trọng của đại gia-đình, biết củng cố chặt-chẽ đại gia-đình, những nhà lãnh-đạo ấy đã có thể chống cự nổi với chủ nghĩa cộng-sản tại Trung-Hoa. Bà có cảm tình cả với nền quân chủ Trung-Hoa, và nghĩ rằng giá cuộc cách mạng Tân hợi không vứt bỏ ngai vàng đi thì có lẽ kết quả đã tốt đẹp hơn. Mỗi cảm tình đối với Trung-Hoa còn vượt khỏi tâm trí mà ảnh hưởng đến vị giác của tác giả : bà không thích uống sữa như người Tây-phương ; và ảnh hưởng luôn đến cả khứu giác nữa : bà không chịu nổi cái mùi hôi rất nặng của người Tây-phương, người Hoa-Kỳ, đồng bào của bà !

Một người như thế tất lấy bất-bình trước cảnh thanh niên tân học

Trung-Hoa học đòi Tây-phương, ruồng bỏ nền văn hóa cổ ruyền của mình, và do đó gây ra nhiều lỗi lầm tai hại cho xứ sở. Bà lại càng bất bình căm giận thái độ kiêu căng tàn bạo ngu xuẩn của bọn thực dân da trắng đối với dân Trung-Hoa và đối với hầu hết mọi dân tộc Á-Châu nói chung. Nhờ thông cảm với nỗi phần uất âm thầm hun đốt trong lòng người Trung-Hoa, bà đã tiên đoán nhiều điều rất đúng về các biến cố chính trị liên quan đến người da trắng ở Á-Châu trong khoảng mấy mươi năm gần đây. Và bà nhận định sáng suốt vai trò quan trọng của các dân tộc nhỏ ngoài Âu-châu và Mỹ-Châu, bà cho rằng nước Hoa-Kỳ thân yêu của bà sẽ không thể có đủ uy tín để chu toàn trách nhiệm lãnh đạo thế giới tự do nếu không chịu tìm hiểu đến nơi đến chốn các dân tộc khác màu da này. Bà mong muốn Âu Mỹ chịu hiểu Á-Châu một cách đúng đắn. Tiếc thay, đó chưa phải là thái độ của đa phần người Âu Mỹ: có một lần bà diễn thuyết tại Nữ-Uớc, chịu khó phân tích tỉ mỉ tư tưởng Trung-Hoa, nói xong bà chờ cử tọa nêu thắc mắc, một cử tọa gồm các bà trí thức; đáp lại sự chờ đợi ấy, một bà cụ đường bệ ngồi ở hàng đầu bèn đứng lên hỏi xem là món sườn xào chua mà bà ăn ở trong các tiệm Trung-Hoa tại Nữ-ước có đúng là món Trung-Hoa không!

Tuy nhiên, ở Hoa-Kỳ, tâm lý đã thay đổi nhanh chóng sau cuộc thế chiến thứ hai và sau cuộc chiến tranh ở Nam-Hàn. Tác giả vui mừng nhận thấy đồng bào mình đã « ngày càng thêm giác ngộ » và « bắt đầu từ bỏ những thành kiến có hại về tín ngưỡng, về quốc tịch ». Tác phẩm kết thúc bằng những giòng lạc quan, hy vọng ở sự cảm thông hợp tác giữa các dân tộc.

* *

Trong « *Dưới bóng vạn lý* » những vấn đề triết lý, chính trị, văn-học, giáo dục... to lớn xen lẫn với những kỷ niệm vui buồn của một gia đình, của chính tác giả. Người đọc không mỗi một vì nghị luận quá dài, mà cũng không chán vì chỉ mãi theo dõi những chi tiết nhỏ nhặt trong khuôn khổ một cuộc sống cá nhân.

Đọc « *Dưới bóng vạn lý* » như được tiếp chuyện một người lịch lãm, nghe thấy nhiều, có nhãn quan rộng rãi, có tài quan sát tinh tường. Riêng đối với độc giả Á-châu, lại có cái hứng thú gặp tri kỷ.

Giới thiệu P. Buck với quần chúng Việt-Nam vào lúc này dịch *Dưới bóng vạn lý* vào lúc này, các ông Lê Bá Kông và Vũ Phượng Minh đã làm một việc hợp thời. Những dân tộc đang hợp tác với nhau cần hiểu nhau. Sự thông hiểu rành mạch

về Anh ngữ của các dịch giả không ai còn nghi ngờ gì nữa. Tuy nhiên cách diễn đạt ra quốc văn vẫn có đôi chỗ chưa làm ta hài lòng. Trước hết về cái nhan đề: tại sao *My several worlds* (Các thế giới của tôi) lại dịch là *Dưới bóng vạn lý*, «bóng vạn lý» có nghĩa gì chẳng? Sau nữa, rải rác trong dịch phẩm có những câu văn rất ít tính cách Việt-Nam: «Ông đã sông trong căn nhà mà ở đó tôi đã ra đời» (trang 49); «Đó là một chùy mà tôi không thể tỉnh lại được» (trang 286) v. v. . Đối với các nhân danh, địa danh, phần nhiều dịch giả

đã phiên âm ra âm Hán-Việt, như
thề rất phải, vì quen thuộc với độc
giả Việt-Nam. Nhưng có những chỗ
khác các dịch giả lại để nguyên lời
phiên âm Tây-Phương. Vì vậy có
chỗ dịch giả viết: ông Tôn-Dật-Tiên
ông Viên-Thê-Khải, bà Trương, ông
Khổng v. v. . . có chỗ lại viết: ông
Chou-Shu-Jen, ông Lu - Shün, ông
Kuo-Mo Jou.. thay vì Chu Thụ Nhơn,
Lỗ Tân, Quách-Mạt-Nhuộc Trong
một tác phẩm tưởng nên theo một
nguyên tắc phiên dịch để tránh cho
độc giả những sự bỡ ngỡ vô ích.

Tràng-Thiên

Hội mùa Xuân với đời sống tình cảm Việt-Nam

NGUYỄN-NGU-Í huật

Từ ngày Đất Nước phải chia đôi, cứ mỗi lần một ít gió lạnh cuối năm đến thăm miền Nam mưa nắng hai mùa này thì đồng bào di cư lại thêm dịp nhớ nhung trời đất Bắc. Riêng năm nay, trời lại lạnh có hơi nhiều, và phải chăng vì thế mà ông Nguyễn-Đặng-Thực, khoa trưởng trường Đại-học Văn-khoa, chọn đề tài :

« Hội mùa Xuân với đời sống
tình cảm của Việt-Nam »

để nói với một số đồng bào.
15 ngày trước Tết, một hôm sau
ngày đại-hàn âm-lịch, (nhằm ngày
21-1-1962) tại trụ sở Tổng hội Giáo

giới, 2. đại lộ Thống - nhất, Sài-Gòn (1).

✱

Và cái nỗi nhớ nhung quê cũ, tâm lòng người vì lí tưởng, vì thời thế mà nay cứ mỗi khi năm hết ngày tàn lại ngùi ngùi trông về cõi lí đề :

« Đói thương muốn dậm tử
phần.

« Hồn quê theo ngọn mây Tần
xa xa ».

(1) Buổi diễn thuyết này do hội Liên-lạc Văn-hóa Á-Châu tổ chức.

Đã được nhà diễn giả mượn để mở đầu câu chuyện mà ta có thể chia làm bốn phần :

1. — Về các hội mùa xuân, các tục hát đò (hội Lim, hội Thăm-Lệ).
2. — Ý nghĩa của các hội hè : tánh cách sinh lí, tính cách tình cảm và tính cách tín ngưỡng.
3. — Ý nghĩa các ngày Tết : tha thứ tất cả, tin tưởng ở ngày mai.
4. — Quan niệm âm dương : tin rằng quan niệm này có tính cách bổ túc cho nhau chứ không phải để tiêu diệt nhau (như nam với nữ), một định cách lạc quan của vũ trụ quan đó (âm dương).

* *

Nhắc đến hội hè mùa Xuân, người ta nhớ ngay đến vùng Kinh Bắc, đến tỉnh Bắc-Ninh, miền có tiếng với «gạo trắng, nước trong, con gái đẹp»

Cái đẹp của gái Bắc-Ninh là một cái đẹp chắt phác, mộc mạc, thiên nhiên, không phải cái đẹp lạnh lùng của các tiểu thư khuê các, hay cái đẹp nhân tạo của các cô gái mới ngày nay.

Rồi diễn giả thuật lại một ngày hội vùng này mà ông có đến dự ba mươi năm về trước. Những câu hát tình tứ của đôi bên trai gái được ông nhắc đến để chứng minh tính cách sinh lí và tình cảm của các hội hè trong dịp Xuân về.

Ý nghĩa ngày Tết được diễn giả nhấn mạnh : sống quay quẩn với người thân để thắt chặt thêm tình gia tộc, giữ ý và lời được dịu dàng thanh nhã, tha thứ những người đã làm mình buồn, khổ, tin tưởng mạnh ở ngày mai ... Cái tư tưởng bao dung và lạc quan ấy là một di sản đáng được giữ gìn và truyền nối.

Dân Việt ta ; giữa hai khối Hoa, Ân có hai vũ trụ quan khác nhau (Hoa theo cái vòng thời tiết : xuân, hạ, thu, đông ; Ân theo cái vòng luân hồi : sinh, lão, bệnh, tử), đã khéo tổng hợp hai vũ trụ quan ấy để nhà Nho đỡ phần duy vật, và nhà Phật đỡ phần yếm thế. Người có công phối hợp hai quan niệm về cuộc sống ấy là vua Trần-Thái-Tôn (1218-1277) với cái triết lí bốn núi của người :

sinh = xuân ; *lão* = hạ ;
bệnh = thu ; *tử* = đông

Diễn giả cho rằng Trần-Thái-Tôn đã đạt tới mục đích nghệ thuật hóa nhân sinh, biểu lộ đời sống tình cảm nông dân trong các ngày Tết đầu năm, các hội hè đầu Xuân, cũng như trong ca dao, tục ngữ và trong nền văn chương bác học.

« Ở đâu cũng thấy cái tình thần yêu đời, nồng nàn tình cảm, tràn ngập cả cỏ cây trời đất, một tin tưởng vào ngày mai tươi sáng, một hi vọng như ngọn đèn bất dạ không bao giờ tắt ».

Diễn giả thuật lại những cảm nghĩ của một nhà văn Pháp, ông A. Bon-

nard lúc qua thăm Á-Đông. Ông Bonnard phân nân rằng ở Âu, người trí thức sống tách với Tạo vật, làm « nô lệ quyền sách », còn ở Á, thì trí nhân quân tử dung hòa Trời Đất với con Người, hòa mình với vạn vật, trước « cái cách sống nhân sinh nghệ thuật mà mùa Xuân gợi ra ở tâm hồn các dân tộc » phương Đông.

Cho nên ta nên sống sao cho có vận điệu. « Vận điệu không phải cái trật tự vận động máy móc hay cơ giới. Nó thuộc về một nguyên do

của bản tính khí h động cuộc sáng tạo, một nguyên lí tâm linh ».

Để Người với Thiên nhiên hợp làm một, không đối lập như kẻ thù, mà dung hòa như bạn thiết, để mỗi lần Xuân đến, ai ai cũng có thể vui vẻ hát rằng :

Xuân đoạn rồi, Xuân lại tái lai.

Há rằng Xuân có riêng ai ?

Nguyễn-Ngu-Í thuật

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸 金字烟

Cigarettes

COFAT

Bách-Khoa đã nhận được:

- Hoàng hôn tương tư (Ly-Khách) — Trở về; Hôm qua; Dạ khúc; Kết cuộc (Chu-Sơn) — Chuyện buồn tháng giêng; Lần cuối của một người; Trong cô đơn; Bản Khoản (Du-Tử-Lê) — Góp lời ca (Thành-Tôn) — Nỗi buồn buổi chiều; Tôi oà khóc trong những chiều...; Sự buồn ngủ của cuộc đời (Lê-Uyên-Nguyên) — Sau phiên thánh đường (Huy-Giang) — Thơ phố nhỏ; Thân phận (Du-Tử-Lê) — Một mình; thức giấc; Thời yên hoa tóc; Thuở vào đời (Huy Thao) — Nỗi buồn riêng; Trường xưa; Khúc ca dinh điền (Bảo-Lộc) — Lặng sóng (Hoài-Thương-Nguyên) — Trên mặt chiếu (Trịnh-Khắc-Hồng) — Cho tim sống mãi (Ngũ Hồ-Hải) — Người khách qua đường (Lê-Tất-Điều) — Bồi ngòi (Vi-Thương) Thời gian trên giấy trắng (Mặc-Mai-Nhân) — Suyễn (Trường-Giang)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây đều bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho Đa tạ.

Ô. D.T.L (Chợ Lớn)

Ô. Đ.Đ.K (Đà Nẵng)

- Bách-Khoa không phải là một nhóm riêng và tất nhiên không phải chỉ đăng bài của một số người cộng tác vào gọi là chính thức mà sẵn sàng đăng mọi bài của các bạn gửi về qua một sự lựa chọn tập thể. Bài của các bạn cộng tác, dù cũ hay mới, dù ở trong hay ngoài ban

biên tập, đều được xét định như nhau.

Ông Đoàn-Thêm cũng chỉ là một người viết thư thường xuyên cho Bách Khoa như mọi bạn khác, không hề đứng trong tòa soạn Bách Khoa như một vài bạn đã hiểu lầm.



SÁCH BẢO MỐI

Bách Khoa đã nhận được:

- **Chơi chữ** của Lãng-Nhân, Nam-Chi Tùng Thư xuất bản, do tác-giả gửi tặng Sách in rất mỹ thuật trên giấy quý, dày 190 trang, loại đặc biệt không ghi giá.
- **Triết học n'ập môn** của Trần-Thai-Đỉnh, Tiến sĩ triết học, giảng sư Đại-học văn-khoa Sài-gòn và Huế, Ra Khôi xuất bản. Sách dày 204 trang gồm 3 phần: Đại cương về triết học; Nguồn gốc của triết-học; Những vấn đề lớn của Triết học, giá 65đ.
- **Luật lệ Thuế công quản** của Hoàng-Tế-Ngô và Ngô-Quý-Tân. Sách dày 170 trang. Giá 55đ.
- **Văn Khoa** tạp chí của sinh viên Đại-học Văn-Khoa. Số mùa xuân Nhâm Dần 1962, chủ trương biên tập: Phạm-Dương-Hiến, Tổng thư ký: Nguyễn-Anh-Tuấn. Tạp chí khổ lớn, dày 64 trang, giá 15đ.
- **Sứ mệnh** (Bộ mới số 5) P. T. Thanh-Đỉnh-Công V. N. tạp chí do một nhóm giáo-sư công giáo chủ trương, dày 26 trang.
- **Ngân Thương thơ** của Kim-Tuấn và Đỉnh-Giang Đỉnh-Cường minh họa Bản đặc biệt.



NHÂN DỊP TẾT NHÂM DẦN

Công - Ty Điện - Ảnh WARNER BROS. thân - ái kính chúc quý - vị khán giả thân-mến một năm đầy đủ hạnh - phúc và xin trân - trọng mời quý-vị cùng chúng tôi lại trang lịch-sử điều-tàn của La-Mã do hồ-ly-tinh MESSALINA, một Võ-Hậu Tây-Phương đã hiến đê-quốc hùng-cường của CÉSAR ra một bể thảm thành sâu nhuộm đầy máu lửa....

Vai MESSALINA, Võ-Hậu Tây-Phương, sẽ do :

BELINDA LEE

nữ minh-tinh hấp dẫn nhất, cô đào tài sắc vẹn toàn nhất, bông hoa tươi thắm nhất của vườn hoa điện - ảnh đắm-nhiệm.

NHỮNG MẢNH TÌNH CỦA NỮ-HOÀNG MESSALINA

Màu Technicolor — Nói tiếng Pháp — Phụ-đề Việt-ngữ

sẽ được độc-chiếu tại rạp **KIM-CHAU** từ 3-2-1962



Sau phim Nữ-Hoàng MESSALINA, xin quý-vị nhớ đón coi những phim sau đây sẽ được trình-diễn trong năm 1962 :

FANNY

với

LESLIE CARON
HORSE BUCCHOLZ
MAURICE CHEVALIER
CHARLES BOYER

NUITS DU MONDE N° 2



● **SPLENDOR IN THE GRASS**
Natalie Wood, Warren Beatty

● **CRIMSON PIRATE**
Burt Lancaster

● **ROMAN SPRING OF MRS. STONE**
Vivien Leigh, Warren Beatty

● **SUSAN SLADE**
Troy Donahue, Connie Stevens

● **THE MAJORITY OF ONE**
Rosalind Russell, Ray Denton